



**TỔNG CÔNG TY  
PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ**

MCK: DPM

**KHÁT VỌNG**



**NIỀM TIN**



|   |           |
|---|-----------|
| Tầm nhìn - Sứ mệnh  | 04        |
| Thông điệp Chủ tịch Hội đồng quản trị                               | 06        |
| <b>GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PVFCCo</b>                                  | <b>10</b> |
| Thông tin khái quát   | 12        |
| Quá trình hình thành và phát triển                                  | 13        |
| Các mốc phát triển quan trọng                                       | 14        |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh                                    | 16        |
| Mục tiêu chiến lược trung và dài hạn                                | 18        |
| <b>MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC &amp; NHÂN SỰ</b>               | <b>20</b> |
| Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 22        |
| <i>Mô hình quản trị</i>   | 22        |
| <i>Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty mẹ</i>                             | 23        |
| Các công ty có liên quan  | 24        |
| Sơ đồ tổ chức   | 26        |
| Giới thiệu Hội đồng quản trị  | 28        |
| Giới thiệu Ban điều hành  | 31        |
| Giới thiệu Ban kiểm soát  | 34        |
| Tổ chức và nhân sự  | 36        |
| Chính sách đối với người lao động                                   | 38        |
| Thống kê số liệu về sản xuất, kinh doanh                            | 40        |
| Đạm Phú Mỹ của Tổng Công ty   |           |

## NỘI DUNG

|  |            |
|--|------------|
| <b>BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>   | <b>42</b>  |
| Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2019  | 44         |
| <i>Nhận định các yếu tố rủi ro chính</i>   | 44         |
| <i>Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh</i>  | 46         |
| <i>Công tác đầu tư dự án và đầu tư khác</i>  | 50         |
| <i>Tình hình tài chính của Tổng Công ty</i>  | 51         |
| Báo cáo của Ban Tổng giám đốc  | 52         |
| <i>Đánh giá chung</i>  | 52         |
| <i>Phân tích tình hình tài chính</i>   | 54         |
| Các danh hiệu đạt được trong năm 2019  | 56         |
| <b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>  | <b>58</b>  |
| Danh sách thành viên HĐQT, BĐH, BKS năm 2019   | 60         |
| Thay đổi trong HĐQT, BĐH, BKS  | 61         |
| Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông  | 61         |
| Báo cáo về quản trị công ty  | 63         |
| <i>Các đánh giá của HĐQT về quản trị công ty tại doanh nghiệp</i>                            | 63         |
| <i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2020</i>                               | 66         |
| Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2019   | 68         |
| Báo cáo hoạt động của BKS  | 76         |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BTGD và BKS                       | 78         |
| Đánh giá kết quả thực hiện quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN | 80         |
| Báo cáo quản trị rủi ro  | 82         |
| Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư   | 90         |
| <b>BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</b>   | <b>92</b>  |
| Báo cáo tổng quan về phát triển bền vững   | 94         |
| Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường                                   | 100        |
| Báo cáo về hoạt động trách nhiệm xã hội năm 2019   | 105        |
| <b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT</b>  | <b>106</b> |
| Báo cáo của Ban Tổng giám đốc  | 109        |
| Báo cáo kiểm toán độc lập  | 111        |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất  | 113        |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất  | 116        |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất  | 117        |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất   | 119        |

## TÂM NHÌN

Phát triển trở thành doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam và trong khu vực về lĩnh vực sản xuất và kinh doanh phân bón và hóa chất phục vụ ngành dầu khí.

## SỨ MỆNH

Sản xuất, cung ứng nguồn phân bón và hóa chất phong phú, đáng tin cậy với giá cả hợp lý và điều kiện tốt nhất cho khách hàng trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh, góp phần tích cực vào sự phát triển bền vững của nền nông nghiệp và kinh tế đất nước.



*PVFCCo vừa kết thúc một năm 2019 cơ bản thành công, đã vượt qua nhiều thách thức và khó khăn phát sinh ngoài dự kiến, tiếp tục giữ vững vị thế là doanh nghiệp đầu ngành với sự đổi mới về cấu trúc và cách tiếp cận để khởi đầu một hành trình với những tâm thế và kỳ vọng mới.*

DOANH THU  
**7.831**  
TỶ VNĐ

### Kính gửi Quý Cổ đông, đối tác và đồng nghiệp,

PVFCCo vừa kết thúc một năm 2019 cơ bản thành công, đã vượt qua nhiều thách thức và khó khăn phát sinh ngoài dự kiến, tiếp tục giữ vững vị thế là doanh nghiệp đầu ngành với sự đổi mới về cấu trúc và cách tiếp cận để khởi đầu một hành trình với những tâm thế và kỳ vọng mới.

Năm 2019 là năm bản lề sau chặng đường phát triển hơn 15 năm đầy tự hào của Tổng công ty. PVFCCo giờ không chỉ là Đạm Phú Mỹ và đã mở rộng hoạt động sản xuất sang ngành phân bón phức hợp NPK và các sản phẩm hóa chất phụ trợ trong bối cảnh bên trong và bên ngoài có nhiều biến động khó lường, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Trong chặng đường đã qua, có thể nói rằng năm 2019 là năm PVFCCo phải đối diện với nhiều tình huống khó khăn phát sinh nhất nhưng cũng là năm để ghi nhớ khi chúng ta mạnh dạn nhìn lại mình, mạnh dạn thay đổi để kịp thời đổi mới vượt qua thử thách, đạt được thành quả trọng yếu trong sản xuất kinh doanh như đã cam kết với cổ đông, nhà đầu tư.

PVFCCo đã khởi đầu năm 2019 với niềm tin từ những kết quả hoạt động tích cực của năm 2018 nhưng cũng ý thức sâu sắc, nghiêm túc về những rủi ro, thách thức đã, đang và sẽ tác động đến sự phát triển của Tổng công ty. Những dự liệu này phần nào giúp PVFCCo bớt bị động và linh hoạt thay đổi nhằm xử lý, đối phó

những thách thức phát sinh khi ngay trong những tháng đầu năm 2019, Nhà máy đạm Phú Mỹ (lần đầu tiên kể từ khi hoạt động) phải dừng máy bảo dưỡng cơ hội kéo dài gần 3 tháng. Toàn bộ hệ thống PVFCCo đã hết sức nỗ lực nhằm hoàn thành vượt kế hoạch thời gian bảo dưỡng sớm 01 tuần, đưa Nhà máy sớm trở lại vận hành ổn định vào đầu tháng 5 nhưng “sự cố phát sinh” này đã ảnh hưởng mạnh tới bức tranh hoạt động chung của Tổng công ty trong năm 2019.

Với nhận thức sâu sắc rằng trong khó khăn, sự kết nối và minh bạch là yếu tố trọng yếu, Ban Lãnh đạo PVFCCo đã lắng nghe, phản hồi thông tin và có sự điều chỉnh kịp thời mục tiêu nhằm đạt được những kỳ vọng của thị trường, đối tác và người lao động trong bối cảnh phải đối mặt với nhiều khó khăn, biến đổi. Chúng ta nhận được sự khích lệ từ thị trường khi các cổ đông, nhà đầu tư nhận định “điều tối tệ nhất” đã qua và khi năm 2019 trôi qua, chúng ta nhận thức rằng những trải nghiệm như vậy đôi khi cũng là cơ hội để trở nên linh hoạt và cẩn trọng hơn. Tổng công ty trân trọng mọi sự chia sẻ và nỗ lực dù nhỏ nhất từ cổ đông, đối tác và đồng nghiệp trong thời gian khó khăn và tự hào về những điều đã làm được, dù là nhỏ nhất, để tích lũy cho những thành quả quý giá đạt được trong năm qua.

Tổng công ty đã giữ vững vị thế là một trong những doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh hàng đầu trong lĩnh vực chế biến dầu khí. Nhà máy đạm Phú Mỹ

tiếp tục được vận hành ổn định và hiệu quả, cán mốc sản lượng 708 nghìn tấn, vượt 6% kế hoạch năm. Tổng sản lượng kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất đạt xấp xỉ 1,1 triệu tấn, tạo ra 7.831 tỷ đồng doanh thu và 467 tỷ đồng lợi nhuận trước thuế. Mặc dù kết quả đạt được thấp hơn chỉ tiêu kỳ vọng ban đầu nhưng năm 2019 vẫn là một năm thành công đối với PVFCCo xét trong bối cảnh phải nỗ lực khắc phục, xử lý các khó khăn phát sinh trong sản xuất trong khi vẫn phải đối mặt với các bất lợi từ bên ngoài liên quan tới cước phí vận chuyển khí (tăng cao hơn 40% so với năm trước), ngành nông nghiệp và thị trường phân bón chịu nhiều ảnh hưởng tiêu cực từ biến đổi khí hậu, giá bán giảm mạnh sau giai đoạn hồi phục trong Q4.2018.

Trong năm 2019, PVFCCo đã mạnh mẽ triển khai tái cấu trúc hệ thống quản trị nhằm đạt được một cơ cấu quản lý mới tinh gọn và hiệu quả hơn trên cơ sở phát huy nền tảng đội ngũ nhân sự vững vàng về kinh nghiệm, hệ thống quản trị hiện đại, hệ thống phân phối rộng lớn, thương hiệu phân bón dẫn đầu trên thị trường. Cùng với đó, Ban Lãnh đạo đã hết sức chú trọng tới hoạt động quản trị tài sản, tiết giảm chi phí quản lý, bán hàng nhằm tiếp tục cải thiện hiệu quả hoạt động chung của Tổng công ty.

Với những nỗ lực trong quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh trong năm 2019, thị trường tiếp tục ghi nhận và bình chọn PVFCCo trong nhóm doanh nghiệp niêm yết lớn, minh bạch và hiệu quả nhất: PVFCCo là một trong 150 doanh nghiệp lớn nhất nước; là một trong Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất năm 2019; nằm trong Top 50 thương hiệu hàng đầu Việt Nam; Top 5 doanh nghiệp quản trị công ty tốt nhất; Top 3 doanh nghiệp niêm yết được cộng đồng nhà đầu tư yêu thích nhất về hoạt động IR,...

Bước sang năm mới, PVFCCo xác định rõ những nhiệm vụ, mục tiêu cần đạt được cũng như những rủi ro, thách thức tiếp tục tác động tới Tổng công ty trên con đường phát triển trong giai đoạn tới. Các mục tiêu trọng tâm trong năm 2020 là: Tiếp tục vận hành hiệu quả các nhà máy phân bón, hóa chất hiện hữu (đặc biệt là nhà máy phân bón phức hợp NPK); tranh thủ sự ủng hộ của các cơ quan có thẩm quyền nhằm đạt được sự cam kết trong ngắn hạn và dài hạn về nguồn khí đầu vào ổn định; tăng cường hoạt động bán hàng và phát triển thị trường nhằm đa dạng nguồn tiêu thụ sản phẩm phân bón, hóa chất; đẩy mạnh triển khai công tác nghiên cứu phát triển sản phẩm mới theo hướng sáng tạo, khác biệt và hiệu quả; cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là tiếp tục hoàn thiện một cơ cấu quản trị - điều hành chuyên nghiệp, nâng cao năng lực quản trị, minh bạch thông tin nhằm thích ứng với môi trường cạnh tranh và bối cảnh có nhiều thay đổi trên thị trường.



Năm 2020 mới chỉ là năm khởi đầu của một thập kỷ mới và chặng đường phát triển trong trường thành của PVFCCo. Các mục tiêu chiến lược phát triển được rà soát, cập nhật trong giai đoạn tới sẽ sớm được hoạch định, diện mạo mới của hệ thống quản trị được tái cấu trúc toàn diện được định hình sẽ tạo đà cho hành trình phát triển mới của Tổng công ty trước những thách thức, cơ hội trước mắt.

Hơn lúc nào hết, Ban Lãnh đạo Tổng công ty kỳ vọng rằng các cổ đông tiếp tục đặt niềm tin, mong mỗi toàn thể mọi thành viên trong Tổng công ty đồng lòng thể hiện được khát vọng mạnh mẽ, đem sự phục vụ tốt nhất đến khách hàng, thì những ngày tươi đẹp vẫn ở phía trước.

Xin trân trọng cảm ơn sự quan tâm, tín nhiệm và đồng hành của Quý cổ đông, Nhà đầu tư, khách hàng và các đồng nghiệp.

**TM. Ban Lãnh đạo,  
Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Nguyễn Tiến Vinh**

# CHƯƠNG 1

## GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PVFCO

Thông tin khái quát  
Quá trình hình thành và phát triển  
Các mốc phát triển quan trọng  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mục tiêu chiến lược trung và dài hạn

10  
12  
13  
14  
16  
18



## GIỚI THIỆU TỔNG QUAN PVFCCo



### THÔNG TIN KHÁI QUÁT

|                            |   |
|----------------------------|---|
| Tên giao dịch:             | Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP        |
| Giấy ĐKKD:                 | 0303165480  |
| Vốn điều lệ:               | 3.914.000.000.000 đồng                                  |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: | 3.914.000.000.000 đồng                                  |
| Địa chỉ:                   | 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh |
| Điện thoại:                | (+84.28) 3825 6258                                      |
| Fax:                       | (+84.28) 3825 6269                                      |
| Website:                   | www.dpm.vn  |
| Mã chứng khoán:            | DPM   |

VỐN ĐIỀU LỆ

**3.914** TỶ ĐỒNG

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

### Ngày thành lập

Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (nay là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 02/2003/QĐ-VPCP ngày 28/03/2003 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 19/01/2004.

Ngày 21/9/2004, Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP đã tiếp nhận Nhà máy đạm Phú Mỹ từ Tổ hợp nhà thầu Technip - Samsung và chính thức quản lý, vận hành đưa sản phẩm phân urê thương hiệu Đạm Phú Mỹ ra thị trường.

### Quá trình đổi mới doanh nghiệp

#### › Từ Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần

Ngày 15/03/2007, Bộ Công nghiệp đã ra Quyết định số 793/QĐ-BCN về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí với 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí hoạt động theo mô hình công ty cổ phần.

Ngày 21/04/2007, Công ty đã thực hiện thành công việc chào bán 40% cổ phần ra công chúng tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán TP. HCM.

Ngày 30/06/2007, Công ty đã tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty cổ phần, thông qua Điều lệ công ty, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và thông qua các kế hoạch kinh doanh sau khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động.

Ngày 31/08/2007, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký số 4103007696 và Công ty cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí chính thức đi vào hoạt động.

#### › Niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM (HOSE)

Ngày 29/10/2007, Công ty đã hoàn tất các thủ tục đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM (HOSE) và ngày 05/11/2007, Công ty đã chính thức niêm yết 380 triệu cổ phiếu trên sàn HOSE. Công ty niêm yết bổ sung 11,4 triệu cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) vào ngày 26/02/2016.

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông

Mã chứng khoán : DPM

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Số lượng niêm yết : 391.400.000 cổ phiếu

#### › Từ Công ty cổ phần thành Tổng Công ty

Ngày 05/04/2008, Đại hội đồng cổ đông thông qua đề án chuyển đổi từ Công ty cổ phần thành Tổng Công ty (mô hình công ty mẹ - công ty con).

Ngày 15/05/2008, Sở Kế hoạch Đầu tư TP. HCM đã cấp Giấy chứng nhận Đăng ký sửa đổi số 4103007696 cho Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty cổ phần.

## CÁC MỐC PHÁT TRIỂN QUAN TRỌNG

**12/03/2001**

Phát động triển khai xây dựng Nhà máy đạm Phú Mỹ.



**21/09/2004**

PVFCO nhận bàn giao Nhà máy đạm Phú Mỹ, chính thức đưa sản phẩm mang thương hiệu Đạm Phú Mỹ ra thị trường.



**15/12/2004**

Khánh thành Nhà máy đạm Phú Mỹ.

**15/05/2008**

Chuyển đổi thành Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.



**16/07/2011**

Khánh thành trụ sở PVFCO Tower.



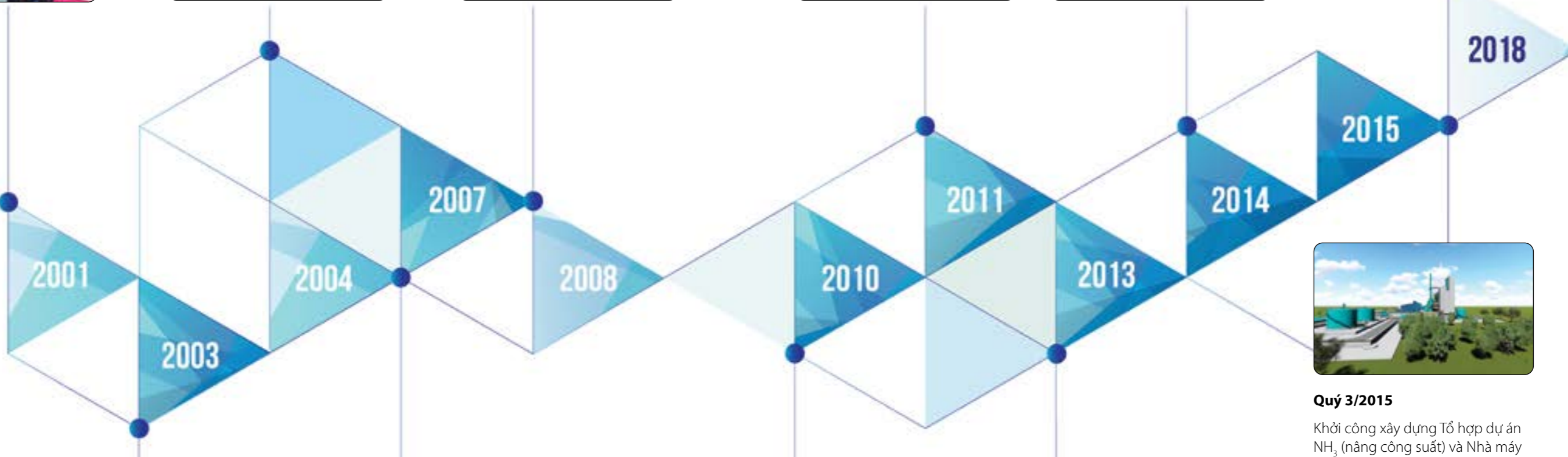
**23/12/2014**

Thương hiệu Đạm Phú Mỹ của PVFCO đã chính thức được công nhận là Thương hiệu Quốc gia 2014.



**06/05/2018**

Vận hành Tổ hợp NH<sub>3</sub> (mở rộng) và NPK Phú Mỹ



**28/03/2003**

Thành lập Công ty Phân đạm và Hóa chất Dầu khí (PVFCO).



**31/08/2007**

Chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

**05/11/2007**

Cổ phiếu DPM được niêm yết và giao dịch trên HOSE.



**14/09/2010**

Khánh thành cụm thu hồi khí thải CO<sub>2</sub> nâng công suất Nhà máy đạm Phú Mỹ lên 800.000 tấn/năm.



**28/03/2013**

Kỷ niệm 10 năm thành lập, đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất.



**Quý 3/2015**

Khởi công xây dựng Tổ hợp dự án NH<sub>3</sub> (nâng công suất) và Nhà máy NPK Phú Mỹ.





Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trải rộng khắp các vùng canh tác nông nghiệp và cây công nghiệp trên khắp lãnh thổ Việt Nam thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các công ty con đóng trụ sở chính tại các khu vực: miền Bắc, miền Trung & Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ.



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất. Hiện nay sản phẩm chủ lực của Tổng Công ty là phân đạm (urê) hạt trong, phân NPK, Kali, SA, DAP phục vụ cho nền nông nghiệp của đất nước, Amoniac lỏng, hóa chất UFC85/Formaldehyde, H<sub>2</sub>O<sub>2</sub>, hóa chất sử dụng trong hoạt động khai thác dầu khí.

## ĐỊA BÀN KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động sản xuất chính của Tổng Công ty tiến hành tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị trực thuộc Tổng Công ty, đặt tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty trải rộng khắp các vùng canh tác nông nghiệp và cây công nghiệp trên khắp lãnh thổ Việt Nam thông qua hệ thống tiêu thụ sản phẩm hình thành từ các công ty con đóng trụ sở chính tại các khu vực: miền Bắc,

miền Trung & Tây Nguyên, miền Đông Nam Bộ và miền Tây Nam Bộ.

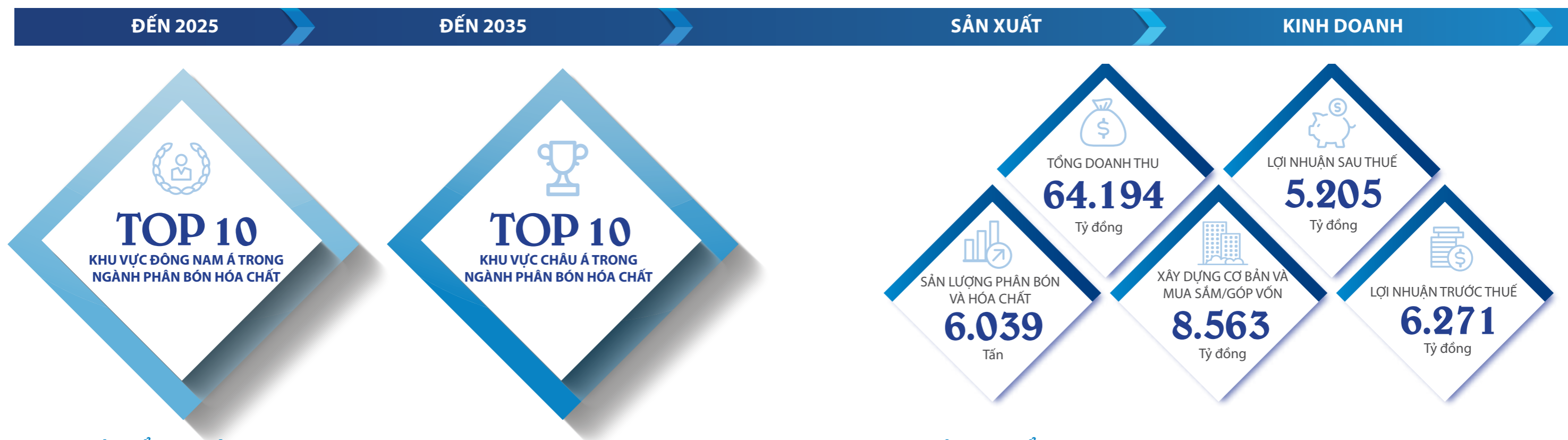
Từ năm 2011, Tổng Công ty triển khai mở rộng hoạt động kinh doanh ra nước ngoài, thiết lập quan hệ thương mại với các đối tác uy tín trong khu vực và thế giới để xúc tiến xuất khẩu phân bón ra thị trường Đông Nam Á và các thị trường khác, xúc tiến hoạt động quảng bá sản phẩm tại thị trường này.

## MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

Trải qua hơn 15 năm xây dựng và phát triển, Tổng công ty đã đạt được những thành quả hết sức ấn tượng trong sản xuất và kinh doanh. Tuy nhiên, nhìn vào kết quả hoạt động từ năm 2012 đến nay, PVFCCo đang gặp khó khăn trong vấn đề duy trì tốc độ tăng trưởng về doanh thu, lợi nhuận. Để giải quyết bài toán tăng trưởng, với quyết tâm đổi mới - sáng tạo, trong những năm qua Ban lãnh đạo Tổng Công ty đã tập trung mọi nguồn lực đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển, đa dạng hóa sản phẩm, triển khai đầu tư các dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực sản xuất phân bón, hóa chất, hóa dầu theo chiến lược phát triển giai đoạn 2008 - 2015.

Chiến lược phát triển của Tổng Công ty đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035 theo Nghị quyết phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông năm 2016 Tổng Công ty được hoạch định với những mục tiêu cơ bản như sau:

*Duy trì vị thế của PVFCCo là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón số 1 trong nước; Phát triển lĩnh vực sản xuất hóa chất, tập trung vào lĩnh vực hóa dầu. Đến năm 2020 doanh thu từ lĩnh vực ngoài urea chiếm 50% tổng doanh thu.*



### MỤC TIÊU TỔNG QUÁT

#### Giai đoạn 2016 - 2020

Duy trì vị thế của PVFCCo là doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón số 1 trong nước; Phát triển lĩnh vực sản xuất hóa chất, tập trung vào lĩnh vực hóa dầu. Đến năm 2020 doanh thu từ lĩnh vực ngoài urea chiếm 50% tổng doanh thu.

#### Các chỉ tiêu chính giai đoạn 2016 - 2020

- Sản lượng phân bón và hóa chất sản xuất: 6.039 tấn.
- Tổng doanh thu: 64.194 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 6.271 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế: 5.205 tỷ đồng.
- Đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm/góp vốn: 8.563 tỷ đồng.

#### Đến năm 2025

Tiếp tục đầu tư xây dựng các nhà máy sản xuất phân bón, hóa chất có công nghệ hiện đại và trình độ quản lý tiên tiến để đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường phân phối phân bón, hóa chất ra các nước trong khu vực cũng như trên thế giới nhằm phát triển đưa PVFCCo trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh phân bón, hóa chất với công nghệ cao trong khu vực Đông Nam Á, đứng trong Top 10 trong khu vực về sản lượng sản xuất.

#### Đến năm 2035

Phần đầu trở thành doanh nghiệp có quy mô nằm trong Top 10 ở khu vực châu Á trong ngành phân bón, hóa chất.

### MỤC TIÊU CỤ THỂ GIAI ĐOẠN 2016 - 2020

#### Về sản xuất

- Vận hành hiệu quả Nhà máy đạm Phú Mỹ, sản xuất trung bình 800.000 tấn/năm.
- Vận hành Nhà máy NPK Phú Mỹ từ 2017, đạt 100% công suất từ năm 2018 (250.000 tấn/năm).
- Gia tăng sản lượng sản xuất hóa chất hiện có, vận hành xưởng NH<sub>3</sub> mở rộng (nâng công suất thêm 90.000 tấn/năm), UFC/Formalin (15.000 tấn/năm), H<sub>2</sub>O<sub>2</sub> (30.000 tấn/năm), Polystyrene (300.000 tấn/năm).
- Hình thành các cơ sở sản xuất, cải tiến sản phẩm để sản xuất các sản phẩm phân bón chuyên dụng trên nền sản phẩm chủ lực (Urea, NPK).

#### Về kinh doanh

- Thị phần urê trong nước duy trì ở mức tối thiểu 35%.
- Tiêu thụ hết và có hiệu quả sản lượng NPK Phú Mỹ hàng năm (250.000 tấn).
- Mở rộng thị trường ra nước ngoài, tập trung tại một số nước thuộc khu vực Đông Nam Á.
- Tiêu thụ 100% các sản phẩm hóa chất sản xuất được, doanh thu tiến tới bằng và vượt mảng phân bón vào năm 2020.
- Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm phân bón trên nền Urea và NPK.
- Tiêu thụ hết sản lượng các sản phẩm phân bón chuyên dụng từ các cơ sở mới được đầu tư.

Căn cứ theo tình hình thực tế, giai đoạn 2019 - 2020 Tổng Công ty đang rà soát, đánh giá quá trình thực hiện theo Chiến lược phát triển, đề xuất những giải pháp, điều chỉnh phù hợp cho các mục tiêu dài hạn giai đoạn 2021-2030.

# CHƯƠNG 2

## **MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC & NHÂN SỰ** 20

|   |    |
|---|----|
| Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 22 |
| <i>Mô hình quản trị</i>   | 22 |
| <i>Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty mẹ</i>                             | 23 |
| Các công ty có liên quan  | 24 |
| Sơ đồ tổ chức   | 26 |
| Giới thiệu Hội đồng quản trị  | 28 |
| Giới thiệu Ban điều hành  | 31 |
| Giới thiệu Ban kiểm soát  | 34 |
| Tổ chức và nhân sự  | 36 |
| Chính sách đối với người lao động                                   | 38 |
| Thống kê số liệu về sản xuất, kinh doanh                            | 40 |
| Đạm Phú Mỹ của Tổng Công ty   |    |



# THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Tổng Công ty là đơn vị thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam - cổ đông Nhà nước nắm giữ gần 60% vốn cổ phần của Tổng Công ty. Phần vốn còn lại được sở hữu bởi hàng nghìn cổ đông gồm các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Công ty mẹ và các công ty con của Tổng Công ty được tổ chức theo hình thức công ty cổ phần đại chúng, niêm yết trên thị trường chứng khoán Hà Nội (HNX) và Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), tuân thủ các quy định và chuẩn mực quản trị của doanh nghiệp niêm yết.



## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY MẸ

### Đại hội đồng cổ đông

#### Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị đương nhiệm của Tổng Công ty có Chủ tịch và 02 thành viên chuyên trách, 02 thành viên độc lập và 01 thành viên giữ chức Tổng giám đốc.

#### Ban kiểm soát

Ban kiểm soát đương nhiệm gồm Trưởng ban và 01 thành viên chuyên trách, 01 thành viên kiêm nhiệm.

#### Bộ máy điều hành

- Đứng đầu bộ máy điều hành là thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc. Giúp việc cho Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc phụ trách về các lĩnh vực như sản xuất, công nghệ - kỹ thuật - đầu tư xây dựng, tài chính - kế toán, kinh doanh và xây dựng hệ thống phân phối, công tác nghiên cứu phát triển, hợp tác quốc tế, pháp chế, nội chính và mua sắm,...
- Tại trụ sở công ty mẹ, bộ máy tham mưu cho Ban điều hành gồm các Ban chức năng theo từng mảng lĩnh vực chuyên môn.

#### Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Tổng Công ty có các Chi nhánh đặt tại các địa bàn sản xuất - kinh doanh

- Chi nhánh Tổng Công ty - Nhà máy đạm Phú Mỹ: Đơn vị sản xuất chính của Tổng Công ty, đóng tại Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nhà máy có công suất sản xuất 540.000 tấn NH<sub>3</sub>/năm; 800.000 tấn phân đạm/năm, 250.000 tấn phân NPK/năm.
- Chi nhánh Tổng Công ty - Kinh doanh hóa chất: Đơn vị trực thuộc có chức năng hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu hóa chất.
- Chi nhánh Tổng Công ty - Ban Quản lý dự án chuyên ngành Phân bón & Hóa chất Dầu khí: Đơn vị trực thuộc có chức năng quản lý các dự án đầu tư phát triển quan trọng của Tổng Công ty.

### Cơ cấu bộ máy quản lý công ty mẹ



## CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

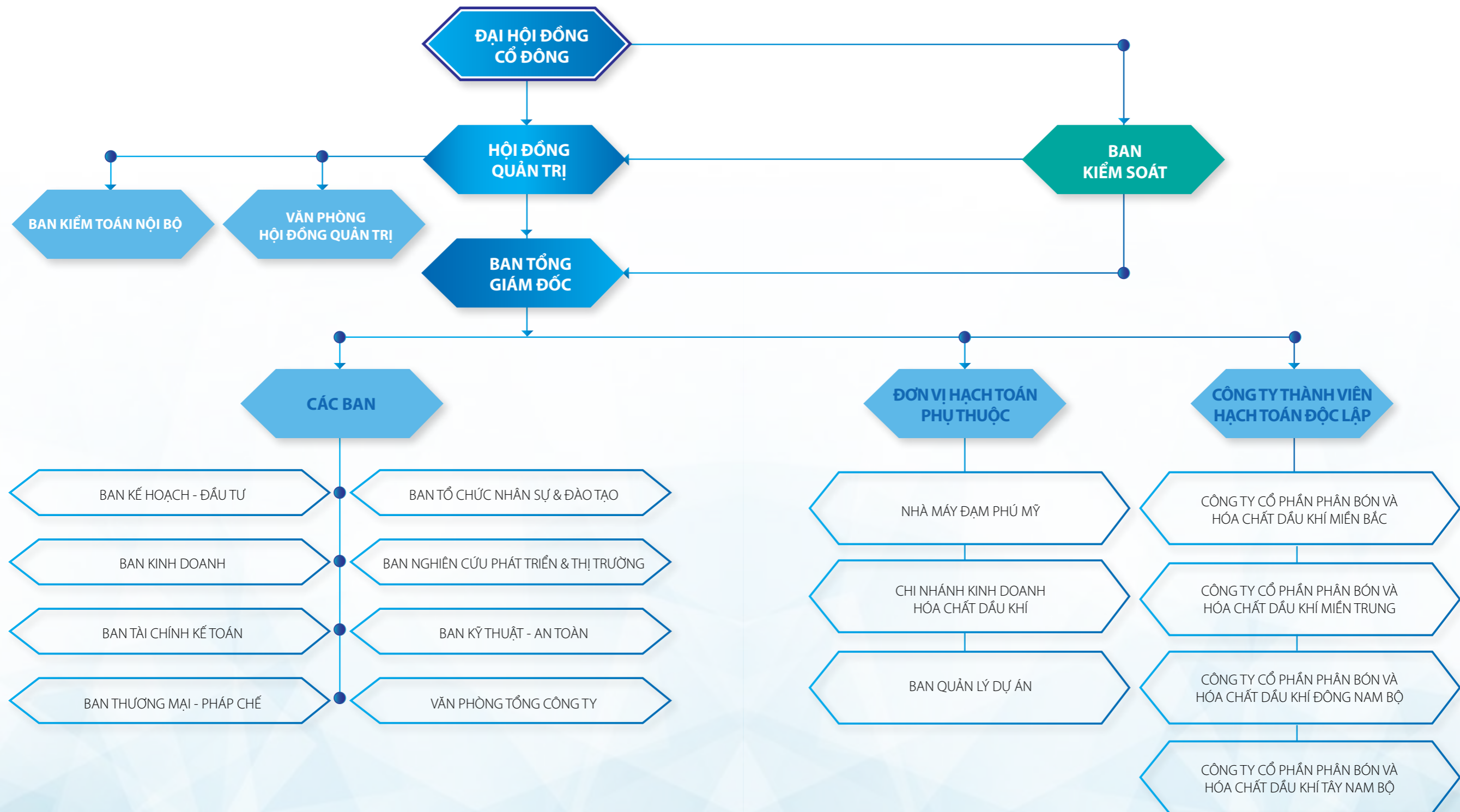
Năm 2019 Tổng công ty gồm có 4 công ty con và 5 công ty liên kết, có góp vốn.

### Các công ty nắm giữ từ 50% cổ phần trở lên

| TÊN CÔNG TY   | NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH   | VỐN ĐIỀU LỆ (TRIỆU ĐỒNG) | TỶ LỆ NẮM GIỮ |
|---|-------------------------------|--------------------------|---------------|
| <b>Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc (PVFCCo North, mã chứng khoán: PMB)</b><br>Địa chỉ: Tầng 4, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội                      | Kinh doanh phân bón, hóa chất | 120.000                  | <b>75%</b>    |
| <b>Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung (PVFCCo Central, mã chứng khoán: PCE)</b><br>Địa chỉ: Lô A2, cụm Công nghiệp Nhơn Bình, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định | Kinh doanh phân bón, hóa chất | 100.000                  | <b>75%</b>    |
| <b>Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (PVFCCo Southeast, mã chứng khoán: PSE)</b><br>Địa chỉ: 27 Đinh Bộ Lĩnh, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh           | Kinh doanh phân bón, hóa chất | 125.000                  | <b>75%</b>    |
| <b>Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ (PVFCCo Southwest, mã chứng khoán: PSW)</b><br>Địa chỉ: 151/18 Trần Hoàng Na, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ            | Kinh doanh phân bón, hóa chất | 170.000                  | <b>75%</b>    |

### Các công ty nắm giữ dưới 50% vốn

| TÊN CÔNG TY   | NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH  | VỐN ĐIỀU LỆ (TRIỆU ĐỒNG) | TỶ LỆ NẮM GIỮ |
|---|--|--------------------------|---------------|
| <b>Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ (PVFCCo Packaging, mã chứng khoán: PMP)</b><br>Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu     | Sản xuất, kinh doanh bao bì  | 42.000                   | <b>43,35%</b> |
| <b>Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PV TEX)</b><br>Địa chỉ: Lô CN5.5 A Khu Công nghiệp Đình Vũ, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, TP. Hải Phòng | Sản xuất, kinh doanh sản phẩm xơ sợi tổng hợp  | 2.165.110                | <b>25,99%</b> |
| <b>Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí (PAIC)</b><br>Địa chỉ: Tầng 4, 167 Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội          | Công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa, năng lượng sạch                        | 42.352                   | <b>8,5%</b>   |
| <b>Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC Mekong)</b><br>Địa chỉ: Lô D - KĐT Dầu khí, Đường Ngô Quyền, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau        | Tư vấn thiết kế, thi công xây lắp, sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản | 280.869                  | <b>35,63%</b> |
| <b>Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Út Xi</b><br>Địa chỉ: Tỉnh lộ 8, Xã Tài Văn, Huyện Trần Đề, Tỉnh Sóc Trăng   | Nuôi trồng chế biến và mua bán thủy, hải sản   | 354.000                  | <b>6,78%</b>  |





Ông **NGUYỄN TIẾN VINH**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1962

### Trình độ chuyên môn

Tiến sĩ kỹ thuật - ĐH Mỏ - Địa chất

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh Công nghiệp và Xây dựng cơ bản - Học viện Kỹ thuật châu Á (AIT)

Kỹ sư Máy và thiết bị khoan khai thác Dầu khí,

ĐH hóa dầu Bacu (Liên Xô).

Ông bắt đầu công tác tại ngành Dầu khí Việt Nam từ năm 1987 với vị trí kỹ sư, sau đó trải qua các chức danh công việc tại Xí nghiệp khai thác thuộc Vietsovpetro. Năm 2009 ông rời chức vụ Trưởng phòng Cơ khí - Năng lượng - Tự động hóa Xí nghiệp khai thác Vietsovpetro và đảm trách vị trí Trưởng ban Điện - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN). Tháng 4/2016 ông được bổ nhiệm giữ chức Thành viên Hội đồng thành viên PVN.

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/01/2019, ông được Đại hội đồng cổ đông bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty.



Ông **LÊ CỰ TÂN**

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Năm sinh: 1967

### Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Khai thác máy tàu biển

Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa.

Ông bắt đầu công tác tại ngành Dầu khí Việt Nam từ năm 1992, trải qua nhiều vị trí quản lý tại các đơn vị thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Ông đảm nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc PTSC trước khi về đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí từ tháng 12/2013, được bầu lại vào Hội đồng quản trị ngày 26/04/2018.

Ngày 10/01/2019, ông Lê Cự Tân được Hội đồng quản trị chấp thuận miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị và bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc Tổng Công ty.



Ông **NGUYỄN HỒNG VINH**

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1960

### Trình độ chuyên môn

Kỹ sư nông học

Kỹ sư cơ khí nông nghiệp.

Ông có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý điều hành trong lĩnh vực phân bón và vật tư nông nghiệp Việt Nam, đặc biệt là trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Từ tháng 12/2009 - 07/2013, ông đảm nhận chức vụ Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty. Từ tháng 04/2013, ông được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Thành viên HĐQT chuyên trách của Tổng Công ty. Ông được bầu lại vào Hội đồng quản trị ngày 26/04/2018.



Ông **LOUIS T NGUYỄN**

Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)

Năm sinh: 1963

### Trình độ chuyên môn

Cử nhân khoa học ngành Kế toán - Tài chính.

Louis Nguyễn đã có hơn 25 năm đầu tư và kinh nghiệm hoạt động tại Hoa Kỳ và Việt Nam. Ông hiện là Chủ tịch và Giám đốc điều hành của Saigon Asset Management (SAM) từ năm 2007. Trước khi thành lập SAM, Louis là Giám đốc điều hành VinaCapital, phụ trách Quỹ Công nghệ VinaCapital DFJ và là thành viên sáng lập IDG Ventures Việt Nam. Trước khi đến Việt Nam vào năm 2003, ông đã trải qua nhiều vị trí chuyên môn và quản lý tại các công ty Intelligent Capital, Osprey Ventures, NEC, KPMG,... tại Silicon Valley, California, Hoa Kỳ. Ông được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty bầu bổ sung vào Hội đồng quản trị tại kỳ họp thường niên ngày 28/04/2016.

## GIỚI THIỆU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông **LÊ MINH HỒNG**

Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)  
Năm sinh: 1957

### Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Quản lý công nghiệp

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh

Ông bắt đầu công tác tại ngành Dầu khí Việt Nam từ năm 1982 với vị trí giáo viên tại trường Công nhân Kỹ thuật Dầu khí (sau này là Trường Đào tạo nhân lực Dầu khí - thuộc PVN). Ông đã trải qua nhiều vị trí quản lý và đã đảm trách chức vụ Phó hiệu trưởng, Hiệu trưởng của Trường. Năm 2006 ông được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVN cho đến năm 2017.

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 10/01/2019, ông được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty.



Ông **DƯƠNG TRÍ HỘI**

Thành viên Hội đồng quản trị  
Năm sinh: 1978

### Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Điện công nghiệp

Cử nhân Kinh tế Kế hoạch Đầu tư

Ông thuộc lớp cán bộ trẻ trưởng thành từ môi trường hoạt động của Tổng Công ty. Từ năm 2007, ông gia nhập Tổng Công ty và đã trải qua các vị trí Trợ lý Tổng giám đốc, Trưởng phòng Tiếp thị, Giám đốc Công ty PVFCCo miền Trung, Giám đốc Công ty PVFCCo Đông Nam Bộ trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty vào tháng 07/2013.

Tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/04/2019, ông được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Thành viên Hội đồng quản trị Tổng Công ty.

## GIỚI THIỆU BAN ĐIỀU HÀNH



Ông **LÊ CỰ TÂN**

Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc  
Năm sinh: 1967

### Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Khai thác máy tàu biển

Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp

Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành Tự động hóa

Ngày 10/01/2019 Hội đồng quản trị Tổng công ty đã quyết định bổ nhiệm ông Lê Cự Tân, Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức vụ Tổng giám đốc Tổng công ty kể từ ngày 11/01/2019.



Ông **LÊ VĂN QUỐC VIỆT**

Phó Tổng giám đốc  
Năm sinh: 1962

### Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế Kế hoạch

Sau khi rời quân ngũ năm 1984, ông đã tham gia công tác Đoàn, Đảng, công tác tổ chức, nhân sự tại đặc khu Vũng Tàu - Côn Đảo và Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Việt - Xô. Từ tháng 05/2007, ông giữ chức Trưởng ban Tổ chức nhân sự Tổng Công ty và sau đó được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng giám đốc từ tháng 02/2009.





Ông **TỪ CƯỜNG**

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1960

### Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Công nghệ Hóa hữu cơ.

Các công việc, chức vụ đã đảm nhận: Cán bộ phiên dịch, Ban Quản lý Lao động Tiệp Khắc, Bộ LĐ-TB-XH, Kỹ thuật viên, Phòng Độc chất, Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội, Kỹ sư phòng Công nghệ, Trưởng phòng Phân phối khí, Trưởng phòng Kinh doanh của Tổng Công ty khí Việt Nam (PV Gas). Giám đốc Xí nghiệp chế biến khí PV Gas. Từ năm 2008, ông giữ chức Giám đốc Nhà máy đạm Phú Mỹ và Phó Tổng giám đốc PVFCCo kiêm Giám đốc Nhà máy đạm Phú Mỹ. Từ tháng 10/2015, ông thôi kiêm nhiệm chức Giám đốc Nhà máy đạm Phú Mỹ. Từ 08/2016, ông được giao nhiệm vụ kiêm nhiệm chức Giám đốc Ban QLDA chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí.



Bà **LÊ THỊ THU HƯƠNG**

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1975

### Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh.

Từ năm 1996, bà bắt đầu công tác tại Sở Thương mại Tp. Hà Nội, sau đó là Vụ Thương mại và Dịch vụ - Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Tháng 5/2008, bà đảm nhận chức vụ Trưởng ban Ban Luật và Hợp tác quốc tế Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam. Trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty vào ngày 01/03/2013, bà đảm nhận chức vụ Phó trưởng Ban Đầu tư phát triển - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam từ 2009 - 2013.



Bà **TRẦN THỊ PHƯƠNG THẢO**

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1970

### Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Ngoại thương.

Bà đã có quá trình công tác tại Công ty PETEC - Bộ Thương mại, Công ty Giám sát các hợp đồng PSC - Petrovietnam trong công tác kinh doanh, quản lý hợp đồng, tài chính kế toán và kiểm toán. Từ năm 2001, bà đảm nhận chức vụ Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Ban QLDA Nhà máy đạm Phú Mỹ, Phó trưởng ban Ban Thương mại thị trường Tổng Công ty. Bà được bầu vào Ban kiểm soát và giữ chức Trưởng Ban kiểm soát Tổng Công ty từ tháng 03/2009. Bà đảm nhận chức danh Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty kể từ 05/2016.



Ông **CAO TRUNG KIÊN**

Phó Tổng giám đốc

Năm sinh: 1976

### Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế.

Quá trình công tác: Từ tháng 09/2003 - 5/2009: Chuyên viên Xí nghiệp Kinh doanh các sản phẩm khí Miền Bắc. Từ tháng 10/2009 - 08/2019, ông đã đảm nhiệm các vị trí Phó Giám đốc/Giám đốc/Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phân bón và Hóa chất Miền Trung, Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT Công ty CP Phân bón và Hóa chất Miền Bắc, trước khi được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc PVFCCo từ ngày 19/09/2019.



Ông **VÕ NGỌC PHƯƠNG**

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1978

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân Tài chính - Tiền tệ - Tín dụng.

Từ năm 2007 đến nay, ông đảm nhiệm các vị trí Kế toán trưởng, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ; Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. Ông được bổ nhiệm giữ chức Kế toán trưởng Tổng Công ty từ tháng 05/2016.



Ông **HUỖNH KIM NHÂN**

Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1976

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân Kinh tế ngành Tài chính Kế toán.

Từ năm 1998 đến 2016, ông đảm nhiệm các vị trí Chuyên viên Kế toán Công ty Tư vấn Đầu tư Xây dựng Dầu khí, Chuyên viên Phòng Tài chính Kế toán, Phó Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban tài chính kế toán Tổng công ty. Ông được bầu giữ chức Trưởng Ban kiểm soát Tổng công ty từ ngày 28/04/2016.



Ông **LÊ VINH VĂN**

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1969

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân chuyên ngành Tài chính Kế toán.

Ông đã trải qua vị trí Chuyên viên Kế toán Công ty Liên doanh Dịch vụ Dầu Khí OSC - SOS International, Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Classic, Chuyên viên phòng Thương mại Vật tư - PVFCCo, Chuyên viên Ban kiểm soát Tổng công ty. Ông đảm nhận vị trí thành viên Ban kiểm soát Tổng công ty từ tháng 11/2008 và được tái bầu lại vào Ban kiểm soát ngày 26/04/2018.



Ông **LƯƠNG PHƯƠNG**

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1973

**Trình độ chuyên môn**

Cử nhân Tài chính tín dụng.

Từ năm 2006 ông gia nhập Tổng công ty với vị trí chuyên viên và sau đó là Phó trưởng phòng Tài chính kế toán Ban Quản lý Công trình Xây dựng thuộc PVFCCo, Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Trưởng phòng Kinh doanh Công ty CP Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (PVSBĐ). Từ tháng 2/2016 đến nay ông đảm trách vai trò chuyên viên sản xuất - Ban Kế hoạch Tổng công ty. Ông được bầu vào Ban kiểm soát Tổng công ty từ ngày 26/04/2018.

NGUỒN NHÂN LỰC

Tổng số CBCNV toàn Tổng Công ty tính đến thời điểm 31/12/2019 (gồm Công ty mẹ và công ty con)

**1.551**  
Người

Đại học, Cao đẳng trở lên



**1.026**

Người

Trung học chuyên nghiệp



**118**

Người

Công nhân kỹ thuật và trình độ khác

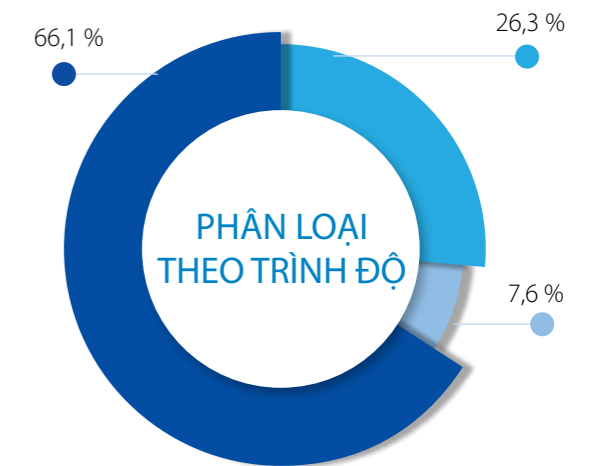


**407**

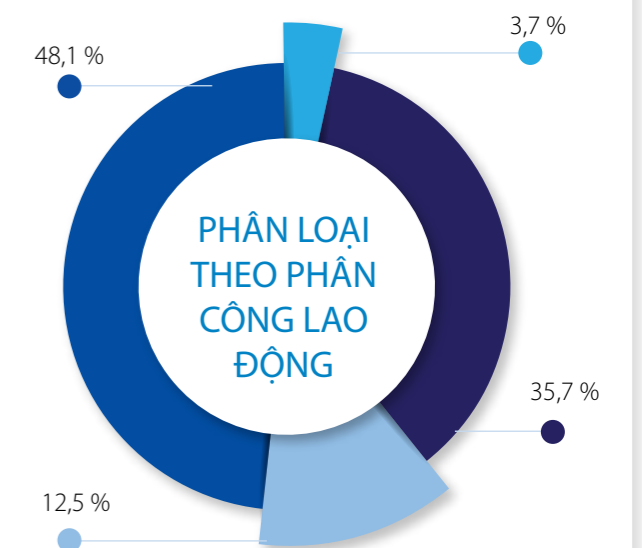
Người



| Trình độ                            | Số lượng (người) |
|-------------------------------------|------------------|
| Đại học, Cao đẳng trở lên           | 1.026            |
| Trung học chuyên nghiệp             | 118              |
| Công nhân kỹ thuật và trình độ khác | 407              |
| <b>Tổng cộng</b>                    | <b>1.551</b>     |



| Phân công lao động         | Số lượng (người) |
|----------------------------|------------------|
| Cán bộ lãnh đạo, quản lý   | 194              |
| Cán bộ kỹ thuật, nghiệp vụ | 747              |
| Nhân viên phục vụ          | 57               |
| Công nhân các ngành nghề   | 553              |
| <b>Tổng cộng</b>           | <b>1.551</b>     |



CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG



Tổng Công ty đã hoàn thành và đưa vào áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và trả lương theo phương pháp 3P dựa trên kết quả đánh giá năng lực, kết quả thực hiện công việc cá nhân. Theo đó, việc tổ chức, quản lý, sắp xếp nhân sự sẽ đảm bảo tính hợp lý, khoa học, đúng người đúng việc, đo lường được năng lực và kết quả công việc của nhân viên và việc trả lương, thưởng sẽ công bằng và chính xác hơn.



Nhân sự được công nhận chức danh chuyên gia

Chính sách nhân viên

Từ năm 2008, Tổng Công ty đã xây dựng, ban hành và đưa vào áp dụng thang, bảng lương mới phù hợp với mô hình công ty cổ phần, theo quy định của Bộ luật Lao động - Thương binh xã hội, hướng tới việc trả lương theo thị trường nhằm hạn chế hiện tượng chảy máu chất xám và thu hút lao động giỏi. Từ đó đến nay hệ thống thang, bảng lương thường xuyên được nghiên cứu sửa đổi và điều chỉnh cho phù hợp với các quy định của pháp luật cũng như tình hình thực tế SXKD. Năm 2015, Tổng Công ty đã hoàn thành và đưa vào áp dụng hệ thống đánh giá hiệu quả công việc (KPI) và trả lương theo phương pháp 3P dựa trên kết quả đánh giá năng lực, kết quả thực hiện công việc cá nhân. Theo đó, việc tổ chức, quản lý, sắp xếp nhân sự sẽ đảm bảo tính hợp

lý, khoa học, đúng người đúng việc, đo lường được năng lực và kết quả công việc của nhân viên và việc trả lương, thưởng sẽ công bằng và chính xác hơn.

Tổng Công ty đã thực hiện tốt chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp cho người lao động theo đúng các quy định của Luật bảo hiểm xã hội và các Quy định của Chính phủ.

Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng đã ban hành chính sách nhân viên áp dụng từ 01/01/2009, hàng năm được chỉnh sửa bổ sung phù hợp với tình hình thực tế của Tổng Công ty. Quy định bao gồm các chính sách phúc lợi áp dụng cho toàn thể CBCNV và một

số chính sách có tính đãi ngộ đối với những người lao động giỏi, có trình độ quản lý và chuyên môn cao, bao gồm: Chế độ lương, thưởng, đào tạo, học tập, nghỉ ngơi, lưu trú và các chế độ phúc lợi khác.

Nhằm đảm bảo giữ người lao động đối với các vị trí chuyên môn về công nghệ, kỹ thuật quan trọng, Tổng Công ty xây dựng quy định về việc công nhận và áp dụng các bậc lương chuyên gia với mức lương cao nhằm thu hút, giữ chân nhân tài. Theo đó, có những chuyên gia bậc cao được áp dụng mức lương có thể tương đương với mức lương cán bộ quản lý cấp Ban của Tổng Công ty hoặc Giám đốc các công ty con. Hiện nay, Tổng Công ty đã có 25 nhân sự được công nhận chức danh chuyên gia.

Chính sách đào tạo

- › Công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực luôn đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững, Tổng Công ty đã rất quan tâm và xây dựng các cơ chế chính sách, hệ thống các quy chế, quy định đào tạo khoa học và mang tính khuyến khích CBCNV nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- › Năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục vận dụng Từ điển năng lực, khung năng lực và kết quả đánh giá năng lực để xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo. Vì vậy, chất lượng đào tạo từng bước được nâng cao, đào tạo có trọng tâm và sát với nhu cầu, năng lực cần thiết đáp ứng cho công việc. Kết hợp

- tốt giữa các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo trong nước và đào tạo ở nước ngoài.
- › Công tác đào tạo nội bộ luôn được đánh giá là phương thức thực hiện đào tạo hiệu quả nhất, Tổng Công ty đã rất quan tâm và đầu tư đúng mức. Nhờ vậy, đội ngũ CBCNV đã trưởng thành vượt bậc, vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ an toàn, hiệu quả, làm chủ hệ thống kinh doanh, phân phối.
- › Các khóa đào tạo nước ngoài được tổ chức một cách có chọn lọc nhằm tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo mang lại hiệu quả, tập trung vào các nhóm đối tượng là chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, công nghệ.

- › Thường xuyên linh động trong công tác triển khai kế hoạch đào tạo, đáp ứng kịp thời nhu cầu cập nhật, bổ sung và nâng cao kiến thức CBCNV phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị.
- › Nguồn nhân lực sau đào tạo ở tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh đều đã đáp ứng tốt yêu cầu công việc. Đội ngũ cán bộ vận hành, kỹ thuật của Tổng Công ty tiếp tục phát huy tốt trình độ để vận hành, bảo dưỡng Nhà máy đạm Phú Mỹ an toàn, hiệu quả; đưa các dự án NH<sub>3</sub>, NPK đi vào hoạt động sản xuất, cung cấp thêm sản phẩm mới ra thị trường.



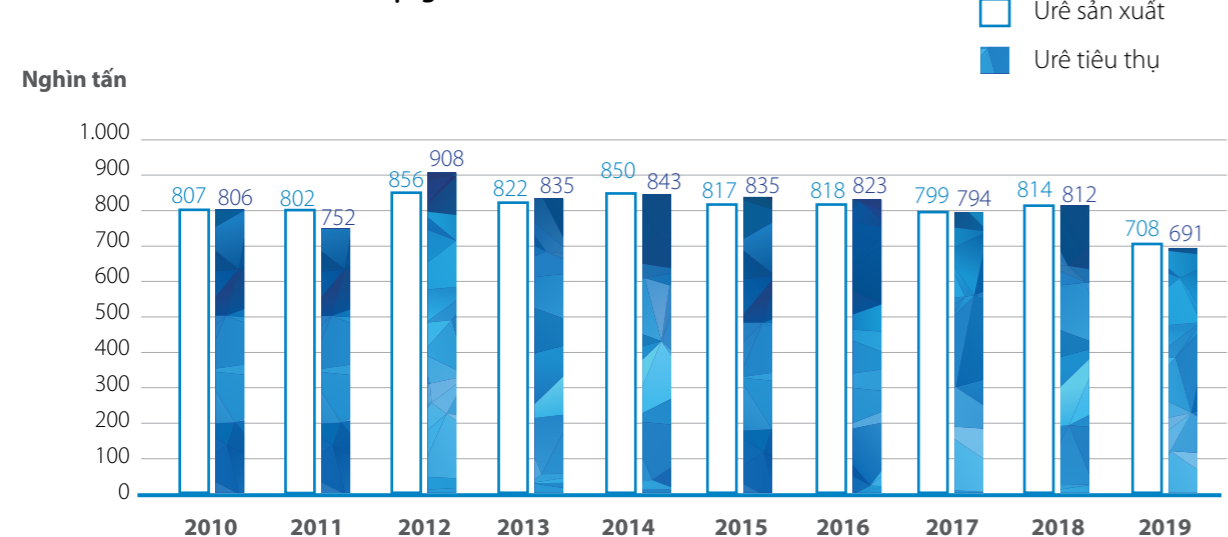
# THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ SẢN XUẤT KINH DOANH ĐẠM PHÚ MỸ CỦA TỔNG CÔNG TY

## CHỈ TIÊU VỀ SẢN LƯỢNG

Đơn vị tính: Nghìn tấn

| SẢN PHẨM     | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 |
|--------------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|
| Urê sản xuất | 807  | 802  | 856  | 822  | 850  | 817  | 818  | 799  | 814  | 708  |
| Urê tiêu thụ | 806  | 752  | 908  | 835  | 843  | 835  | 823  | 794  | 812  | 691  |

### Biểu đồ cơ cấu chỉ tiêu về sản lượng



### TỔNG SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT URÊ 2019

**708** NGHÌN TẤN

### TỔNG DOANH THU 2019

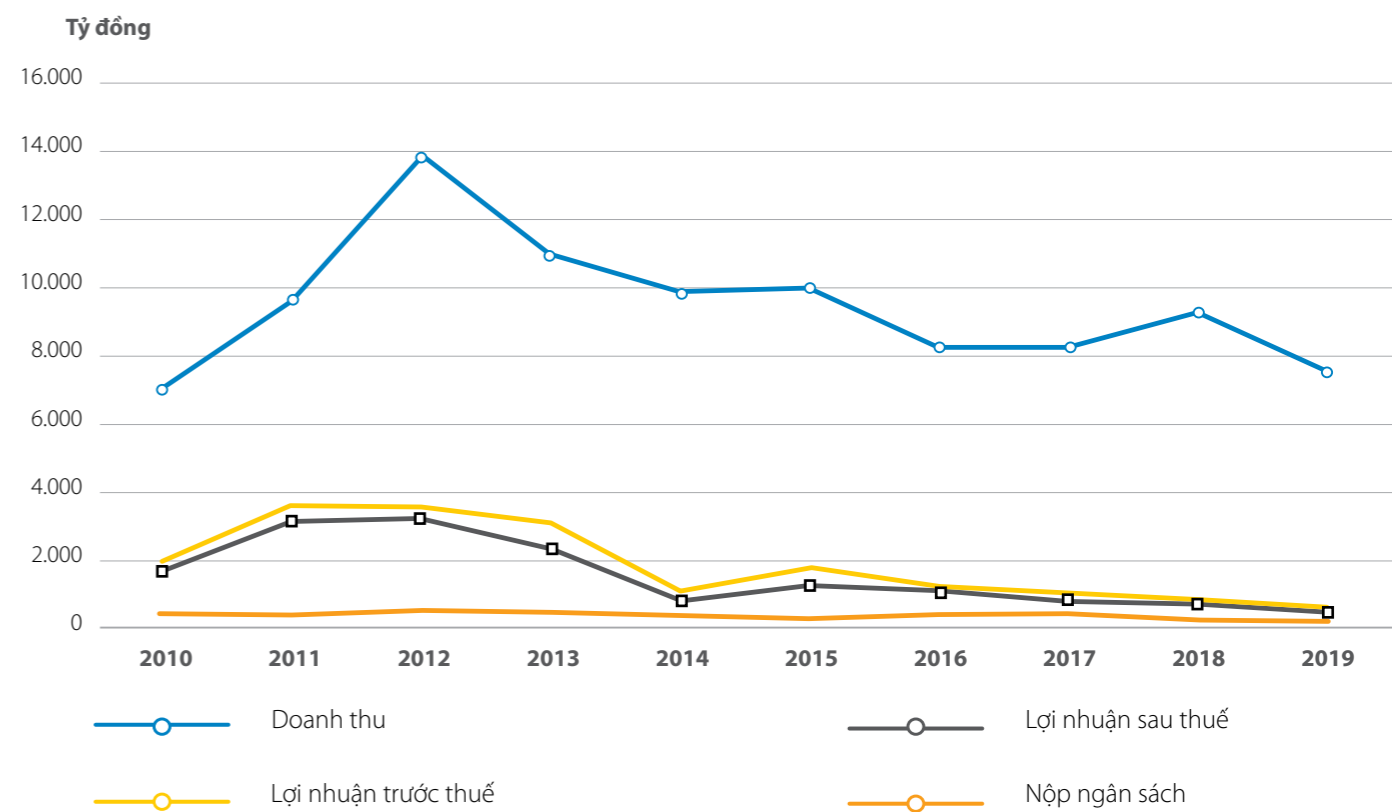
**7.831** TỶ ĐỒNG

## CHỈ TIÊU VỀ TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đơn vị tính: Tỷ đồng

| CHỈ TIÊU             | 2010  | 2011  | 2012   | 2013   | 2014  | 2015   | 2016  | 2017  | 2018  | 2019  |
|----------------------|-------|-------|--------|--------|-------|--------|-------|-------|-------|-------|
| Doanh thu            | 6.999 | 9.763 | 13.906 | 10.807 | 9.972 | 10.047 | 8.170 | 8.178 | 9.439 | 7.831 |
| Nộp NS               | 405   | 537   | 694    | 602    | 308   | 420    | 474   | 515   | 297   | 170   |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.922 | 3.510 | 3.542  | 2.468  | 1.285 | 1.880  | 1.393 | 853   | 871   | 467   |
| Lợi nhuận sau thuế   | 1.706 | 3.140 | 3.016  | 2.142  | 1.096 | 1.488  | 1.165 | 708   | 712   | 389   |

### Biểu đồ cơ cấu chỉ tiêu về tài chính hợp nhất



# CHƯƠNG 3

## **BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM** 42

Báo cáo tình hình sản xuất, kinh doanh năm 2019 44

*Nhận định các yếu tố rủi ro chính* 44

*Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh* 46

*Công tác đầu tư dự án và đầu tư khác* 50

*Tình hình tài chính của Tổng Công ty* 51

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc 52

*Đánh giá chung* 52

*Phân tích tình hình tài chính* 54

Các danh hiệu đạt được trong năm 2019 56



**NHẬN ĐỊNH VỀ CÁC YẾU TỐ RỦI RO CHÍNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD VÀ VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2019**



**Rủi ro trong hoạt động sản xuất, vận hành nhà máy**

Nhà máy đạm Phú Mỹ, đơn vị sản xuất chủ lực của Tổng Công ty đã vận hành hơn 15 năm, mặc dù được bảo dưỡng sửa chữa lớn định kỳ và thường xuyên, nhưng đã bước vào giai đoạn tăng nguy cơ tiềm ẩn những sự cố, hỏng hóc của hệ thống máy móc, thiết bị. Những sự cố trong vận hành nếu phát sinh sẽ dẫn tới nguy cơ nhà máy phải ngừng hoạt động để khắc phục, và thời gian dừng hoạt động của nhà máy sẽ tác động lớn đến khả năng hoàn thành chỉ tiêu sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu, lợi nhuận. Bên cạnh đó, sự cố trong vận hành nhà máy cũng có nguy cơ tác động xấu đến an toàn cho môi trường, cho người lao động và tăng chi phí khắc phục. Năm 2019 trong quá trình đấu nối, vận hành phân xưởng hiện hữu với dự án nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> đã phát sinh việc dừng hoạt động để xử lý sự cố 72 ngày, khiến cho sản lượng sản xuất urê sụt giảm mạnh.

Nhà máy sản xuất phân NPK mới đưa vào hoạt động cũng tiềm ẩn rủi ro trong sự ổn định và tối đa công suất vận hành.



**Rủi ro về nguồn nguyên liệu đầu vào**

Khí đầu vào là nguồn nguyên liệu chính và chiếm phần lớn trong cơ cấu giá thành sản xuất phân đạm hiện nay của Tổng Công ty. Nguồn khí được Chính phủ bảo đảm cung cấp đủ tuy nhiên giá bán đã căn cứ theo giá thị trường với mức cước phí vận chuyển hàng năm phụ thuộc vào nguồn khí sử dụng do các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Giá khí biến động phụ thuộc theo thị trường cũng sẽ có thời điểm biến động ngoài tầm kiểm soát của Tổng Công ty. Bên cạnh đó, do khí thiên nhiên là nguồn tài nguyên có hạn và không có nguồn ổn định trong dài hạn, việc huy động khí từ nhiều nguồn khác nhau sẽ chịu những chi phí vận chuyển khác nhau.



**Rủi ro về thị trường tiêu thụ**

Hiện nay, thị trường phân đạm trong nước có nhu cầu ổn định khoảng 2 triệu tấn, trong khi đó tổng năng lực cung ứng của các nhà sản xuất trong nước đạt hơn 2,6 triệu tấn. Trong những năm qua, thực tế cho thấy mặc dù đã xuất hiện mức độ cạnh tranh cao, nhưng nguồn cung từ các nhà máy trong nước chưa đạt đến mức công suất thiết kế, cộng với uy tín của sản phẩm Đạm Phú Mỹ, Tổng Công ty vẫn duy trì được khả năng tiêu thụ hết sản lượng phân đạm sản xuất với mức giá tốt nhất thị trường. Tuy nhiên không loại trừ rủi ro suy giảm thị phần và giá bán sản phẩm khi mà năng lực và chất lượng vận hành của các nhà sản xuất khác trong nước ngày càng tăng lên, cũng như do tác động từ các nguồn hàng nhập khẩu.

Với sản phẩm NPK Phú Mỹ, với công nghệ, định vị sản phẩm ở phân khúc cao cấp, chất lượng cao, hướng tới các khách hàng, cây trồng có giá trị cao, đầu tư lớn nên sản lượng, thị phần có rủi ro suy giảm khi giá nông sản xuống thấp.

Bên cạnh đó, biến đổi khí hậu, thiên tai thời tiết khắc nghiệt, bất thường, tình trạng hàng giả, hàng nhái cũng là những rủi ro lớn đối với ngành phân bón, đặc biệt là sản phẩm có uy tín như phân bón Phú Mỹ.



**Rủi ro về tài chính và mục tiêu tái cấu trúc**

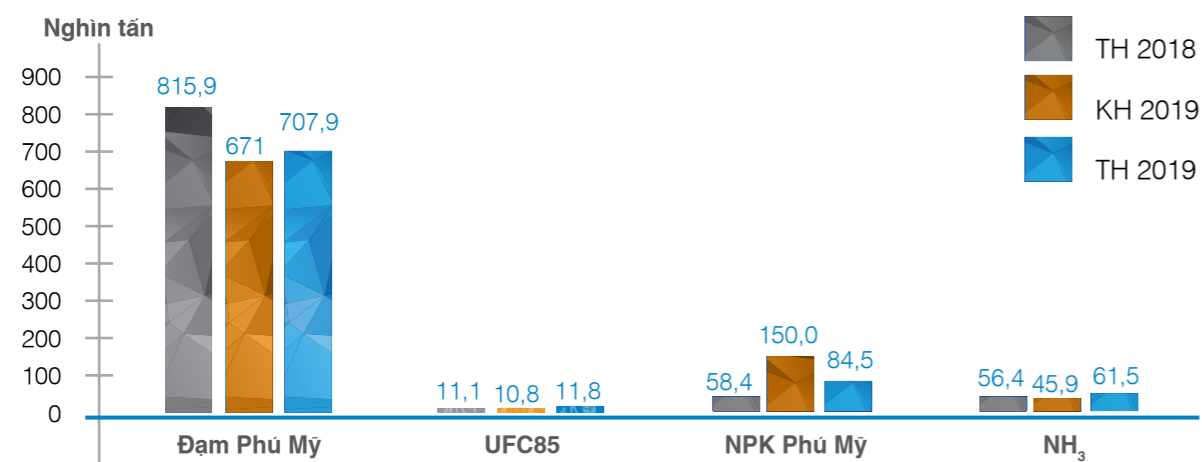
Tổng Công ty có một số khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào một số công ty không cùng lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính và gặp tình trạng khó khăn trong SXKD như VNPOLY (PVTEX), PVC Mekong. Theo kế hoạch tái cấu trúc, Tổng Công ty đặt ra mục tiêu thoái hết vốn khỏi các doanh nghiệp này. Tuy nhiên mục tiêu này khó có thể đạt được như mong muốn do những yếu tố ngoài tầm kiểm soát của Tổng công ty. Tổng Công ty đã có các biện pháp trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản vốn đầu tư, tuy nhiên trong quá trình tìm kiếm phương án thoái vốn Tổng Công ty phải triển khai một số hoạt động hỗ trợ giúp các công ty này nâng cao dần hiệu quả hoạt động nhằm thu hút các nhà đầu tư khác. Những biện pháp hỗ trợ này trước mắt có khả năng phát sinh thêm chi phí cho Tổng Công ty.

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

**Bảng tổng hợp kết quả SXKD năm 2019**

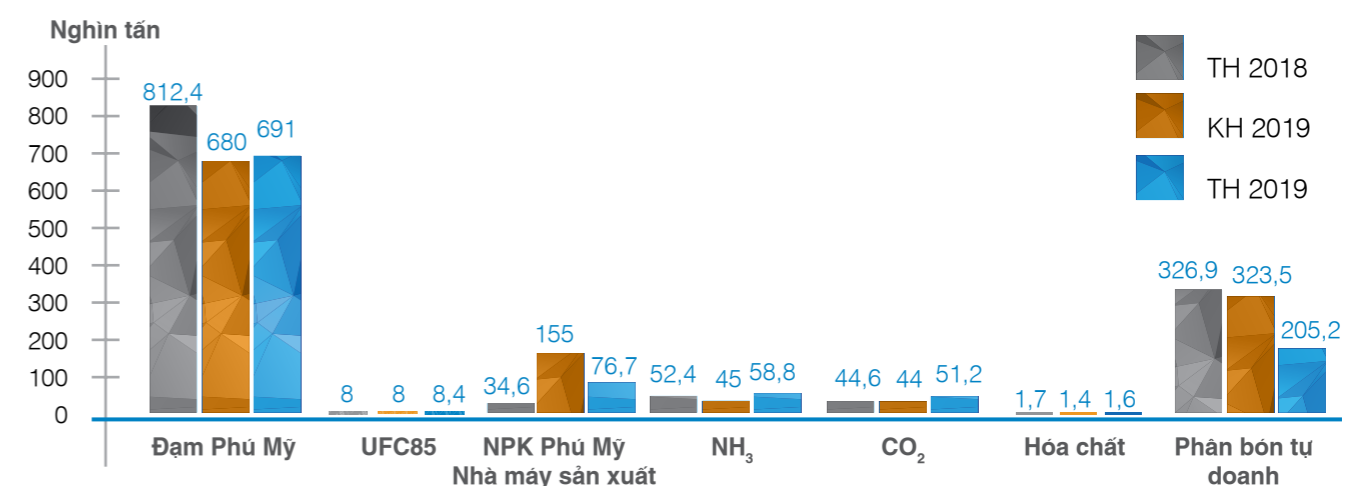
| STT      | CHỈ TIÊU                                     | THỰC HIỆN NĂM 2018 | KẾ HOẠCH NĂM 2019 | THỰC HIỆN NĂM 2019 | TỶ LỆ SO VỚI NĂM 2018 (%) | TỶ LỆ HOÀN THÀNH KH (%) |
|----------|--|--------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| A        | B  | 1                  | 2                 | 3                  | 4=3/1                     | 5=3/2                   |
| <b>1</b> | <b>SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT (Nghìn tấn)</b>        |                    |                   |                    |                           |                         |
|          | Đạm Phú Mỹ                                   | 815,9              | 671,0             | 707,9              | <b>87%</b>                | <b>106%</b>             |
|          | UFC85  | 11,1               | 10,8              | 11,8               | <b>106%</b>               | <b>109%</b>             |
|          | NPK  | 58,4               | 150,0             | 84,5               | <b>145%</b>               | <b>56%</b>              |
|          | NH <sub>3</sub> (để thương mại)              | 56,4               | 45,9              | 61,5               | <b>109%</b>               | <b>134%</b>             |
| <b>2</b> | <b>SẢN LƯỢNG KINH DOANH (Nghìn tấn)</b>      |                    |                   |                    |                           |                         |
|          | Đạm Phú Mỹ                                   | 812,4              | 680,0             | 691,0              | <b>85%</b>                | <b>102%</b>             |
|          | NPK  | 34,6               | 155,0             | 76,7               | <b>222%</b>               | <b>50%</b>              |
|          | Phân bón tự doanh                            | 326,9              | 232,5             | 205,2              | <b>63%</b>                | <b>88%</b>              |
|          | UFC85  | 8,0                | 8,0               | 8,4                | <b>105%</b>               | <b>105%</b>             |
|          | NH <sub>3</sub> (thương mại)                 | 52,4               | 45,0              | 58,8               | <b>112%</b>               | <b>131%</b>             |
|          | CO <sub>2</sub>                              | 44,6               | 44,0              | 51,2               | <b>115%</b>               | <b>116%</b>             |
|          | Hóa chất                                     | 1,7                | 1,4               | 1,6                | <b>94%</b>                | <b>116%</b>             |
| <b>3</b> | <b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tỷ đồng)</b> |                    |                   |                    |                           |                         |
|          | Tổng doanh thu                               | 9.438,6            | 8.645             | 7.831              | <b>83%</b>                | <b>91%</b>              |
|          | Lợi nhuận trước thuế                         | 870,6              | 205               | 467                | <b>54%</b>                | <b>228%</b>             |
|          | Lợi nhuận sau thuế                           | 712                | 170               | 389                | <b>55%</b>                | <b>229%</b>             |
|          | Nộp NSNN                                     | 304,3              | 206               | 170                | <b>56%</b>                | <b>83%</b>              |

**Sản lượng sản xuất các mặt hàng phân bón, hóa chất năm 2019**



| STT       | CHỈ TIÊU                                       | THỰC HIỆN NĂM 2018 | KẾ HOẠCH NĂM 2019 | THỰC HIỆN NĂM 2019 | TỶ LỆ SO VỚI NĂM 2018 (%) | TỶ LỆ HOÀN THÀNH KH (%) |
|-----------|--|--------------------|-------------------|--------------------|---------------------------|-------------------------|
| A         | B  | 1                  | 2                 | 3                  | 4=3/1                     | 5=3/2                   |
| <b>4</b>  | <b>CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CÔNG TY MẸ (Tỷ đồng)</b> |                    |                   |                    |                           |                         |
|           | Vốn chủ sở hữu                                 | 8.132,2            | 7.560             | 8.041              | <b>99%</b>                | <b>106%</b>             |
|           | Trong đó: Vốn điều lệ                          | 3.914,0            | 3.914             | 3.914              | <b>100%</b>               | <b>100%</b>             |
|           | Tổng doanh thu                                 | 9.017,3            | 8.400             | 7.006              | <b>78%</b>                | <b>83%</b>              |
|           | Lợi nhuận trước thuế                           | 863,2              | 190               | 436                | <b>50%</b>                | <b>229%</b>             |
|           | Lợi nhuận sau thuế                             | 715,2              | 163               | 370                | <b>52%</b>                | <b>227%</b>             |
|           | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ         | 18,3%              | 4%                | 9,46%              | <b>52%</b>                | <b>237%</b>             |
|           | Nộp NSNN                                       | 276,7              | 188,3             | 150,0              | <b>54%</b>                | <b>80%</b>              |
| <b>5</b>  | <b>ĐẦU TƯ (Tỷ đồng)</b>                        |                    |                   |                    |                           |                         |
| <b>a.</b> | <b>Tổng mức đầu tư</b>                         | <b>909,6</b>       | <b>772</b>        | <b>116,3</b>       | <b>13%</b>                | <b>15%</b>              |
|           | Đầu tư XDCB                                    | 831,0              | 692               | 100                | <b>12%</b>                | <b>14%</b>              |
|           | Mua sắm trang thiết bị                         | 78,5               | 80                | 16,3               | <b>21%</b>                | <b>20%</b>              |
|           | Đầu tư góp vốn                                 |                    |                   |                    |                           |                         |
| <b>b.</b> | <b>Nguồn vốn đầu tư</b>                        | <b>909,6</b>       | <b>772</b>        | <b>116,3</b>       | <b>13%</b>                | <b>15%</b>              |
|           | Vốn chủ sở hữu                                 | 341,9              | 498               | 41,8               | <b>12%</b>                | <b>8%</b>               |
|           | Vốn vay và khác                                | 567,7              | 274               | 74,5               | <b>13%</b>                | <b>27%</b>              |

**Sản lượng kinh doanh các mặt hàng phân bón, hóa chất năm 2019**





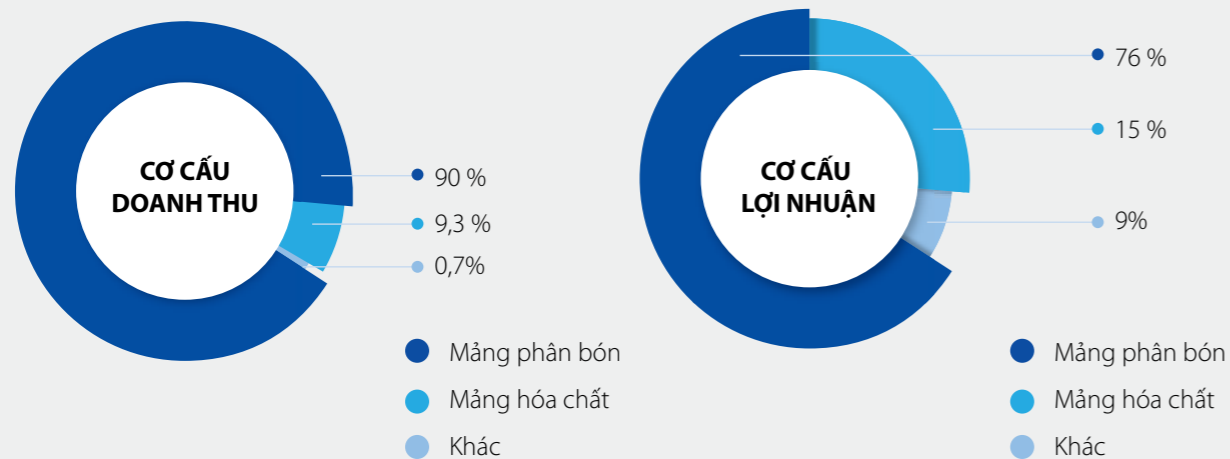
## Những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm và nguồn cung cấp - đánh giá nguyên nhân

Năm 2019 nền kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước nói chung và doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón nói riêng - trong đó có PVFCCo, nhưng với nỗ lực vượt bậc, PVFCCo tiếp tục củng cố vị thế dẫn đầu ngành phân bón - hóa chất, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch quan trọng được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Đây cũng tiếp tục là năm đánh dấu mốc cho sự lớn mạnh về quy mô sản xuất kinh doanh khi dự án NH<sub>3</sub>/NPK đóng góp vào chu kỳ tăng trưởng mới của Tổng Công ty.

Về những yếu tố biến động nổi bật gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019, có thể đánh giá như sau:

- Về thị trường: Sản lượng phân bón nhập khẩu dồi dào, giá rẻ gây ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ của các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh phân bón trong nước. Giá bán nhóm nông sản tiêu thụ chủ yếu phân NPK, Urê như hồ tiêu, cà phê, cao su, lúa đều giảm sâu nên ảnh hưởng rất lớn đến khả năng đầu tư/tái đầu tư cho phân bón, thậm chí một số vùng thu hẹp diện tích canh tác/bỏ ruộng.
- Thời tiết nắng nóng, khô hạn ở Tây Nam Bộ, Bắc Trung Bộ, lũ lụt tại Tây Nguyên khi vào chính vụ chăm bón đã làm giảm mạnh nhu cầu về phân bón, ước tính nhu cầu giảm 20%-30% so với năm trước.
- Nhà máy trải qua đợt bảo dưỡng cơ hội kéo dài 72 ngày nên sản lượng sản xuất và kinh doanh bị sụt giảm. Máy móc thiết bị của Nhà máy vận hành, hoạt động nhiều năm làm tăng chi phí bảo dưỡng cùng với rủi ro sự cố cao.
- Dự án NH<sub>3</sub>/NPK đang trong thời gian bảo hành, trong quá trình nghiệm thu, quyết toán và cũng phải dừng máy dài ngày để sửa chữa bảo dưỡng nên giải ngân cho đầu tư và sản lượng đạt thấp.
- Cước phí vận chuyển khí tăng cao (tăng hơn 40% so với mức lộ trình trước đây) trong khi giá bán trung bình các loại phân bón, hóa chất giảm so với năm trước.
- Đầu tư vào các công ty liên kết hiệu quả thấp.

Biểu đồ về cơ cấu doanh thu, lợi nhuận các mặt hàng phân bón, hóa chất trong năm 2019

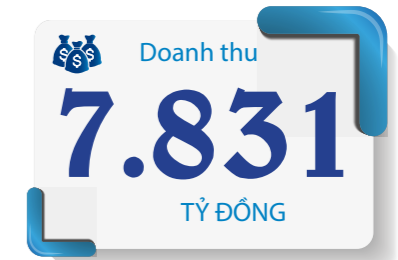


## Phân tích các mảng nổi bật trong sản xuất, kinh doanh



### Về sản xuất

Về sản xuất, Nhà máy đạm Phú Mỹ đã hoàn thành kế hoạch sản xuất trước 15 ngày, sản lượng cả năm đạt 708 nghìn tấn, vượt 6% so với kế hoạch, đánh dấu thành tích 13 năm liên tục về đích trước kế hoạch sản lượng.



### Doanh thu

Doanh thu đạt 7.831 tỷ đồng, đạt 91% kế hoạch năm, giảm 17% so với năm 2018. Doanh thu giảm chủ yếu do sự cố dừng máy bảo dưỡng Nhà máy dài ngày và diễn biến thị trường bất lợi làm các yếu tố tạo nên doanh thu là sản lượng và giá bán sụt giảm.



### Về kinh doanh

Kinh doanh hiệu quả gần 1 triệu tấn phân bón (691 nghìn tấn ĐPM; gần 77 nghìn tấn NPK; 205 nghìn tấn phân bón khác) và 120 nghìn tấn hóa chất, cùng với đó là:

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong sản xuất- yếu tố quan trọng để giảm thiểu sự cố ngừng máy, đảm bảo sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả.
- Giữ vững thương hiệu “Đạm Phú Mỹ” ở vị trí dẫn đầu.
- Sản phẩm NPK bắt đầu khẳng định được thương hiệu, kết quả kinh doanh cả năm đạt 76 nghìn tấn.
- Chất lượng bộ sản phẩm phân bón Phú Mỹ tiếp tục được khẳng định khi sản phẩm đạm Phú Mỹ đạt danh hiệu Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 16 liên tiếp; Tổng công ty nhận được danh hiệu “Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu” lần thứ 5 liên tiếp.
- Với việc sản lượng kinh doanh hóa chất tăng trưởng hơn 12% so với năm trước và đạt mức cao nhất từ trước tới nay là 120 nghìn tấn, hoàn thành ~122% kế hoạch, đã phần nào khẳng định được sự phát triển trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh hóa chất, hóa phẩm dầu khí của Tổng công ty.



### Lợi nhuận

Lợi nhuận trước thuế đạt 467 tỷ đồng - đạt 228% kế hoạch năm. Doanh thu không đạt kế hoạch nhưng lợi nhuận vượt kế hoạch năm chủ yếu do giá khí giảm mạnh trong Quý IV, làm giá khí bình quân cả năm giảm 2% so với kế hoạch, khiến giá thành giảm, sản lượng kinh doanh mặt hàng Urê Phú Mỹ đạt cao hơn kế hoạch, cùng với yếu tố này thì chi phí lãi vay giảm do các dự án chậm giải ngân và lợi nhuận từ hoạt động khác (vận chuyển, cho thuê kho, cho thuê VP, bán tài sản) tăng so với kế hoạch. Ngoài ra, việc cắt giảm chi phí bán hàng, quản lý và tiết giảm năng lượng trong vận hành Nhà máy ĐPM đã góp phần nâng cao lợi nhuận hoạt động.

## CÔNG TÁC ĐẦU TƯ DỰ ÁN VÀ ĐẦU TƯ KHÁC

Theo kế hoạch năm 2019, PVFCCo triển khai đầu tư/mua sắm với tổng mức đầu tư xây dựng và mua sắm là 772 tỷ đồng.

Dự án tiêu biểu được đưa vào vận hành, khai thác trong năm 2019 là Tổ hợp dự án "Nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> của Nhà máy đạm Phú Mỹ và Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học": Đây là dự án nâng công suất xưởng sản xuất NH<sub>3</sub> hiện tại của Nhà máy đạm Phú Mỹ thêm 90.000 tấn/năm (tăng khoảng 20% công suất

hiện có) và xây dựng nhà máy sản xuất 250.000 tấn NPK/năm từ nguồn NH<sub>3</sub> bằng công nghệ hóa học. Tổng mức đầu tư cho tổ hợp dự án gần 5.000 tỷ đồng. Dự án mang tính khả thi cao trong điều kiện nhu cầu thị trường NPK trong nước mỗi năm cần hơn 2 triệu tấn, nhưng sản phẩm sản xuất chất lượng cao, công nghệ hiện đại mới chỉ đáp ứng khoảng 5 - 10%. Trong năm 2019, Xưởng NH<sub>3</sub> đạt sản lượng kinh doanh thương mại gần 59 nghìn tấn; sản lượng sản xuất và kinh doanh của Nhà máy NPK tương ứng

đạt gần 85 nghìn tấn và 77 nghìn tấn đóng góp khoảng 1.045 tỷ đồng vào tổng doanh thu.

Năm 2019 PVFCCo đã thực hiện giải ngân được 133 tỷ đồng, đạt 17% kế hoạch năm. Giải ngân thấp so với kế hoạch là do các mốc cuối của 2 hợp đồng EPC tổ hợp dự án NH<sub>3</sub>&NPK nhà thầu chưa hoàn thiện hồ sơ thanh toán; ngoài ra còn 1 một số hạng mục của các phát sinh chưa được thống nhất giá trị giữa chủ đầu tư và nhà thầu.

### Kết quả hoạt động đầu tư góp vốn

(Báo cáo tóm tắt về kết quả hoạt động của các công ty con, công ty góp vốn)

ĐVT: Tỷ đồng

| STT              | NỘI DUNG                       | TỶ LỆ GÓP VỐN | TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ THỰC TẾ | VĐL             | LNST            | LNST/VĐL | CỔ TỨC NHẬN TRONG NĂM 2019 |
|------------------|--------------------------------|---------------|-----------------------------|-----------------|-----------------|----------|----------------------------|
| <b>I</b>         | <b>Đầu tư vào Công ty con</b>  |               | <b>386,25</b>               | <b>515,00</b>   | <b>44,63</b>    |          | <b>33,15</b>               |
| 1                | PVFCCo North                   | 75,00%        | 90,00                       | 120,00          | 12,18           | 10%      | 9,00                       |
| 2                | PVFCCo Central                 | 75,00%        | 75,00                       | 100,00          | 15,57           | 16%      | 9,00                       |
| 3                | PVFCCo SE                      | 75,00%        | 93,75                       | 125,00          | 10,89           | 9%       | 7,50                       |
| 4                | PVFCCo SW                      | 75,00%        | 127,50                      | 170,00          | 5,99            | 4%       | 7,65                       |
| <b>II</b>        | <b>Đầu tư vào Công ty LDLK</b> |               | <b>680,90</b>               | <b>2.487,80</b> | <b>(614,59)</b> |          | <b>3,09</b>                |
| 1                | PVTEX                          | 25,99%        | 562,70                      | 2.165,11        | (605,95)        |          | -                          |
| 2                | PVC Mekong                     | 35,63%        | 100,00                      | 280,69          | (12,55)         |          | -                          |
| 3                | PVFCCo Packaging               | 43,34%        | 18,20                       | 42,00           | 3,91            | 9%       | 3,09                       |
| <b>III</b>       | <b>Đầu tư dài hạn khác</b>     |               | <b>20,50</b>                | <b>396,35</b>   | <b>5,03</b>     |          | <b>0,11</b>                |
| 1                | PAIC                           | 8,50%         | 3,60                        | 42,35           | 2,27            | 5%       | 0,11                       |
| 2                | Công ty CP Thủy hải sản Út Xi  | 6,78%         | 16,90                       | 354,00          | 2,76            | 0,5%     |                            |
| <b>TỔNG CỘNG</b> |                                |               | <b>1.087,65</b>             | <b>3.399,15</b> | <b>(564,93)</b> |          | <b>36,35</b>               |

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA TỔNG CÔNG TY

### Tình hình tài sản và nguồn vốn

ĐVT: Tỷ đồng

| CHỈ TIÊU              | 31/12/2018 | 31/12/2019 | TỶ LỆ TĂNG (GIẢM) |
|-----------------------|------------|------------|-------------------|
| Tổng tài sản          | 11.134     | 11.440     | 3%                |
| Tài sản ngắn hạn      | 5.172      | 5.944      | 15%               |
| Tài sản dài hạn       | 5.962      | 5.496      | -8%               |
| Tổng nguồn vốn        | 11.134     | 11.440     | 3%                |
| Nợ phải trả           | 2.879      | 3.279      | 14%               |
| Vốn chủ sở hữu        | 8.255      | 8.161      | -1%               |
| Vốn điều lệ           | 3.914      | 3.914      | 0%                |
| Tổng doanh thu        | 9.439      | 7.831      | -17%              |
| Tổng chi phí          | 8.571      | 7.366      | -14%              |
| Lãi vay               | 62,6       | 106,9      | 171%              |
| Ebit                  | 933        | 574        | -38%              |
| Lợi nhuận trước thuế  | 871        | 467        | -46%              |
| Lợi nhuận sau thuế    | 712        | 389        | -45%              |
| LNST cổ đông thiểu số | 13         | 11         | -15%              |
| LNST Công ty mẹ       | 700        | 378        | -46%              |

### Các chỉ số tài chính chủ yếu

| CHỈ TIÊU   | NĂM 2018 | NĂM 2019 |
|--|----------|----------|
| <b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>           |          |          |
| Hệ số thanh toán ngắn hạn                        | 3,42     | 2,88     |
| Hệ số thanh toán nhanh                           | 2,32     | 2,23     |
| <b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>                    |          |          |
| Hệ số nợ/Tổng tài sản                            | 25,86%   | 28,66%   |
| Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu                          | 34,88%   | 40,18%   |
| <b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>            |          |          |
| Vòng quay hàng tồn kho                           | 5,13     | 4,17     |
| Doanh thu thuần/Tổng tài sản                     | 83,50%   | 67,16%   |
| <b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>             |          |          |
| Hệ số LNST/Doanh thu thuần                       | 7,66%    | 5,06%    |
| Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng doanh thu | 9,22%    | 5,96%    |
| ROE  | 8,74%    | 4,74%    |
| ROA  | 6,66%    | 3,45%    |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*Bước sang năm thứ 17 kể từ ngày thành lập và trải qua gần 13 năm hoạt động với mô hình công ty cổ phần, PVFCCo ngày càng lớn mạnh, phát triển và kết tinh những giá trị bền vững. Kế thừa và phát huy kinh nghiệm, nguồn nhân lực cùng với những thay đổi phù hợp về mô hình tổ chức, quản lý và phương thức điều hành, mặc dù năm 2019 phải tiếp tục đối diện với nhiều thách thức và khó khăn, nhưng PVFCCo đã nỗ lực phấn đấu và đạt được kết quả nhất định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tạo tiền đề cho sự phát triển của Tổng Công ty trong giai đoạn tiếp theo.*

### ĐÁNH GIÁ CHUNG

Để hoàn thành được các chỉ tiêu quan trọng Đại hội đồng cổ đông giao năm 2019, Tổng Công ty đã tận dụng những thuận lợi và khắc phục những khó khăn, chủ yếu như sau:

#### Thuận lợi

- › Nguồn khí đầu vào đáp ứng đủ cho công suất hoạt động của Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- › Thương hiệu Phú Mỹ tạo được uy tín với khách hàng.
- › Hệ thống phân phối được triển khai sâu, rộng đến các vùng tiêu thụ.
- › Nguồn vốn được đảm bảo đủ và kịp thời cho hoạt động sản xuất và kinh doanh.

#### Khó khăn

- › Thị trường cạnh tranh ngày càng gay gắt; lượng hàng nhập khẩu dồi dào gây ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ trong nước;
- › Nhà máy đạm Phú Mỹ trong quá trình bảo dưỡng cơ hội đã xác định thiết bị HTER thuộc dự án NH<sub>3</sub> Revamp sau khi chạy thử và đưa vào vận hành đã bị hỏng lớp bê tông chịu nhiệt, đòi hỏi nhiều thời gian sửa chữa, khắc phục. Do vậy đã kéo dài thời gian dừng máy làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.
- › Sản phẩm NPK Nhà máy sản xuất là sản phẩm mới nên cần thời gian để hoàn thiện hoạt động sản xuất, vận hành ổn định.
- › Biến đổi khí hậu ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất nông nghiệp.
- › Giá nông sản giảm sâu ảnh hưởng đến đầu tư cho nông nghiệp.
- › Giá phân bón và hóa chất giảm từ nửa cuối năm 2019.
- › Hàng giả, kém chất lượng trên thị trường phân bón chưa được kiểm soát chặt chẽ.
- › Cước phí vận chuyển khí tăng cao hơn lộ trình.



### KẾT QUẢ SXKD TRONG NĂM

Chi tiết như trong phần Báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh năm 2019 trang 46-47.

#### Các tiến bộ đạt được trong năm

##### › Trong hoạt động sản xuất

Nhờ quá trình tích lũy kinh nghiệm trong quá trình bảo dưỡng định kỳ, năm 2019 Tổng công ty tiếp tục chủ động và nhanh chóng xử lý sự cố phát sinh và thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong sản xuất- yếu tố quan trọng để giảm thiểu sự cố ngừng máy. Bên cạnh đó, việc rà soát, hiệu chỉnh và áp dụng các bộ định mức đã có hiệu quả rõ rệt, kết quả là tổng tiêu hao năng lượng năm 2019 tại các xưởng sản xuất đều thấp hơn định mức ban hành và tổng tiết kiệm năng lượng tại khối sản xuất đạt 85 tỷ đồng.

##### › Trong hoạt động kinh doanh

Thương hiệu và thị phần Đạm Phú Mỹ được giữ vững trên thị trường trong bối cảnh phân bón trong nước phải cạnh tranh rất khốc liệt với các loại phân bón nhập khẩu giá rẻ. Bên cạnh đó là tạo được chỗ đứng trên thị trường bằng chất lượng các sản phẩm NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ, DAP Phú Mỹ và đặc biệt là tiếp tục phát triển mảng sản xuất và kinh doanh hóa chất.

##### › Đầu tư xây dựng cơ bản & mua sắm trang thiết bị

Tổng giá trị giải ngân cho các dự án đầu tư, mua sắm là 133 tỷ đồng.

Tổ hợp dự án lớn "Nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> của Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học": Dự án nâng công suất xưởng sản xuất NH<sub>3</sub> hiện tại của Nhà máy đạm Phú Mỹ thêm 90.000 tấn/năm (tăng khoảng 20% công suất hiện có) và xây dựng nhà máy sản xuất 250.000 tấn NPK/năm từ nguồn NH<sub>3</sub> bằng công nghệ hóa học đã được đưa vào vận hành, khai thác. Trong năm 2019, Tổ hợp dự án tiếp tục đóng góp khoảng 1.045 tỷ đồng doanh thu, tương ứng hơn 13% tổng doanh thu của Tổng công ty.

##### › Công tác nghiên cứu phát triển

Các nội dung nghiên cứu tiếp tục được tập trung vào nghiên cứu ứng dụng, năm 2019 sản phẩm thử nghiệm Đạm Kebo 6SiO<sub>2</sub>+TE của PVFCCo nhận được đánh giá tích cực từ khách hàng, PVFCCo đang chuẩn bị các bước tiếp theo để sớm đưa sản phẩm thương mại ra thị trường.

##### › Trong công tác tổ chức, nhân sự

Dự án cải tiến chính sách tiền lương và Dự án KPI được áp dụng linh hoạt đã đem lại động lực cho CBCNV phát huy sáng tạo/cải tiến trong công việc và giúp Tổng công ty giữ chân CBCNV có trình độ cao.

**Tuy nhiên, cũng phải nhận thấy rằng trong năm 2019, hoạt động SX - KD của Tổng Công ty cũng còn một số mặt cần hoàn thiện trong thời gian tới, đó là:**

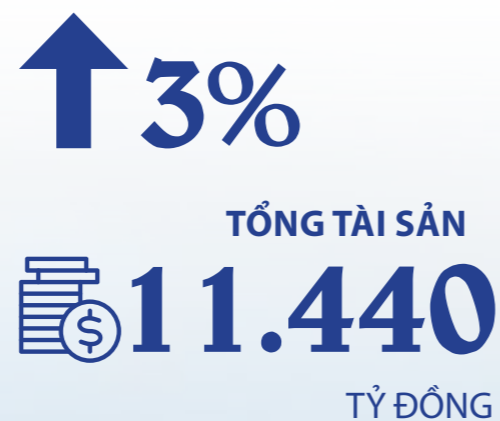
- › Tiến độ Dự án chậm so với tiến độ phê duyệt.
- › Bộ máy chưa thực sự tinh gọn.
- › Đầu tư tài chính (LDLK) kém hiệu quả.

### PHÂN TÍCH VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

#### Tình hình tài sản và nguồn vốn của PVFCCo

Tổng tài sản của PVFCCo tại ngày 31/12/2019 là 11.440 tỷ đồng, tăng 3% so với đầu năm (11.440/ 11.134 tỷ đồng). Lượng tiền và các khoản tương đương tiền của PVFCCo tăng 73% so với đầu năm (2.977 / 1.717 tỷ đồng).

Trong năm 2019, PVFCCo thực hiện hoàn nhập khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính theo quy định của Bộ Tài chính đối với Công ty CP Chế biến Thủy sản Út Xi với số tiền hoàn nhập là 131 triệu đồng.



#### Tình hình nợ phải trả

Khoản nợ phải trả năm 2019 của PVFCCo là 3.279 tỷ đồng, tăng 14% so với đầu năm (3.279/ 2.879 tỷ đồng).

Các chỉ số tổng nợ/ tổng tài sản, tổng nợ/ vốn chủ sở hữu đều tăng so với năm 2018 nhưng khả năng thanh toán hiện hành và thanh toán nhanh năm 2019 vẫn duy trì ở mức cao và lớn hơn 1. Điều này cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ tốt, Tổng Công ty không gặp áp lực về nợ khi đến hạn phải trả, đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh tốt.

Với lượng tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ là 2.977 tỷ đồng, PVFCCo chủ động được nguồn vốn cho sản xuất, kinh doanh và thực hiện các dự án đầu tư theo kế hoạch.

#### Khả năng sinh lời

Các chỉ số về khả năng sinh lời của PVFCCo như ROE, ROA giảm nhiều so với năm 2018.



## Top 50



PVFCO được bình chọn trong Top 50 doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam (do Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn).

## Top 40



Thương hiệu Đạm Phú Mỹ tiếp tục nằm trong Top 40 thương hiệu có giá trị nhất Việt Nam (do Tạp chí Forbes bình chọn).

## Top 5



PVFCO được bình chọn trong Top 5 DNNY nhóm vốn hóa lớn đạt giải Quản trị công ty tốt nhất (Sở GD&ĐT TP. HCM & HN đồng tổ chức bình chọn).

## Top 3



DPM được bình chọn trong Top 3 DNNY nhóm vốn hóa vừa có hoạt động Quan hệ nhà đầu tư được cộng đồng nhà đầu tư ưa thích nhất (trang tin tài chính trực tuyến đầu tư tài chính vietstock.vn tổ chức).

## Top 30



PVFCO được bình chọn trong Top 30 doanh nghiệp niêm yết nhóm Largecap có Báo cáo thường niên tốt nhất.

# 16



Hàng Việt Nam chất lượng cao lần thứ 16 liên tiếp.

## Top 500



Top 500 DN lớn nhất Việt Nam (VNR500) năm thứ 12 liên tiếp.

# 5



"Sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu" lần thứ 5 liên tiếp do Trung ương Hội Nông dân Việt Nam bình chọn.

# CHƯƠNG 4

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

|  |    |
|--|----|
| Danh sách thành viên HĐQT, BĐH, BKS năm 2019   | 58 |
| Thay đổi trong HĐQT, BĐH, BKS  | 61 |
| Cơ cấu vốn cổ phần và cổ đông  | 61 |
| Báo cáo về quản trị công ty  | 63 |
| <i>Các đánh giá của HĐQT về quản trị công ty tại doanh nghiệp</i>                            | 63 |
| <i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2020</i>                               | 66 |
| Báo cáo về hoạt động của HĐQT năm 2019   | 68 |
| Báo cáo hoạt động của BKS  | 76 |
| Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích khác của HĐQT, BTGD và BKS                       | 78 |
| Đánh giá kết quả thực hiện quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN | 80 |
| Báo cáo quản trị rủi ro  | 82 |
| Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư   | 90 |



## DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

(Số yếu lý lịch: Xem thông tin chi tiết trang 28 đến trang 35)

| STT                      | HỌ VÀ TÊN            | CHỨC VỤ   | SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU DPM |                |
|--------------------------|----------------------|---|-----------------------|----------------|
|                          |                      |   | Đại diện              | Sở hữu cá nhân |
| <b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> |                      |   |                       |                |
| 1                        | Nguyễn Tiến Vinh     | Chủ tịch HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác  | 131.440.253           | -              |
| 2                        | Lê Cự Tân            | Thành viên HĐQT kiêm TGD, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác   | 62.624.000            | 170.500        |
| 3                        | Nguyễn Hồng Vinh     | Thành viên HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác  | 39.140.000            | -              |
| 4                        | Dương Trí Hội        | Thành viên HĐQT chuyên trách, không điều hành, không nắm giữ chức vụ tại các doanh nghiệp khác  | 39.140.000            | -              |
| 5                        | Louis T Nguyen       | Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành, là Tổng giám đốc Công ty quản lý quỹ đầu tư SAM, thành viên HĐQT Công ty CP Năm Bảy Bảy, Công ty CP Thế Kỷ 21 | -                     | -              |
| 6                        | Lê Minh Hồng         | Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành  | -                     | -              |
| <b>BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b> |                      |   |                       |                |
| 1                        | Lê Cự Tân            | Tổng giám đốc   | 62.624.000            | 170.500        |
| 2                        | Lê Văn Quốc Việt     | Phó Tổng giám đốc   | -                     | -              |
| 3                        | Từ Cường             | Phó Tổng giám đốc   | -                     | -              |
| 4                        | Lê Thị Thu Hương     | Phó Tổng giám đốc   | -                     | 63.500         |
| 5                        | Trần Thị Phương Thảo | Phó Tổng giám đốc   | -                     | 65.700         |
| 6                        | Cao Trung Kiên       | Phó Tổng giám đốc   | -                     | -              |
| <b>BAN KIỂM SOÁT</b>     |                      |   |                       |                |
| 1                        | Huỳnh Kim Nhân       | Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách   | -                     | -              |
| 2                        | Lê Vinh Văn          | Thành viên Ban kiểm soát chuyên trách   | -                     | -              |
| 3                        | Lương Phương         | Thành viên Ban kiểm soát  | -                     | -              |
| <b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>    |                      |   |                       |                |
| 1                        | Võ Ngọc Phương       | Kế toán trưởng  | -                     | 24.700         |

## THAY ĐỔI TRONG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN ĐIỀU HÀNH

### NĂM 2019 TỔNG CÔNG TY CÓ CÁC THAY ĐỔI NHÂN SỰ

- Ông Nguyễn Tiến Vinh được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị từ ngày 11/01/2019 thay ông Lê Cự Tân.
- Ông Đoàn Văn Nhuộm được miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc kể từ ngày 10/01/2019.
- Bà Nguyễn Thị Hiền được miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị kể từ ngày 10/01/2019.
- Ông Lê Minh Hồng, được bầu vào Hội đồng quản trị và giữ chức thành viên Hội đồng quản trị từ ngày 10/01/2019.
- Ông Lê Cự Tân được bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc kể từ ngày 11/01/2019.
- Ông Dương Trí Hội được bầu là TV HĐQT từ ngày 17/04/2019
- Ông Hoàng Việt Dũng được thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 01/07/2019.
- Ông Cao Trung Kiên được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 19/09/2019.

### CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

#### Vốn cổ phần

- Tổng số cổ phần của Tổng Công ty: 391.400.000 cổ phần, tất cả đều là cổ phần phổ thông.
- Số cổ phần đang lưu hành: Tại thời điểm đầu năm 2020, tổng số cổ phần đang lưu hành của Tổng Công ty là 391.334.260 cổ phiếu (trừ 65.740 cổ phiếu quỹ).

#### Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Trong năm 2019 và đầu năm 2020, Tổng Công ty không có sự thay đổi.

#### Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Tổng số cổ phiếu quỹ tại thời điểm đầu năm 2019: 65.740 cổ phần.
- Trong năm 2019 và đầu năm 2020, Tổng Công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ. Tổng số cổ phiếu quỹ tại ngày 16/03/2020: 65.740 cổ phần.

#### Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam lập ngày 16/03/2020, tổng số cổ phần đang lưu hành là 391.334.260 cổ phần, sở hữu bởi 7.875 cổ đông.

#### Cổ đông trong nước

##### Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông trong nước

| CỔ ĐÔNG          | SỐ LƯỢNG     | SỐ CỔ PHẦN         | TỶ LỆ % TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH |
|------------------|--------------|--------------------|---------------------------------------|
| Pháp nhân        | 77           | 266.371.256        | 68,06%                                |
| Cá nhân          | 7.338        | 52.268.223         | 13,35%                                |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>7.415</b> | <b>318.639.479</b> | <b>81,41%</b>                         |

## CƠ CẤU VỐN CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

### Thông tin chi tiết về cổ đông lớn trong nước

| TÊN CỔ ĐÔNG VÀ ĐỊA CHỈ   | NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH   | SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN NĂM GIỮ | TỶ LỆ% TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH |
|--|---|--------------------------|--------------------------------------|
| <b>Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</b><br>Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội.<br>Tập đoàn kinh tế Nhà nước thuộc sở hữu của Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam<br>Website: www.pvn.vn | » Tìm kiếm, thăm dò, khai thác, chế biến, tàng trữ và vận chuyển dầu khí, làm dịch vụ dầu khí trong và ngoài nước; Kinh doanh vật tư, thiết bị trong ngành dầu khí; Kinh doanh, phân phối sản phẩm dầu khí và hóa dầu;<br>» Đầu tư sản xuất, kinh doanh điện, nhiên liệu sinh học, năng lượng tái tạo;<br>» Các ngành nghề kinh doanh phụ trợ liên quan đến lĩnh vực dầu khí, năng lượng. | 233.204.253              | <b>59,58%</b>                        |

### Cổ đông nước ngoài

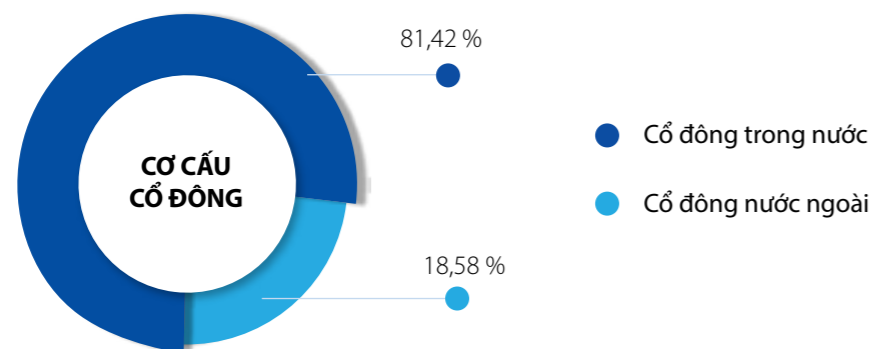
#### Thông tin chi tiết về cơ cấu cổ đông nước ngoài

| CỔ ĐÔNG          | SỐ LƯỢNG   | SỐ CỔ PHẦN        | TỶ LỆ% TRÊN TỔNG SỐ CỔ PHẦN LƯU HÀNH |
|------------------|------------|-------------------|--------------------------------------|
| Pháp nhân        | 62         | 71.422.303        | 18,25%                               |
| Cá nhân          | 398        | 1.272.478         | 0,33%                                |
| <b>Tổng cộng</b> | <b>460</b> | <b>72.694.781</b> | <b>18,58%</b>                        |

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn nước ngoài: Không có

### Cổ đông Nhà nước

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (như trên)



## BÁO CÁO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

### CÁC ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty áp dụng mô hình quản trị gồm có Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Ban điều hành theo Quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014. Công tác quản trị của Tổng Công ty tuân thủ và đáp ứng yêu cầu Quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ. Tổng Công ty bảo đảm môi trường, điều kiện về kiểm soát, kiểm toán nội bộ. Các báo cáo tài chính của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tuân thủ quy định của Pháp luật, phản ánh trung thực, chính xác hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty và được kiểm toán bởi đơn vị kiểm toán hàng đầu trong danh sách các đơn vị kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận. Hội đồng quản trị,

Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc có đủ năng lực và phẩm chất, không có những xung đột giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của Tổng Công ty, đã hoạt động hiệu quả với vai trò, chức năng của mình góp phần giúp cho Tổng Công ty hoàn thành kế hoạch SXKD hàng năm. Tổng Công ty luôn nỗ lực và chú trọng công tác cải tiến hoạt động quản trị công ty, hướng tới áp dụng thành công các thông lệ quản trị công ty tốt như: Nâng cao hiệu quả quản trị của Hội đồng quản trị, hoạt động giám sát của Ban kiểm soát, áp dụng các giải pháp hỗ trợ trong quản lý, điều hành SXKD: Hệ thống ERP, hệ thống ISO, hệ thống quản lý và đánh giá nhân viên KPI,...

### Tổng quan

Năm 2019 nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tỏa sáng về tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát được kiểm chế ở mức rất thấp mặc dù bối cảnh kinh tế và chính trị thế giới còn nhiều thách thức và bất ổn; Giá dầu thế giới đã tăng dần trở lại dẫn tới giá khí cũng tăng lên sau khi đã giảm xuống mức thấp, tạo áp lực chi phí cho Tổng Công ty; Tình hình cạnh tranh giữa các đơn vị trong cùng lĩnh vực ngày

càng gay gắt; Ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn đã ảnh hưởng trực tiếp tới nhu cầu tiêu thụ phân bón trong năm 2019 và tiếp tục kéo dài sang năm 2020; Chi phí thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ tiếp tục chiếm phần đáng kể trong chi phí sản xuất. Nội tại PVFCCo phát sinh một số khó khăn như đã nêu trong các phần báo cáo trên. Song, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời

của các cơ quan ban ngành, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự đồng hành, chia sẻ của Quý cổ đông, cùng với những giải pháp đúng đắn, sự chỉ đạo quyết liệt của Ban Lãnh đạo và sự đoàn kết quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách của tập thể cán bộ, công nhân viên, Tổng Công ty đã hoàn thành được nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2019 và vượt mức kế hoạch lợi nhuận (đã điều chỉnh).





Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đánh giá tổng kết năm 2019 trong bối cảnh có những thuận lợi và khó khăn, với những giải pháp đúng đắn Tổng công ty đã tiếp tục hoàn thành và hoàn thành vượt mức các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019.

### Những kết quả đạt được

Bên cạnh việc luôn đảm bảo tối ưu hiệu quả sản xuất và kinh doanh sản phẩm thế mạnh của Tổng công ty là Đạm Phú Mỹ, trong năm 2019, Tổng công ty đã tập trung vào quản trị chi phí, tài sản và nâng cao hiệu quả kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh, đặc biệt là các sản phẩm mang thương hiệu Phú Mỹ (NPK Phú Mỹ, Kali Phú Mỹ), qua đó góp phần vào hiệu quả sản xuất kinh doanh chung của Tổng công ty, đồng thời khai thác tối đa lợi thế của hệ thống phân phối đã xây dựng.

Các công ty con trong lĩnh vực phân phối cũng đã chủ động từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc kinh doanh các sản phẩm phân bón tự doanh và hóa chất phục vụ dầu khí. Tổng công ty đã triển khai quyết liệt và hoàn thành cơ bản việc thi công xây dựng dự án đầu tư nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học,... với việc phân xưởng NH<sub>3</sub> nâng cấp đã vận hành thương mại từ tháng 1/2018.

Trong năm 2019, mặc dù phải trải qua đợt bảo dưỡng kéo dài 72 ngày, Xưởng NH<sub>3</sub> được vận hành hiệu quả với sản lượng kinh doanh thương mại đạt gần 59 nghìn tấn, tăng 12,2% so với năm trước. Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học vận hành thương mại trong quý 3/2018 và trong năm 2019 đã sản xuất được gần 85 nghìn tấn NPK, sản lượng kinh doanh đạt gần 77 nghìn tấn.

Về mặt quản trị doanh nghiệp, Tổng công ty luôn giữ vững nguyên tắc công khai, minh bạch các hoạt động sản xuất kinh doanh trên cơ sở áp dụng các chuẩn mực quản trị kinh doanh hiện đại nhất. Năm 2019 tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý tích hợp: ISO 9001 - 2008, OSHAS 18001:2007 và ISO 14001:2004; hệ thống: ERP, STOP, 5S, Sig Sigma, CBM, RCA, FMEA, RBI, RCM,... bộ chỉ số đánh giá hiệu quả công việc KPI và đề án Cải tiến chính sách tiền lương (3P) nhằm tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng và hiệu quả. Bộ máy kiểm toán nội bộ đã triển khai với cách tiếp cận mới trong công tác kiểm toán, góp phần hoàn thiện và nâng cao công tác quản trị rủi ro trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.



### Những tồn tại, hạn chế cần khắc phục

Bên cạnh những thành tựu và kết quả đạt được trong năm 2019, Hội đồng quản trị đánh giá Tổng Công ty vẫn cần phải tiếp tục khắc phục và giảm thiểu tác động của một số tồn tại, hạn chế đã chỉ ra:

#### Về sản xuất

Nhà máy Đạm Phú Mỹ sau hơn 15 năm vận hành, mặc dù được bảo dưỡng thường xuyên nhưng đã bắt đầu xuất hiện những sự cố ở các thiết bị tĩnh. Việc kết nối, vận hành giữa dây chuyền thiết bị cũ và thiết bị mới đầu tư giai đoạn đầu còn có một số khó khăn, rủi ro trong việc đảm bảo sự vận hành ổn định, liên tục của toàn thể Nhà máy.

#### Về quản lý giá thành sản xuất

Nhà máy NPK vận hành ở giai đoạn đầu, tính ổn định và sản lượng còn thấp, cũng như việc chuẩn bị nguồn nguyên liệu chưa tối ưu, khiến cho việc xây dựng định mức tiêu hao, kiểm soát giá thành chưa đạt hiệu quả tốt nhất.

#### Về đầu tư góp vốn tại các doanh nghiệp liên kết

Mục tiêu thoái vốn tại các doanh nghiệp liên kết: VNPOLY (PVTEX), PVC Mekong, PAIC và Công ty Cổ phần Thủy hải sản Út Xi chưa thực hiện được trong năm 2019 như kế hoạch đề ra. Hoạt động của các công ty này (trừ PAIC & Út Xi) trong năm 2019 tiếp tục đạt kết quả kém làm suy giảm vốn đầu tư của Tổng Công ty.

### Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc

Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo đầy đủ về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.
- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp giao ban để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.
- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của Hội đồng quản trị và tuân thủ đúng điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Tổng Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời đã ban hành các văn bản tài liệu nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát có hiệu quả mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty; thực hiện tốt vai trò kiểm soát rủi ro ngay từ Ban điều hành và các quản lý cấp trung.

*Đặc biệt, năm 2019 Ban Tổng giám đốc đã xây dựng, đề xuất Hội đồng quản trị thông qua phương án tái sắp xếp bộ máy tổ chức quản trị, điều hành và nhân lực công ty mẹ theo hướng tinh gọn, hiệu quả, làm tiền đề để triển khai công tác tái cơ cấu tổng thể toàn Tổng Công ty.*

## Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2020

Năm 2020 diễn ra trong bối cảnh các yếu tố về thị trường phân bón, giá khí tiếp tục có những khó khăn như đã diễn ra trong năm 2019. Đặc biệt, về nguồn cung khí thiên nhiên đã chuyển sang thời kỳ khó khăn, các nguồn khí giá rẻ sụt giảm sản lượng. Tuy nhiên, với nỗ lực hoàn thành các dự án đầu tư trọng điểm, Tổng Công ty kỳ vọng cụm dự án mới NH<sub>3</sub>-NPK sẽ vận hành thương mại ổn định và đóng góp đáng kể vào doanh thu, lợi nhuận trong giai đoạn tới.

Trước những khó khăn thách thức đó, với sự ủng hộ, hỗ trợ của cổ đông Nhà nước, Hội đồng quản trị sẽ cùng với Ban điều hành và tập thể cán bộ công nhân viên nỗ lực phấn đấu trong công tác quản trị và điều hành doanh nghiệp, để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ trình Đại hội đồng cổ đông năm 2020, với kế hoạch, định hướng sau:

### Chỉ tiêu sản lượng

| STT      | Chỉ tiêu                                | ĐVT | Kế hoạch 2020 | Ghi chú  |
|----------|---|-----|---------------|--|
| <b>1</b> | <b>Sản lượng sản xuất</b>               |     |               |  |
| 1.1      | Đạm Phú Mỹ                              | Tấn | 785.000       | Nhà máy dự kiến bảo dưỡng tổng thể trong Quý 4 |
| 1.2      | NPK Phú Mỹ                              | Tấn | 180.000       |  |
| 1.3      | UFC85/Fomaldehyde                       | Tấn | 13.000        |  |
| 1.4      | NH <sub>3</sub> sản xuất bán thương mại | Tấn | 57.750        |  |
| <b>2</b> | <b>Sản lượng kinh doanh</b>             |     |               |  |
| 2.1      | Đạm Phú Mỹ                              | Tấn | 780.000       |  |
| 2.2      | NPK Phú Mỹ                              | Tấn | 180.000       |  |
| 2.3      | UFC85/Fomaldehyde                       | Tấn | 9.000         |  |
| 2.4      | NH <sub>3</sub>                         | Tấn | 55.000        |  |
| 2.5      | Phân bón khác                           | Tấn | 189.000       |  |
| 2.6      | CO <sub>2</sub>                         | Tấn | 50.000        |  |
| 2.7      | Hóa chất khác                           | Tấn | 800           |  |

### Kế hoạch tài chính toàn Tổng Công ty (hợp nhất)

| STT | Chỉ tiêu             | ĐVT     | Kế hoạch 2020 |
|-----|----------------------|---------|---------------|
| 1   | Tổng doanh thu       | Tỷ đồng | 9.237         |
| 2   | Tổng chi phí         | Tỷ đồng | 8.724         |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 513           |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế   | Tỷ đồng | 433           |
| 5   | Nộp NSNN             | Tỷ đồng | 159           |

## Kế hoạch Công ty mẹ

### Kế hoạch Tài chính

| STT | Chỉ tiêu                                    | ĐVT     | Kế hoạch 2020 |
|-----|---|---------|---------------|
| 1   | Vốn chủ sở hữu                              | Tỷ đồng | 7.589         |
|     | Trong đó: Vốn điều lệ/vốn điều lệ bình quân | Tỷ đồng | 3.914         |
|     | Tỷ lệ tham gia của Tập đoàn                 | %       | 59,58         |
| 2   | Tổng doanh thu                              | Tỷ đồng | 8.703         |
| 3   | Lợi nhuận trước thuế                        | Tỷ đồng | 491           |
| 4   | Lợi nhuận sau thuế                          | Tỷ đồng | 421           |
| 5   | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn điều lệ      | %       | 10,7          |
| 6   | Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH          | %       | 5,5           |
| 7   | Tỷ lệ chia cổ tức/vốn điều lệ               | %       | 10            |
| 8   | Nộp NSNN                                    | Tỷ đồng | 142           |

### Kế hoạch vốn đầu tư

| STT | Chỉ tiêu                                       | ĐVT     | Kế hoạch 2020 |
|-----|--|---------|---------------|
| 1   | Tổng nhu cầu vốn đầu tư                        | Tỷ đồng | 107           |
| a   | Đầu tư XDCB và mua sắm tài sản, trang thiết bị | Tỷ đồng | 107           |
| b   | Đầu tư tài chính                               | Tỷ đồng | -             |
| 2   | Nguồn vốn đầu tư                               | Tỷ đồng | 107           |
| a   | Vốn Chủ sở hữu                                 | Tỷ đồng | 83            |
| b   | Vốn vay và khác                                | Tỷ đồng | 24            |

# BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2019

Với vai trò là cơ quan quản lý cao nhất, đại diện cho quyền lợi của các cổ đông, trong năm 2019, HĐQT với 06 thành viên đương nhiệm (02 thành viên độc lập) đã tích cực thực hiện vai trò, nhiệm vụ của mình một cách nghiêm ngặt theo chuẩn mực quản trị của công ty cổ phần. HĐQT được tổ chức hoạt động chuyên trách, ra quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Thành viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn.

Trong năm 2019, HĐQT họp 5 phiên họp và 94 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 78 nghị quyết, quyết định quan trọng và nhiều văn bản chỉ đạo khác về những nội dung quan trọng tiêu biểu sau đây:

#### Kế hoạch, chiến lược

Phê duyệt kế hoạch và giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh năm 2019;

Chỉ đạo triển khai xây dựng đề cương rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển Tổng Công ty;

Chỉ đạo hoàn thiện xây dựng Chiến lược nghiên cứu phát triển giai đoạn 2019-2028.

#### Về tổ chức - nhân sự

- ▶ Kiện toàn các chức danh lãnh đạo cao cấp (Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc);
- ▶ Tiếp tục chỉ đạo rà soát, hoàn thiện công tác tái sắp xếp cơ cấu bộ máy quản trị điều hành công ty mẹ & các công ty con;
- ▶ Phê duyệt định biên lao động.

#### Hệ thống quản trị, kiểm soát rủi ro, kiểm soát nội bộ

Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình và bộ máy được hoàn thiện từ dự án hỗ trợ thiết lập bộ máy kiểm toán nội bộ; Chỉ đạo thực hiện và áp dụng giai đoạn 2 hệ thống ERP; Phê duyệt và triển khai kế hoạch kiểm toán nội bộ theo quy trình.

#### Đầu tư, triển khai các dự án

Chỉ đạo triển khai và xử lý vướng mắc nhằm hoàn thành giai đoạn kết thúc của dự án đầu tư nâng công suất xưởng NH<sub>3</sub> Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy phân NPK công nghệ hóa học. Phê duyệt quyết toán chi phí bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2017.

*Hội đồng quản trị (HĐQT) năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu gồm 6 thành viên với thông tin chi tiết như ở các phần trên. HĐQT không thành lập các tiểu ban. Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên chuyên trách phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Tổng Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.*

#### Ban hành, sửa đổi bổ sung các quy chế

Quy chế quản lý và sử dụng tài sản trang thiết bị tại Văn phòng Tổng Công ty, Quy chế về chế độ công tác phí trong nước, phương tiện đi lại và chi phí hành chính khác; trình ĐHCĐ thông qua sửa đổi bổ sung một số điều của Điều lệ Tổng Công ty.

#### Công tác tái cơ cấu

Thành lập Ban chỉ đạo để triển khai công tác tái cơ cấu tổng thể Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

#### Quan hệ cổ đông

Tổ chức thành công phiên họp ĐHCĐ bất thường ngày 10/01/2019 và phiên họp ĐHCĐ thường niên 2019. Tổ chức gần 30 cuộc tiếp xúc riêng lẻ và theo nhóm với hơn 100 đại diện các quỹ đầu tư trong và ngoài nước là các cổ đông hiện hữu và nhà đầu tư tiềm năng theo yêu cầu;

Tham dự 02 sự kiện/hội thảo tiếp xúc nhà đầu tư, cổ đông chủ chốt và tiềm năng tại các trung tâm tài chính quốc tế (Mỹ, Anh); duy trì hiệu quả kênh tiếp nhận và phản hồi thông tin với các đầu mối phân tích của các tổ chức môi giới định kỳ và theo yêu cầu nhằm công bố thông tin minh bạch, kịp thời ra thị trường theo quy định; Phát hành 2 kỳ bản tin Nhà đầu tư vào quý 3 và quý 4, phát hành Báo cáo thường niên vào quý 2; Thực hiện các chương trình hợp tác với các tổ chức môi giới, các cơ quan truyền thông đầu tư tài chính nhằm chuyển tải và phản hồi kịp thời, minh bạch các thông tin về PVFCCo ra thị trường; duy trì kết nối hợp tác với các cổ đông chủ chốt và các tổ chức đầu tư tài chính lớn trong và ngoài nước.

#### Lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính

Phối hợp với Ban kiểm soát để thông qua việc lựa chọn đơn vị thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.



## BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban điều hành đối với các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm,...
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.



### Danh mục các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị đã thông qua và ban hành trong năm 2019

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT/<br>QUYẾT ĐỊNH | NGÀY       | NỘI DUNG  |
|-----|------------------------------|------------|---|
| 1   | 19-39-NQ-DHDCD               | 10/1/2019  | NQ Phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2019   |
| 2   | 19-07-NQ-PBHC                | 10/1/2019  | NQ V/v ông Lê Cự Tân thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP                                  |
| 3   | 19-08-NQ-PBHC                | 10/1/2019  | NQ V/v thông qua kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP  |
| 4   | 19-10-QD-PBHC                | 10/1/2019  | QĐ V/v ông Đoàn Văn Nhuộm thôi giữ chức Tổng giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP  |
| 5   | 19-11-QD-PBHC                | 10/1/2019  | QĐ V/v bổ nhiệm ông Lê Cự Tân giữ chức Tổng giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP   |
| 6   | 19-19-NQ-PBHC                | 18/01/2019 | NQ phê duyệt quỹ lương kế hoạch năm 2018 của PVFCCo   |
| 7   | 19-22-NQ-PBHC                | 22/01/2019 | NQ V/v Phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị Tổng Công ty về phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên |
| 8   | 19-23-NQ-PBHC                | 22/01/2019 | NQ V/v phê duyệt vào giao kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2019 của PVFCCo   |
| 9   | 19-36-NQ-PBHC                | 31/01/2019 | NQ V/v tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018  |
| 10  | 19-40-NQ-PBHC                | 12/2/2019  | NQ phê duyệt hạn mức tín dụng năm 2019  |
| 11  | 19-43-QD-PBHC                | 15/02/2019 | QĐ V/v phê duyệt xếp lương chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty  |
| 12  | 19-44-NQ-PBHC                | 18/02/2019 | NQ V/v thông qua Kế hoạch hoạt động năm 2019 của Hội đồng quản trị PVFCCo   |
| 13  | 19-51-NQ-PBHC                | 20/02/2019 | NQ V/v phê duyệt kế hoạch chi phí bán hàng quản lý năm 2019 của Công ty Mẹ Tổng Cty Phân bón và Hóa chất Dầu khí                                |
| 14  | 19-50-NQ-PBHC                | 20/02/2019 | NQ V/v chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Cty CP Phân bón và hóa chất Dầu khí Miền Bắc   |
| 15  | 19-49-NQ-PBHC                | 20/02/2019 | NQ V/v chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Cty CP Phân bón và hóa chất Dầu khí Miền Trung   |
| 16  | 19-48-NQ-PBHC                | 20/02/2019 | NQ V/v chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Cty CP Phân bón và hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ  |
| 17  | 19-47-NQ-PBHC                | 20/02/2019 | NQ V/v chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Cty CP Phân bón và hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ   |
| 18  | 19-46-NQ-PBHC                | 20/02/2019 | NQ V/v tổ chức phiên họp thường niên 2019 của Đại hội đồng cổ đông PVFCCo   |

## BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT/<br>QUYẾT ĐỊNH | NGÀY       | NỘI DUNG  |
|-----|------------------------------|------------|---|
| 19  | 19-76-QD-PBHC                | 4/3/2019   | QĐ V/v kiện toàn Hội đồng khoa học và Công nghệ của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí   |
| 20  | 19-82-NQ-PBHC                | 12/3/2019  | NQ phê duyệt bộ định mức tạm thời cho sản phẩm NPK  |
| 21  | 19-84-NQ-PBHC                | 14/03/2019 | NQ V/v thông qua kế hoạch hoạt động năm 2019 của Ban Kiểm toán nội bộ PVFCCo  |
| 22  | 19-85-NQ-PBHC                | 14/03/2019 | NQ phiên họp quý 1 (2019) của Hội đồng quản trị Tổng Công ty  |
| 23  | 19-90-NQ-PBHC                | 28/03/2019 | NQ triển khai công tác quản lý vốn bằng tiền quý 1 năm 2019   |
| 24  | 19-105-NQ-PBHC               | 11/4/2019  | NQ thông qua chương trình, tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP        |
| 25  | 19-41-NQ-DHDCD               | 17/04/2019 | NQ Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019  |
| 26  | 19-112-NQ-PBHC               | 22/04/2019 | NQ V/v phê duyệt quyết toán quỹ lương, quỹ khen thưởng - phúc lợi năm 2018 của PVFCCo   |
| 27  | 19-118-QD-PBHC               | 24/04/2019 | QĐ V/v thành lập Đoàn kiểm toán nội bộ đợt 1 năm 2019 của PVFCCo  |
| 28  | 19-121-NQ-PBHC               | 26/4/2019  | NQ phê duyệt kết quả đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch năm 2018 của Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc, đơn vị thành viên Tổng công ty |
| 29  | 19-122-QD-PBHC               | 26/4/2019  | QĐ Vv ông Dương Trí Hội thôi giữ chức Phó TGĐ Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP  |
| 30  | 19-128-NQ-PBHC               | 6/5/2019   | NQ phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị Tổng Công ty về phụ trách lĩnh vực chuyên môn và giám sát hoạt động của các đơn vị thành viên |
| 31  | 19-129-NQ-PBHC               | 6/5/2019   | NQ phê duyệt kế hoạch vốn lưu động đối với các mặt hàng phân bón mang thương hiệu Phú Mỹ năm 2019   |
| 32  | 19-130-QD-PBHC               | 6/5/2019   | QĐ thành lập Ban chỉ đạo rà soát, điều chỉnh Chiến lược phát triển của Tổng công ty đến năm 2025, định hướng đến năm 2035                   |
| 33  | 19-131-NQ-PBHC               | 6/5/2019   | NQ điều chỉnh kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2019 của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí-CTCP                           |
| 34  | 19-133-NQ-PBHC               | 8/5/2019   | NQ V/v phê duyệt kế hoạch định biên lao động năm 2019   |
| 35  | 19-134-NQ-PBHC               | 8/5/2019   | NQ V/v chương trình an sinh xã hội năm 2019-2020  |
| 36  | 19-148-NQ-PBHC               | 23/05/2019 | NQ V/v điều chỉnh kế hoạch chi phí bán hàng quản lý năm 2019 của Công ty mẹ - PVFCCo  |
| 37  | 19-149-NQ-PBHC               | 23/05/2019 | NQ V/v triển khai công tác quản lý vốn bằng tiền quý 2 năm 2019   |
| 38  | 19-153-NQ-PBHC               | 28/05/2019 | NQ V/v khấu hao tài sản hình thành từ Dự án nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học  |

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT/<br>QUYẾT ĐỊNH | NGÀY       | NỘI DUNG   |
|-----|------------------------------|------------|--|
| 39  | 19-154-NQ-PBHC               | 28/05/2019 | NQ V/v phê duyệt quyết toán chi phí bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2017 đối với phần công việc đã thực hiện và đáp ứng đủ điều kiện quyết toán & việc hoàn thiện thủ tục đối với các công việc chưa đủ điều kiện quyết toán |
| 40  | 19-161-QD-PBHC               | 31/05/2019 | QĐ V/v kiện toàn Hội đồng khoa học và công nghệ của PVFCCo   |
| 41  | 19-186-QD-PBHC               | 11/6/2019  | QĐ V/v ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản, trang thiết bị tại Văn phòng cơ quan Tổng Công ty  |
| 42  | 19-185-QD-PBHC               | 11/6/2019  | QĐ V/v ban hành Quy chế và chế độ công tác phí trong nước, phương tiện đi lại và các chi phí hành chính khác   |
| 43  | 19-191-NQ-PBHC               | 25/6/2019  | NQ V/v phê duyệt kế hoạch khoa học công nghệ năm 2019 của PVFCCo   |
| 44  | 19-192-QD-PBHC               | 25/6/2019  | QĐ V/v không bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng giám đốc PVFCCo đối với ông Hoàng Việt Dũng   |
| 45  | 19-198-QD-PBHC               | 2/7/2019   | QĐ sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng và phân phối quỹ phúc lợi của PVFCCo   |
| 46  | 19-199-NQ-PBHC               | 2/7/2019   | NQ phê duyệt điều chỉnh hệ thống thang, bảng lương của PVFCCo  |
| 47  | 19-207-NQ-PBHC               | 10/7/2019  | NQ phiên họp quý 2 (2019) của Hội đồng quản trị Tổng Công ty   |
| 48  | 19-208-NQ-PBHC               | 10/7/2019  | NQ V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và ký hợp đồng thuê đơn vị soát xét kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019  |
| 49  | 19-242-QD-PBHC               | 23/07/2019 | QĐ V/v sửa đổi bổ sung một số điều khoản tại Chính sách nhân viên của PVFCCo   |
| 50  | 19-255-NQ-PBHC               | 7/8/2019   | NQ V/v phê duyệt danh sách các tổ chức tín dụng và hạn mức tiền gửi năm 2019   |
| 51  | 19-296-NQ-PBHC               | 11/9/2019  | NQ V/v chấp thuận các nội dung phụ lục 1 - Thỏa thuận có hoàn trả giữa 3 bên PVFCCo, Tập đoàn DKVN, VNPOLY   |
| 52  | 19-300-NQ-PBHC               | 12/9/2019  | NQ V/v thực hiện hỗ trợ có hoàn trả cho Công ty cổ phần Hóa Dầu và Xơ sợi Việt Nam (VNPOLY)  |
| 53  | 19-304-NQ-PBHC               | 17/09/2019 | NQ V/v triển khai công tác quản lý vốn bằng tiền quý 3 năm 2019  |
| 54  | 19-306-QD-PBHC               | 19/09/2019 | QĐ V/v bổ nhiệm ông Cao Trung Kiên giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP   |
| 55  | 19-315-NQ-PBHC               | 25/09/2019 | NQ V/v thời hạn bảo hành Hợp đồng số 368/2015/PVFCCo/DTXD/TPIT-PTSC/X-NH <sub>3</sub> ngày 06/6/2015   |
| 56  | 19-323-NQ-PBHC               | 3/10/2019  | NQ V/v thông qua nội dung kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp đơn hàng Thuê dịch vụ sửa chữa thiết bị Urea Reactor 20R1001 (relining) trong bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2020  |
| 57  | 19-329-QD-PBHC               | 9/10/2019  | QĐ V/v thành lập Tổ rà soát, điều chỉnh chiến lược phát triển của Tổng Công ty   |
| 58  | 19-405-NQ-PBHC               | 21/10/2019 | NQ V/v phê duyệt kế hoạch quỹ lương, thù lao năm 2019 của Công ty mẹ - PVFCCo  |
| 59  | 19-408-NQ-PBHC               | 24/10/2019 | NQ phiên họp quý 3 (2019) của Hội đồng quản trị Tổng Công ty   |

# BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2019

| STT | SỐ NGHỊ QUYẾT/<br>QUYẾT ĐỊNH | NGÀY       | NỘI DUNG   |
|-----|------------------------------|------------|--|
| 60  | 19-410-NQ-PBHC               | 28/10/2019 | NQ V/v phê duyệt dự toán chi phí bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2020  |
| 61  | 19-411-NQ-PBHC               | 28/10/2019 | NQ V/v phân cấp thực hiện công tác mua nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh theo Quy chế quản lý đầu tư xây dựng và mua sắm                             |
| 62  | 19-417-NQ-PBHC               | 1/11/2019  | NQ V/v về phương án xử lý đối với khu đất 6,2ha Trung tâm thương mại Cửu Long và công tác quản lý vốn chủ sở hữu, tài sản của Tổng Công ty                                       |
| 63  | 19-433-NQ-PBHC               | 25/11/2019 | NQ V/v thông qua chủ trương xem xét miễn/giảm bồi thường thiệt hại do chậm tiến độ chạy thử nghiệm thu công thức DAP dự án NPK   |
| 64  | 19-437-QĐ-PBHC               | 28/11/2019 | QĐ V/v kiện toàn Ban chỉ đạo công tác tái cơ cấu Tổng Công ty  |
| 65  | 19-438-QĐ-PBHC               | 29/11/2019 | QĐ V/v kiện toàn Tổ giám sát dự án nâng công suất xường NH <sub>3</sub> Nhà máy đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học                               |
| 66  | 19-440-NQ-PBHC               | 2/12/2019  | NQ V/v chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ  |
| 67  | 19-441-NQ-PBHC               | 2/12/2019  | NQ V/v chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ   |
| 68  | 19-442-NQ-PBHC               | 2/12/2019  | NQ V/v chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung  |
| 69  | 19-443-NQ-PBHC               | 2/12/2019  | NQ V/v chấp thuận điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc  |
| 70  | 19-457-NQ-PBHC               | 10/12/2019 | NQ V/v triển khai công tác quản lý vốn bằng tiền quý 4 năm 2019  |
| 71  | 19-456-QĐ-PBHC               | 10/12/2019 | QĐ V/v ban hành lại Chính sách nhân viên Tổng Công ty  |
| 72  | 19-465-NQ-PBHC               | 13/12/2019 | NQ V/v phê duyệt và giao kế hoạch hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020 của Tổng Công ty Phân bón & Hóa chất Dầu khí - CTCP (PVFCCo)   |
| 73  | 19-487-QĐ-PBHC               | 24/12/2019 | QĐ phê duyệt điều chỉnh thời gian thực hiện đề tài KHCN Nghiên cứu tính sẵn sàng của nguồn khí, dự phòng tình huống đổi nguồn nguyên liệu và công nghệ của NMDPM trong tương lai |
| 74  | 19-498-NQ-PBHC               | 31/12/2019 | NQ phê duyệt phương án hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự bộ máy quản trị, điều hành của PVFCCo - CTCP   |
| 75  | 19-503-NQ-PBHC               | 31/12/2019 | NQ V/v Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Cty Cp Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung  |
| 76  | 19-504-NQ-PBHC               | 31/12/2019 | NQ V/v Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Cty Cp Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ   |
| 77  | 19-505-NQ-PBHC               | 31/12/2019 | NQ V/v Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Cty Cp Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ  |
| 78  | 19-506-NQ-PBHC               | 31/12/2019 | NQ V/v Chấp thuận kế hoạch kinh doanh năm 2020 của Cty Cp Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc  |

## Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị Louis T Nguyễn và Lê Minh Hồng, hoạt động kiểm nhiệm tại Hội đồng quản trị và hiện tại đáp ứng tiêu chí thành viên độc lập không điều hành, đã tham dự và ủy quyền tham dự đầy đủ các cuộc họp và tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề quyết định của Hội đồng quản trị; tham gia giám sát, chỉ đạo hoạt động của Ban điều hành theo phân công của Hội đồng quản trị kể từ thời điểm được bầu vào Hội đồng quản trị.

## Đánh giá của thành viên HĐQT độc lập về quản trị/điều hành của Tổng Công ty trong năm 2019

- Trong Tổng Công ty, cổ đông Nhà nước cũng giống như các cổ đông khác, đều mong muốn giá trị của công ty tăng lên. Những người quản trị là đại diện vốn Nhà nước ngoài nhiệm vụ tuân thủ chế độ quản trị doanh nghiệp, còn ràng buộc trách nhiệm quản lý, bảo toàn phần vốn của Nhà nước. Tổng Công ty phụ thuộc khá lớn vào chi phí nguyên liệu sản xuất và trong bối cảnh nguồn khí giá rẻ suy giảm, Ban quản trị đã hết sức nỗ lực trong việc thuyết trình, đề xuất, bảo vệ cho những cam kết, hay chính sách của Nhà nước có lợi nhất cho Tổng Công ty về lĩnh vực này trong ngắn hạn và dài hạn. HĐQT Tổng Công ty đã hoạt động tuân thủ các tiêu chuẩn quản trị đối với công ty niêm yết, đảm bảo cho các thành viên HĐQT và thành viên độc lập HĐQT thực thi quyền hạn, trách nhiệm.
- Để tiến tới và tiếp cận sát với các chuẩn mực quản trị tiên tiến, HĐQT cần có sự rà soát, cải tiến nội dung hoạt động theo hướng tăng cường công tác định hướng, chiến lược và giám sát, xây dựng cơ chế phân cấp mạnh mẽ và phù hợp để giảm bớt sự tham gia vào các hoạt động mang tính chất điều hành.
- Về một số ý kiến đánh giá khác của cổ đông trong kết quả hoạt động của Tổng Công ty, pháp luật cho nhà đầu tư cơ chế để giám sát, thông qua chế độ báo cáo, công tác kiểm toán độc lập, hoặc một số công tác thanh tra, kiểm toán Nhà nước khác. Các cổ đông có cơ sở để tin tưởng vào các tài liệu báo cáo đã qua tiến trình đó (kiểm toán Big 4, kiểm toán nội bộ, kiểm toán Nhà nước,...).
- Thành viên độc lập phụ trách về mảng quan hệ với các cổ đông đặc biệt là nước ngoài, chiếm tỷ lệ khá lớn trong Công ty, trong năm 2019 tiếp tục chuyển tải đến nhà đầu tư về những giá trị, những lợi thế của Tổng Công ty và nỗ lực từ ban quản trị, điều hành, và ngược lại cũng mang những đóng góp, ý tưởng từ nhà đầu tư về cho HĐQT về đường lối, chiến lược, hay những phương hướng về tìm nhà đầu tư chiến lược. Tổng Công ty đã và đang có những nền tảng quản trị tốt trong số những công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước. Và việc cải tiến liên tục để hiệu quả là điều mong muốn đương nhiên của tất cả các cổ đông.
- Thành viên độc lập phụ trách về mảng chế độ, chính sách, đã tích cực tham gia công tác xây dựng, chỉ đạo và giám sát thực hiện kế hoạch định biên lao động, tiền lương và chế độ đãi ngộ. Tổng Công ty đảm bảo duy trì chế độ lương, thưởng phù hợp với quy định đối với công ty cổ phần có vốn chi phối của Nhà nước và đồng thời phù hợp với thị trường lao động.

## Bồi dưỡng, đào tạo nâng cao kiến thức Quản trị công ty cho các thành viên Hội đồng quản trị

- Tất cả các thành viên HĐQT đều có kinh nghiệm và được đào tạo về Quản trị công ty tại thời điểm được bầu và bổ nhiệm.
- Các thành viên HĐQT luôn chủ động bồi dưỡng, đào tạo cập nhật, nâng cao kiến thức về Quản trị công ty để đáp ứng yêu cầu công việc.



## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Kế hoạch hoạt động năm 2019 được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Ban kiểm soát Tổng Công ty đã triển khai thực hiện hoàn thành công tác kiểm tra giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, tổ chức các cuộc họp định kỳ, tham gia đầy đủ cuộc họp của Tổng Công ty, ban hành các Quyết định, kiến nghị liên quan đến hoạt động sản xuất của đơn vị.

### TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2019

#### Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Tổng Công ty

Hoàn thành 100% tiến độ các dự án Đầu tư xây dựng cơ bản, chạy thử thành công và nghiệm thu dự án Nhà máy sản xuất phân NPK công nghệ hóa học, vận hành thương mại dự án Nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub>, Tổng Công ty đã điều chỉnh tăng và thực hiện vượt mức các chỉ tiêu quan trọng của kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019. Sản xuất urê đạt 708 nghìn tấn tương đương 106% kế hoạch, doanh thu đạt 7.831 tỷ đồng - đạt 91% kế hoạch, lợi nhuận trước thuế đạt 467 tỷ đồng đạt 228% kế hoạch.

#### Về hoạt động sản xuất, kinh doanh

Tập trung vào nhiệm vụ giữ vững thị phần, phát triển kinh doanh sản phẩm phân bón mới, phát triển kinh doanh hóa chất, khẳng định chất lượng sản phẩm, nâng cao công tác thông tin dự báo thị trường, tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề, tăng cường quản lý hệ thống phân phối.

Sản lượng kinh doanh Urê Phú Mỹ đạt hơn 691 nghìn tấn - đạt 102% kế hoạch, phân bón khác đạt hơn 208 nghìn tấn - đạt 89% kế hoạch, NPK là gần 77 nghìn tấn - đạt 49% kế hoạch và NH<sub>3</sub> là 59 nghìn tấn - đạt 131% kế hoạch.

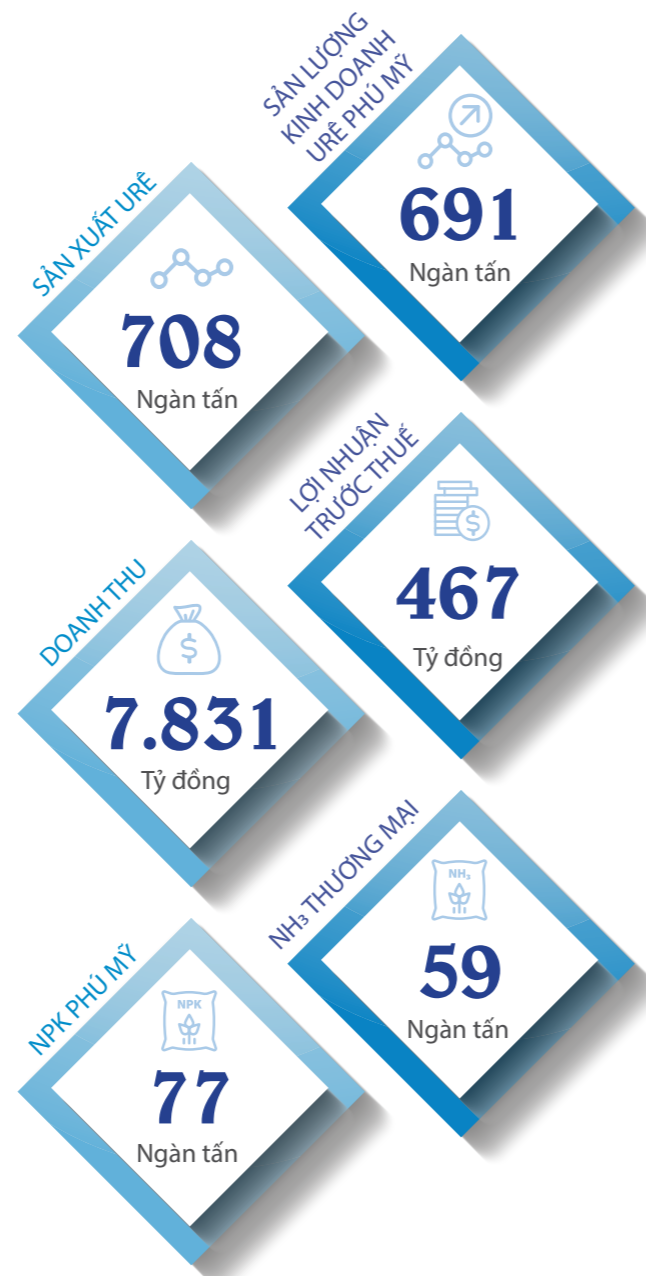
#### Về công tác nghiên cứu phát triển

Đẩy mạnh nghiên cứu và tổ chức sản xuất thử nghiệm các sản phẩm phân bón mới, sản phẩm hóa chất mới sử dụng nguyên liệu sẵn có của Nhà máy đạm Phú Mỹ. Nghiên cứu ứng dụng phần mềm phân bón thông minh tại khu vực ĐNB và TNB.

Tăng cường việc hợp tác với các viện, trường, các chuyên gia giỏi trong và ngoài nước hỗ trợ Tổng công ty trong việc nghiên cứu các sản phẩm phân bón, hóa chất mới, tư vấn chiến lược, thử/khảo nghiệm phân bón.

#### Về công tác quản trị, ứng dụng khoa học công nghệ

Tăng cường khai thác hệ thống công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản trị của Tổng Công ty.



Tiếp tục hoàn thiện sửa đổi bổ sung các quy trình quy chế, tổ chức sắp xếp lại các Ban/Văn phòng theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả, xây dựng chức năng nhiệm vụ các Ban/Văn phòng phù hợp với định hướng và chiến lược phát triển của PVFCCo.

#### Về công tác tái cấu trúc doanh nghiệp

Thực hiện tái cơ cấu mô hình quản lý tại Công ty mẹ và các đơn vị trực thuộc, xây dựng phương án thoái vốn của Tổng công ty tại các Công ty thành viên, tiếp tục rà soát đánh giá việc khai thác sử dụng các tài sản, kho cảng của Tổng Công ty để có hướng khai thác sử dụng hiệu quả hoặc chuyển nhượng thu hồi vốn trên nguyên tắc tuân thủ chính sách pháp luật hiện hành.

#### Về công tác đầu tư tài chính

Tiếp tục tìm kiếm các đối tác để thoái vốn tại các Công ty liên doanh liên kết. Đến 31/12/2019, tổng số vốn góp vào các công ty con và công ty liên kết theo mệnh giá là 1.087,65 tỷ đồng, trong đó đầu tư vào Công ty con 386,25 tỷ đồng, chiếm 35,5% và đầu tư vốn góp vào các công ty liên kết, dài hạn khác 701,4 tỷ đồng, chiếm 64,5%.

#### Về công tác tài chính kế toán

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính của Tổng Công ty; việc ghi chép, phân loại và trình bày tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành và đã được Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam thực hiện soát xét và kiểm toán.

#### Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác

Hội đồng quản trị tổ chức đầy đủ các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản để ra quyết định. Hội đồng quản trị làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị. Ban điều hành đã chỉ đạo cán bộ các ban chức năng thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông ra các quyết định điều hành kịp thời thực hiện vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

#### Báo cáo đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Hội đồng quản trị, Ban điều hành đã tạo điều kiện hỗ trợ Ban kiểm soát hoàn thành tốt nhiệm vụ giám sát việc quản lý và điều hành của Tổng Công ty, duy trì mối quan hệ làm việc, phối hợp đảm bảo sự phát triển bền vững của Tổng Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật và các văn bản quản lý nội bộ của Tổng Công ty.



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Tổng Công ty áp dụng chế độ lương cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát chuyên trách và Ban điều hành theo quy định của pháp luật, quy chế quản lý tiền lương, tiền thưởng và chế độ chính sách đối với người đại diện của Tập đoàn Dầu khí, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Tổng Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên.

Đối với các thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách, Tổng Công ty thực hiện chế độ thù lao công việc.

#### Chi tiết tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2019

| STT              | Họ & tên                 | Chức danh                                   | Tiền lương - Thù lao (triệu đồng) | Tiền thưởng - phúc lợi (triệu đồng) | Tổng thu nhập (triệu đồng) |
|------------------|--------------------------|---|-----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------|
| <b>I.</b>        | <b>Hội đồng quản trị</b> |   | <b>4.529</b>                      | <b>516</b>                          | <b>5.045</b>               |
| 1                | Nguyễn Tiến Vinh         | Chủ tịch HĐQT                               | 1.107                             | 138                                 | 1.246                      |
| 2                | Lê Cự Tân                | Ủy viên HĐQT kiêm TGD                       | 1.096                             | 137                                 | 1.233                      |
| 3                | Dương Trí Hội            | Ủy viên HĐQT                                | 961                               | 120                                 | 1.081                      |
| 4                | Nguyễn Hồng Vinh         | Ủy viên HĐQT                                | 961                               | 120                                 | 1.081                      |
| 5                | Luis Nguyễn              | Ủy viên HĐQT không chuyên trách             | 202                               | -                                   | 202                        |
| 6                | Lê Minh Hồng             | Ủy viên HĐQT không chuyên trách             | 202                               | -                                   | 202                        |
| <b>II.</b>       | <b>Phó TGD, KTT</b>      |   | <b>5.528</b>                      | <b>691</b>                          | <b>6.219</b>               |
| 1                | Lê Văn Quốc Việt         | Phó Tổng giám đốc                           | 961                               | 120                                 | 1.081                      |
| 2                | Lê Thị Thu Hương         | Phó Tổng giám đốc                           | 950                               | 119                                 | 1.069                      |
| 3                | Hoàng Việt Dũng          | Phó Tổng giám đốc                           | 478                               | 60                                  | 537                        |
| 4                | Từ Cường                 | Phó Tổng giám đốc                           | 961                               | 120                                 | 1.081                      |
| 5                | Trần Thị Phương Thảo     | Phó Tổng giám đốc                           | 961                               | 120                                 | 1.081                      |
| 6                | Cao Trung Kiên           | Phó Tổng giám đốc                           | 388                               | 48                                  | 436                        |
| 7                | Võ Ngọc Phương           | Kế toán trưởng                              | 830                               | 104                                 | 934                        |
| <b>III.</b>      | <b>Ban kiểm soát</b>     |   | <b>1.917</b>                      | <b>219</b>                          | <b>2.136</b>               |
| 1                | Huỳnh Kim Nhân           | Trưởng Ban kiểm soát                        | 961                               | 120                                 | 1.081                      |
| 2                | Lê Vinh Văn              | Thành viên Ban kiểm soát                    | 790                               | 99                                  | 889                        |
| 3                | Nguyễn Văn Hòa           | Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách | 166                               | -                                   | 166                        |
| <b>Tổng Cộng</b> |                          |   | <b>11.975</b>                     | <b>1.426</b>                        | <b>13.401</b>              |

### Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

- Ngày 21/01/2019: Nhóm cổ đông liên quan Edgbaston Investment Partner LLP thông báo thành viên trong nhóm mua vào cổ phiếu và tăng tỷ lệ sở hữu của nhóm từ 4,96% lên 5,01%.
- Ngày 23/01/2019: Người liên quan của cổ đông nội bộ, bà Lê Thị Kim Tuyến thông báo bán 5.400 cổ phần.
- Ngày 28/01/2019: Cổ đông nội bộ Lê Vinh Văn, Thành viên Ban kiểm soát thông báo bán 34.000 cổ phần.
- Ngày 15/02/2019: Cổ đông nội bộ Dương Trí Hội, Phó Tổng giám đốc thông báo bán 115.000 cổ phần.
- Ngày 18/02/2019: Nhóm cổ đông liên quan Edgbaston Investment Partner LLP thông báo thành viên trong nhóm bán ra cổ phiếu và giảm tỷ lệ sở hữu của nhóm từ 5,01% xuống 4,91%.
- Ngày 30/05/2019: Cổ đông nội bộ Hoàng Việt Dũng, Phó Tổng giám đốc thông báo bán 64.000 cổ phần.
- Các đối tượng khác: Không có thông báo/báo cáo giao dịch cổ phiếu.

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Trong năm 2019, không phát sinh các giao dịch giữa Tổng Công ty với các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý.

### Hợp đồng hoặc giao dịch với các tổ chức, cá nhân có liên quan

Không có

### Việc thực hiện các quy định về Quản trị công ty

Tổng Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Quản trị công ty niêm yết

- Đảm bảo tỷ lệ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và thành viên Hội đồng quản trị độc lập.
- Tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông tuân thủ đầy đủ quy định của Pháp luật về doanh nghiệp và quy định quản trị đối với công ty đại chúng, niêm yết. Tổ chức họp và thông qua ý kiến Hội đồng quản trị đúng quy định của Điều lệ Tổng Công ty và pháp luật về doanh nghiệp.
- Thực hiện đầy đủ và đúng hạn tất cả các nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường đối với công ty đại chúng, niêm yết.
- Báo cáo thường niên và các báo cáo trình Đại hội đồng cổ đông được lập với đầy đủ nội dung và thông tin về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác quản trị, điều hành, giám sát của Tổng Công ty.
- Hội đồng quản trị đã xây dựng và ban hành đầy đủ các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc, Ban kiểm soát, ban hành Quy chế đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ.
- Nâng cao năng lực quản trị công ty, hướng tới các chuẩn mực quản trị khu vực và quốc tế, thực hiện/tham gia các khóa đào tạo cho các thành viên Ban Điều hành/Ban kiểm soát/các thành viên trong HĐQT.





## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUẢN TRỊ CÔNG TY DỰA TRÊN THẺ ĐIỂM QUẢN TRỊ CÔNG TY KHU VỰC ASEAN CỦA TỔNG CÔNG TY



Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN là bộ câu hỏi được xây dựng trên các quy tắc quản trị công ty của Tổ chức Hợp tác phát triển kinh tế (OECD) và các thông lệ quản trị công ty tốt nhất trong khu vực nhằm đánh giá thông lệ quản trị công ty của các công ty niêm yết lớn trong các quốc gia thành viên tham gia dự án gồm Malaysia, Indonesia, Singapore, Thái Lan, Phillipines và Việt Nam.

Dự án đánh giá Quản trị công ty của ASEAN do diễn đàn thị trường Tài chính khu vực ASEAN (ACMF) thực hiện từ năm 2012 đến nay, nhằm mục đích đánh giá và vinh danh các công ty niêm yết dẫn đầu về quản trị công ty trong khu vực và được kỳ vọng nâng cao hình ảnh công ty niêm yết, khả năng thu hút đầu tư cũng như nâng cao hình ảnh thị trường vốn, hướng tới hội nhập ASEAN. Các tiêu chí đánh giá, chấm điểm quản trị công ty được dựa trên các thông tin tin cậy mà công ty cung cấp rộng rãi như Báo cáo thường niên, trang thông tin điện tử của công ty, các thông báo cho cổ đông, các Biên bản và Nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Vào tháng 11/2015, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí đã vinh dự nhận giải thưởng “Quản trị công ty khu vực ASEAN” cho 3 công ty niêm yết có điểm quản trị công ty đứng đầu Việt Nam theo chương trình Thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN.

Trong năm 2019, Tổng công ty tiếp tục nỗ lực trong việc cải thiện tình hình quản trị công ty nhằm tiệm cận gần hơn nữa với các chuẩn mực quản trị công ty trong khu vực dựa trên 04 nguyên tắc về quyền cổ đông, công bố thông tin minh bạch, trách nhiệm HĐQT và vai trò của các bên liên quan nhằm duy trì và nâng cao hiệu quả quản trị công ty đã đạt được. Từ những biến động xảy ra nằm ngoài dự kiến trong nội tại (sự kiện bảo dưỡng dài ngày) và trên thị trường (ngành nông nghiệp và thị trường phân bón gặp nhiều khó khăn), HĐQT đã thực hiện nghiêm túc vai trò của mình trong việc soát xét các mục tiêu chiến lược và kế hoạch trong năm của Tổng Công ty để có những điều chỉnh và đánh giá sự thích ứng điều chỉnh thực thi chiến lược, các mục tiêu trọng yếu trong kế hoạch năm của Ban điều hành trước các biến đổi của thị trường và khả năng ứng phó với các rủi ro trong quá trình hoạt động nhằm đạt được các kết quả hoạt động tối ưu.

Vào ngày 27/11/2019, PVFCCo đã được bình chọn trong Top 5 doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn đạt giải Quản trị công ty tốt nhất. Đây là giải thưởng quan trọng hàng năm do Sở GD&ĐT TP. HCM và Hà Nội cùng Hội đồng bình chọn tổ chức trao tặng cho các doanh nghiệp có nhiều cố gắng, nỗ lực trong các hoạt động quản trị như: Cải thiện chất lượng công bố thông tin, cải thiện báo cáo các hoạt động thực thi vai trò, trách nhiệm đối với các bên liên quan, cải thiện công tác tổ chức ĐHCĐ thông qua thông tin cung cấp cho cổ đông hoàn chỉnh và đầy đủ, đặc biệt là việc thực thi vai trò và trách nhiệm của HĐQT trong quản trị công ty.

Năm 2019 là một năm trải qua rất nhiều khó khăn trong tất cả các mặt hoạt động của PVFCCo. Tuy nhiên, hệ thống quản trị rủi ro luôn được PVFCCo cập nhật, đánh giá và đưa ra các giải pháp phù hợp để vượt qua các khó khăn, thách thức, đạt được kết quả kinh doanh là lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Để duy trì và phát huy hiệu quả quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư trong năm 2019, PVFCCo đã xác định các nhóm rủi ro then chốt và triển khai các giải pháp quản trị rủi ro hiệu quả để đạt được các mục tiêu.

Đa dạng hóa sản phẩm mới, ổn định và phát triển sản phẩm truyền thống nhằm khẳng định vị trí dẫn đầu về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa.

Đảm bảo vận hành an toàn Nhà máy đạm Phú Mỹ trong điều kiện nhà máy, thiết bị ngày càng già cỗi, giá nguyên vật liệu đầu vào luôn biến động, thị trường tiêu thụ ngày càng cạnh tranh khốc liệt.

Vận hành các dự án đầu tư mới với các sản phẩm mới, triển khai kinh doanh tốt các sản phẩm phân bón và hóa chất do Tổng công ty sản xuất nhằm đạt được mục tiêu chiến lược dài hạn của PVFCCo.

Nhằm đạt được các mục tiêu phát triển bền vững nêu trên, kết hợp với trách nhiệm bảo vệ lợi ích tốt nhất cho các cổ đông, hài hòa với trách nhiệm xã hội, năm 2019 vừa qua, PVFCCo luôn quản trị tốt các từng nhóm rủi ro trọng yếu như sau:

### RỦI RO VỀ THỊ TRƯỜNG

Với mục tiêu duy trì vị thế dẫn đầu về sản xuất và kinh doanh phân bón tại thị trường nội địa, PVFCCo đã không ngừng đánh giá, kiểm soát và xử lý tốt rủi ro thị trường trọng yếu:

#### Rủi ro cung vượt cầu



Do xu thế cung vượt cầu ngày càng gia tăng nên thị trường Urê nói riêng và các mặt hàng phân bón nói chung trong nước luôn đối mặt với áp lực cạnh tranh trong hiện tại và tương lai, đặc biệt sau khi Việt Nam tham gia hàng loạt Hiệp định tự do thương mại và chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu. Trước những thách thức này, PVFCCo tập trung kiện toàn và điều chỉnh hệ thống phân phối trong nước, tăng cường chăm sóc khách hàng nhằm phát triển có chiều sâu để tạo mối liên kết bền vững giữa Công ty mẹ với Công ty thành viên và hệ thống đại lý bao phủ khắp các vùng miền trên cả nước, điều động hàng hóa về các khu vực tiêu thụ trọng điểm để chiếm lĩnh thị trường, duy trì lợi thế cạnh tranh so với các đối thủ cùng ngành, giữ vững thương hiệu. Đây là một kế hoạch mang tính chiến lược và dài hạn giúp Tổng Công ty phát triển hệ thống bán hàng ổn định, vững chắc và mang tính lâu dài.

#### Rủi ro về giá nguyên vật liệu đầu vào



Giá dầu biến động do những tác động từ tình hình tài chính, nhu cầu, nguồn cung và an ninh, kinh tế thế giới. Trong thời gian qua bức tranh về giá dầu có nhiều gam sắc màu với diễn biến phức tạp. Với đặc thù sản xuất và kinh doanh phân bón, giá thành sản phẩm chính của PVFCCo chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi biến động của giá dầu trên thế giới, trong nhiều năm qua giá dầu thế giới biến động tăng/giảm không ổn định. Việc giá dầu tăng/giảm không ổn định, ngoài tầm kiểm soát có ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn đến kế hoạch SXKD của PVFCCo. Bên cạnh đó, trong từng giai đoạn Chính phủ có thể có những điều chỉnh trong chiến lược khai thác nguồn tài nguyên đất nước, cung ứng phù hợp với mục tiêu tổng thể của nền kinh tế và những điều chỉnh này cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của PVFCCo.

Lợi nhuận của PVFCCo phụ thuộc rất lớn vào biến động chi phí nguyên vật liệu đầu vào để sản xuất phân bón. Để ứng xử với rủi ro về giá khí trong việc hoạch định và thực hiện các mục tiêu kinh doanh trong ngắn hạn, PVFCCo đã linh hoạt lập dự báo kế hoạch SXKD trên nền các kịch bản về giá dầu, giá khí để kiểm soát sự thay đổi trong điều kiện môi trường kinh doanh nhiều biến động.

## Rủi ro về giá bán giảm



Giá phân bón trong nước bị ảnh hưởng đáng kể bởi giá phân bón thế giới, bất kỳ một sự thay đổi nào về giá phân bón thế giới cũng sẽ tác động ngay đến giá phân bón trên thị trường nội địa vì luôn phải cạnh tranh quyết liệt với phân bón nhập khẩu nước ngoài và nguồn hàng nhập khẩu tiểu ngạch các nước lân cận.

Trước áp lực này, PVFCCo là nhà sản xuất và kinh doanh phân bón luôn phải cân bằng giữa rủi ro và cơ hội để quyết định bán sản phẩm ở mức giá hợp lý sát với giá thị trường tại các thời điểm nhằm giữ vững thị phần và duy trì lợi thế cạnh tranh.

## Rủi ro về tính thanh khoản của khách hàng



Rủi ro về tính thanh khoản xảy ra khi khách hàng không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn gây ảnh hưởng đáng kể đến kết quả sản xuất kinh doanh của PVFCCo.

Nhận thức rủi ro nêu trên, PVFCCo không ngừng đề ra chính sách bán hàng và chính sách tín dụng thương mại linh hoạt phù hợp với thị trường và được triển khai thực hiện, kiểm soát và quản trị có hệ thống từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên, hạn mức tín dụng trong hoạt động bán hàng được xây dựng riêng cho từng nhóm sản phẩm, từng khách hàng trên cơ sở đánh giá năng lực tài chính, mức độ tín nhiệm và khả năng hợp tác của từng khách hàng, đại lý. Tại PVFCCo, kế hoạch vốn lưu động nói chung và định mức hàng tồn kho, công nợ nói riêng được phê duyệt và kiểm soát chặt chẽ và báo cáo một cách kịp thời, đầy đủ trong suốt quá trình triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh. Với nhận thức đúng đắn và quản trị hiệu quả trong năm 2019, PVFCCo không xảy ra tranh chấp nợ xấu trong bất kỳ các giao dịch thương mại nào.

## Rủi ro trong việc phát triển sản phẩm mới



Áp lực từ nhu cầu thị trường về sản phẩm phân bón chất lượng cao và bảo vệ môi trường sẽ thúc đẩy các nhà sản xuất và kinh doanh phân bón đáp ứng các loại phân bón chất lượng cao, giá thành hợp lý, thân thiện môi trường, có sự khác biệt, đa hiệu quả. Cùng với đó là xu thế nhu cầu sử dụng phân bón của bà con nông dân ngày càng đa dạng và khắt khe.

Trước bối cảnh này, để tăng tính cạnh tranh, giữ vững và tạo ra thị trường, PVFCCo đã không ngừng đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển nhằm đổi mới, sáng tạo, cải tiến sản phẩm, tạo ra nhiều sản phẩm khác biệt, chất lượng vượt trội để đáp ứng thị hiếu của nông dân cũng như dẫn dắt thị trường vào các sản phẩm chất lượng cao.

Đối với sản phẩm phân bón NPK sản xuất trong năm 2019, PVFCCo đã lựa chọn công nghệ sản xuất hóa học hiện đại nhất hiện nay, đồng thời trong các năm qua PVFCCo đã triển khai quy mô về việc chuẩn bị thị trường tiêu thụ sản phẩm NPK thông qua kế hoạch kinh doanh thương mại hàng năm và được thị trường đón nhận tích cực.



## Thực hiện các giải pháp linh hoạt, đồng bộ để ứng phó ảnh hưởng từ nhóm các rủi ro thị trường, đảm bảo triển khai kế hoạch quản trị rủi ro năm 2019 kịp thời và hiệu quả

- ▶ Tập trung quản trị, hoàn thiện hệ thống phân phối, thực hiện phát triển chiến lược truyền thông, quản trị thương hiệu để thúc đẩy, hỗ trợ công tác bán hàng nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh và khả năng sinh lời phù hợp, khẳng định vị thế thương hiệu phân bón Phú Mỹ trên thị trường nội địa.
- ▶ Tổ chức hệ thống kênh thông tin thông suốt từ Công ty mẹ đến các Công ty thành viên và hệ thống Đại lý để nắm bắt thông tin thị trường nhanh và chính xác, có khả năng ứng phó linh hoạt với diễn biến thị trường từng khu vực, từng thời điểm.
- ▶ Tổ chức hội nghị, hội thảo chuyên đề về công tác kinh doanh, thương hiệu, hội thảo về công tác thông tin thị trường góp phần quan trọng trong hoạt động quảng bá sản phẩm, hình ảnh của PVFCCo, tìm kiếm cơ hội hợp tác ở thị trường trong và ngoài nước, góp phần hoàn thiện các phương án, chiến lược kinh doanh.
- ▶ Hoàn thiện danh mục sản phẩm theo yêu cầu của thị trường với thương hiệu Phú Mỹ thông qua việc nhập khẩu các loại phân bón chất lượng cao.
- ▶ Ban hành sửa đổi một số chính sách quan trọng phù hợp với tình hình kinh doanh mới: Quy chế Quản lý hoạt động kinh doanh phân bón; Quy chế xây dựng và phát triển hệ thống phân phối sản phẩm phân bón của PVFCCo; Quy trình thực hiện công tác truyền thông và thiết kế sáng tạo; Quy trình xúc tiến thương mại và hỗ trợ bán sản phẩm phân bón; Quy trình thực hiện chương trình chăm sóc khách hàng... để tăng cường công tác quản lý hoạt động kinh doanh phân bón, hóa chất trong toàn Tổng Công ty, đáp ứng diễn biến thị trường trong giai đoạn mới.
- ▶ Thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu/thoái vốn, nâng cao năng lực cạnh tranh và thích ứng biến động môi trường kinh doanh, PVFCCo đã hoàn thành lộ trình công tác tái cấu trúc PVFCCo giai đoạn 1, hiện nay cổ phiếu các Công ty thành viên kinh doanh phân bón: PVFCCo North, PVFCCo Central, PVFCCo SE, PVFCCo SW chính thức giao dịch trên sàn GDCK Hà Nội.
- ▶ Xác định công tác tái cấu trúc là một nhiệm vụ quan trọng nên PVFCCo đã nỗ lực triển khai nhằm tận dụng, phát huy thế mạnh và sử dụng nguồn lực hiệu quả nhất nhằm tăng năng lực cạnh tranh và phát triển bền vững trong giai đoạn tới.

## Ngoài các giải pháp ứng phó rủi ro thị trường được triển khai thường xuyên theo từng giai đoạn, PVFCCo còn xây dựng một chiến lược phát triển thị trường mang tính lâu dài

- ▶ Duy trì vị thế của PVFCCo là doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón dẫn đầu trong nước; phát triển lĩnh vực sản xuất hóa chất, tập trung vào lĩnh vực hóa dầu.
- ▶ Giữ vững thị phần sản phẩm Urê Phú Mỹ và NPK Phú Mỹ thông qua các giải pháp về việc tiếp tục quản lý hệ thống kênh phân phối, công tác hỗ trợ kỹ thuật, chính sách hậu mãi, chăm sóc khách hàng đồng thời phát triển xây dựng hệ thống phân phối tại các nước có tiềm năng.
- ▶ Đã và sẽ thực hiện một số đề tài trong kế hoạch nghiên cứu và phát triển như: Vận hành, sản xuất thử nghiệm các sản phẩm mới trên dây chuyền Urê Pilot - công nghệ thung quay gia tốc; Tiếp tục kế hoạch hóa chiến lược nhằm đa dạng hóa sản phẩm trên nền tảng Urê Phú Mỹ, nghiên cứu dây công thức các sản phẩm NPK từ Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học, phát triển các sản phẩm phân bón chức năng và ứng dụng các mô hình kinh doanh và chuỗi giá trị nông nghiệp phù hợp với thực tiễn sản xuất kinh doanh của PVFCCo. Ngoài ra, tiếp tục nghiên cứu, đa dạng hóa sản phẩm hóa chất từ Xưởng sản xuất UFC85/Formaldehyde.
- ▶ Triển khai các chính sách nhằm đảm bảo gìn giữ hình ảnh và thương hiệu của PVFCCo trong cộng đồng nhà đầu tư.
- ▶ Tăng cường các giải pháp quản trị tích hợp với các hệ thống CNTT tiên tiến nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược, thúc đẩy kiểm soát tự động so với kiểm soát thủ công, tối ưu hóa công nghệ để quản lý rủi ro hiệu quả.

## RỦI RO TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA PVFCCO

Năm 2019, PVFCCo đã chủ động dừng máy nhằm bảo dưỡng cơ hội kết nối với Tổ hợp dự án mở rộng phân xưởng NH<sub>3</sub> và Nhà máy sản xuất NPK công nghệ hóa học. Trong những năm tiếp theo các hoạt động quản trị rủi ro sẽ tập trung vào:

- › Quản lý chất lượng sản phẩm;
- › Quản lý và xử lý sự cố trong sản xuất;
- › Phối hợp Ban quản lý Tổ hợp dự án NH<sub>3</sub>-NPK quyết toán vốn dự án.
- › Nâng cao ứng dụng trong cải tiến công nghệ và phát huy sáng kiến.

Trong những năm qua Nhà máy đạm Phú Mỹ đã duy trì hoạt động an toàn - hiệu quả, song song đó thời gian vận hành Nhà máy đã trên 15 năm với việc phải thực hiện bảo dưỡng tổng thể định kỳ 2 năm/1 lần nhưng cũng không tránh khỏi nguy cơ tiềm ẩn từ sự cố kỹ thuật dẫn đến ngừng máy làm phát sinh tăng chi phí vận hành, bảo dưỡng và ảnh hưởng đến các mục tiêu chung của PVFCCo.

Tổ hợp dự án NH<sub>3</sub>-NPK đã được nghiệm thu và đưa vào vận hành thương mại, thời gian tới tiếp tục xử lý các điểm tồn đọng và thực hiện công tác quyết toán vốn đối với Tổ hợp dự án NH<sub>3</sub>-NPK.

### Trong năm 2019 và những năm tới PVFCCo đã nhận diện, xử lý thông qua các giải pháp:

- › Tiếp tục duy trì phương thức vận hành sản xuất sản lượng tối đa sản phẩm Urê của Nhà máy đạm Phú Mỹ và Nhà máy NPK cùng với vận hành ổn định Nhà máy sản xuất UFC85/Formaldehyde nhằm cải thiện độ cứng của hạt Urê, nâng cao chất lượng sản phẩm của chính PVFCCo và khách hàng - các Nhà máy sản xuất Urê.
- › Theo dõi hiệu chỉnh và ban hành các Bộ định mức kinh tế kỹ thuật gồm: Định mức tiêu hao hóa chất, vật tư, năng lượng; Định mức tiêu hao xăng dầu mỡ nhờn; Định mức vật tư dự phòng tối thiểu; Định mức vật tư phụ tùng bảo dưỡng định kỳ nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất.
- › Chú trọng đến việc cập nhật và xây dựng ban hành các phương án kỹ thuật theo tình hình thực tế để kịp thời đối phó với các sự cố bất thường trong sản xuất.
- › Thực hiện tốt công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa, mua sắm vật tư dự phòng đối với thiết bị quan trọng và rủi ro cao trong Nhà máy, đặc biệt đối với các thiết bị tinh quan trọng. Ngoài ra, hàng năm duy trì tham gia hội thảo công tác bảo dưỡng sửa chữa đối với các Nhà máy khâu chế biến đầu khí của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm và đề ra định hướng, hoạch định chiến lược quản trị đối với công tác bảo dưỡng, sửa chữa theo xu thế máy móc tuổi càng cao.
- › Tối ưu việc áp dụng các hệ thống phần mềm hiện hữu như Hệ thống CMMS - Computerized Maintenance Management System, các hoạt động bảo dưỡng sửa chữa của Nhà máy đã được thực hiện thông qua hệ thống CMMS, từ yêu cầu công việc, lập kế hoạch thực hiện, xuất vật tư cho bảo dưỡng, lưu hồ sơ kết quả bảo dưỡng, kiểm soát tồn kho; hệ thống quản lý sản xuất OPM của Oracle - Oracle Process Manufacturing. Cụ thể:
  - › Quản lý công tác bảo dưỡng/sửa chữa thiết bị; Lưu trữ hồ sơ toàn bộ lý lịch máy móc thiết bị.
  - › Đồng thời cập nhật hồ sơ dịch vụ vào danh mục thiết bị của dự án mới (Tổ hợp dự án NH<sub>3</sub>-NPK) vào hệ thống CMMS.
  - › Quản lý tồn kho, cập nhật danh mục vật tư tối thiểu theo định mức vào hệ thống CMMS; So sánh định mức vật tư bảo dưỡng và vật tư thực tế cấp phát. Tự động xuất danh mục vật tư, phụ tùng theo yêu cầu của công việc bảo dưỡng.
  - › Triển khai phân tích MTA (Maintenance Task Analysis) và sử dụng chức năng MTA để triển khai phân tích PMO (Preventive Maintenance Optimization).

- › Bên cạnh đó, khai thác áp dụng phần mềm AIMS-Asset Integrity Management System, SYSTEM 1 và triển khai thực hiện RBI giai đoạn 2 (Risk Base Inspection) trong quản lý công tác bảo dưỡng, đánh giá tình trạng thiết bị và thu thập dữ liệu để phân tích tìm nguyên nhân hư hỏng của máy móc thiết bị. Đồng thời thực hiện kiểm tra CUI - Corrosion under Insulation (kiểm tra ăn mòn dưới lớp bảo ôn).
- › Tổ chức và kiểm soát công tác giám định, kiểm định máy móc, thiết bị có yêu cầu về an toàn trong Nhà máy. Đảm bảo các thiết bị được kiểm định trước khi đưa vào sử dụng.
- › Tiếp tục triển khai và áp dụng hệ thống phần mềm chuẩn hóa mã vật tư của PVFCCo theo tiêu chuẩn Shell Mesc.

### Tiếp nối thành công trong quản trị sản xuất năm 2019 cũng như các năm tới, PVFCCo duy trì và sẽ triển khai có hiệu quả chiến lược đầu tư trọng điểm vào hệ thống quản trị sản xuất của Nhà máy, nhằm vào hiệu quả đòn bẩy để tối ưu hóa chi phí sản xuất và vận hành

- › Áp dụng có hiệu quả các hệ thống tiêu chuẩn quản lý về an toàn và môi trường như ISO 14001-2004 và OSHAS 18001-2007. Tổ chức nhận diện, đánh giá rủi ro, đề ra các biện pháp an toàn bổ sung để giảm thiểu rủi ro, tuyên truyền đến CBCNV và Nhà thầu.
- › Chú trọng đào tạo đội ngũ lao động hiện hữu để vận hành Nhà máy NPK đáp ứng yêu cầu sản xuất dài hạn của Tổng Công ty.
- › Rà soát lại các bộ định mức kinh tế kỹ thuật hiện có tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, xây dựng định mức cho Nhà máy NPK và tích hợp với các bộ định mức hiện có của Nhà máy đạm Phú Mỹ để có bộ định mức dùng chung cho các Nhà máy của Tổng Công ty.
- › Nâng cao vai trò về cải tiến, sáng kiến và hợp lý hóa sản xuất, chế độ bảo dưỡng tiếp cận theo hướng dự phòng nhằm mang tính ngăn ngừa hư hỏng đột xuất thiết bị máy móc.
- › Tiếp tục nghiên cứu chiến lược bảo dưỡng để đạt mức tối ưu và phù hợp với thực tế Nhà máy đạm Phú Mỹ, duy trì việc lập kế hoạch bảo dưỡng định kỳ (trung hạn, ngắn hạn và dài hạn) đặc biệt quan tâm đến các thiết bị tinh quan trọng đã vận hành hơn 15 năm qua nhằm ngăn ngừa sự cố và đảm bảo Nhà máy đạm Phú Mỹ vận hành liên tục an toàn, ổn định và hiệu quả.
- › Rà soát, cập nhật bảng nhận diện rủi ro và khía cạnh môi trường của Nhà máy theo quy trình.

- › Cập nhật để án nâng cao năng lực vận hành, bảo dưỡng và hiệu quả của Nhà máy đạm Phú Mỹ cùng với các Nhà máy mới đưa vào vận hành thương mại của PVFCCo.

## RỦI RO TRONG QUÁ TRÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

### Năm 2019, đã tập trung nguồn lực triển khai thành công các dự án phân bón và hóa chất chuyên ngành nhằm đạt được chiến lược dài hạn của PVFCCo.

Thực hiện lộ trình triển khai chiến lược phát triển của PVFCCo đến 2025, định hướng đến 2035 và hiện tại trong giai đoạn 2015 - 2020, PVFCCo đã tập trung phân tích nhận diện, khoanh vùng những rủi ro của dự án từ đó để ra các giải pháp thực thi tốt nhất trong việc quyết toán hợp đồng EPC, quyết toán vốn đầu tư của 02 dự án trọng điểm:

- › Các ban chức năng Tổng công ty phối hợp Ban Quản lý dự án và Nhà máy đạm Phú Mỹ rà soát điểm tồn đọng để cùng Nhà thầu bảo hành máy móc thiết bị trong quá trình vận hành trong 2 năm để đạt được quyết toán A-B và quyết toán vốn.
- › Ngoài ra, để đảm bảo dự án đi vào hoạt động đạt hiệu quả kinh tế như mong đợi, PVFCCo cập nhật tính toán hiệu quả dự án theo các thông số thực tế để kiểm soát các chi phí biến động như giá nguyên liệu đầu vào, giá bán, chính sách thuế... kể cả cơ cấu vốn đầu tư của dự án cũng được xem xét điều chỉnh, quyết định cho phù hợp trên cơ sở tổng thể về nguồn lực tài chính của PVFCCo.
- › Trong quá trình triển khai dự án không tránh khỏi việc thay đổi xuất xứ của máy móc/thiết bị theo quy định hợp đồng nhưng vẫn được kiểm tra giám sát chặt chẽ đảm bảo máy móc đạt chất lượng tương đương hoặc cao hơn so với hợp đồng.
- › Thực hiện công tác rà soát, chuẩn bị hồ sơ phục vụ cho công tác quyết toán vốn của dự án.

## RỦI RO VỀ TỶ GIÁ



Trong những năm qua tỷ giá ngoại tệ biến động theo xu hướng tăng, do vậy những biến động về tỷ giá có thể ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh cũng như hiệu quả của dự án đầu tư có sử dụng ngoại tệ của PVFCCo. Với việc nhận thức được tầm quan trọng trong quản trị rủi ro về tỷ giá, PVFCCo đã thường xuyên theo dõi cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính thế giới và trong nước, theo dõi sát sao những biến động của tỷ giá để xây dựng và triển khai các phương án nhập khẩu kinh doanh phù hợp và linh hoạt, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Bên cạnh đó, công tác quản trị tài chính, phân tích, đánh giá yếu tố chênh lệch tỷ giá đến hiệu quả của các dự án đang triển khai cũng được PVFCCo xem xét cẩn trọng.

## RỦI RO VỀ TÀI CHÍNH VÀ MỤC TIÊU TÁI CẤU TRÚC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT



Công tác đầu tư góp vốn dài hạn vào Công ty liên doanh liên kết như Công ty VNPOLY, PVC Mekong đang gặp khó khăn trong hoạt động SXKD. Mục tiêu của PVFCCo là thoái vốn tại các doanh nghiệp này, nhưng rất khó khăn trong việc tái cấu trúc hoạt động đầu tư góp vốn dài hạn trong bối cảnh hoạt động không hiệu quả các công ty liên kết hiện nay. Nhằm hỗ trợ các đơn vị nâng cao dần hiệu quả hoạt động, PVFCCo đã tăng cường giám sát hoạt động quản trị Công ty liên kết thông qua người đại diện phần vốn, đồng thời triển khai một số hoạt động để hỗ trợ các đơn vị trong hoạt động quản trị điều hành doanh nghiệp.

## RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG, LUẬT ĐỊNH



Việt Nam phải mở cửa thị trường phân bón trong quá trình hội nhập, nhiều doanh nghiệp nước ngoài sẽ đầu tư sản xuất kinh doanh phân bón có thể thay thế một phần Urê. Những doanh nghiệp nước ngoài với kinh nghiệm, năng lực quản lý kinh doanh tốt sẽ trở thành những đối thủ mạnh tại Việt Nam.

Phân bón giả, kém chất lượng chưa được quản lý chặt chẽ dẫn đến thiệt hại cho những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh nghiêm túc như PVFCCo.

Chính sách thuế của Việt Nam hiện nay đang còn trong giai đoạn kiện toàn nên liên tục có những thay đổi, bổ sung liên quan trực tiếp đến ngành phân bón, vì vậy, các rủi ro về áp dụng chính sách thuế, thay đổi về thuế suất đối với mặt hàng phân bón có ảnh hưởng lớn đến tình hình hoạt động của PVFCCo, việc chuyển mặt hàng phân bón từ diện áp dụng thuế suất GTGT 5% sang đối tượng không chịu thuế GTGT dẫn đến toàn bộ thuế GTGT đầu vào phục vụ cho sản xuất kinh doanh phân bón sẽ không được khấu trừ và phải hạch toán vào chi phí làm cho lợi nhuận sụt giảm đáng kể, ngoài ra khi triển khai hợp đồng EPC dự án sản xuất phân bón NPK thì luật thuế thay đổi cũng có ảnh hưởng đến tính hiệu quả đầu tư của dự án.

**Không những chú trọng để công tác quản trị rủi ro có trọng tâm chiến lược đi cùng với quản trị doanh nghiệp theo các thông lệ tiên tiến, PVFCCo cũng không ngừng xây dựng và triển khai có hệ thống các giải pháp nhằm phát huy vai trò và cải tiến năng lực của chức năng Kiểm toán nội bộ - một chức năng quan trọng trong hoạt động quản trị rủi ro và quản trị doanh nghiệp, tạo cơ sở vững chắc để chức năng này phục vụ tốt hơn nữa công tác tham vấn cho HĐQT và Ban kiểm soát trong việc điều hành, quản trị và giám sát hoạt động của doanh nghiệp. Trong năm 2019, Ban kiểm toán nội bộ đã tiếp tục triển khai các đợt kiểm toán và các hoạt động kiểm toán như sau:**

- Thực hiện kiểm toán định kỳ có kết hợp các chuyên gia/chuyên viên nội bộ thuộc các lĩnh vực chuyên môn khác nhau kiểm tra tổng thể các hoạt động sản xuất kinh doanh tại các Chi nhánh và Công ty thành viên với chương trình kiểm toán được xây dựng dựa trên các nhóm rủi ro tại PVFCCo.
- Thực hiện kiểm toán theo chuyên đề dựa trên những rủi ro hoạt động được dự báo, nhận diện và đánh giá có thể ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả kinh doanh của PVFCCo.
- Ngoài ra, Bộ phận kiểm toán nội bộ (KTNB) đã phối hợp với tổ chức tư vấn đào tạo hoàn thành việc xây dựng hệ thống báo cáo quản trị tại PVFCCo theo các thông lệ tiên tiến, nâng cao năng lực và kỹ năng kiểm toán. Theo đó, bộ phận kiểm toán nội bộ PVFCCo tiếp tục triển khai kế hoạch đã được xây dựng bằng việc phối hợp với các Tổ chức tư vấn quốc tế triển khai phạm vi công việc hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hoàn thiện khung quản trị doanh nghiệp mà giai đoạn trước mắt là rà soát và cập nhật danh mục rủi ro, xây dựng ma trận tuân thủ và tối ưu hóa quy trình tác nghiệp.
- Thông qua hoạt động kiểm toán nội bộ thường niên, Bộ phận KTNB PVFCCo không ngừng bổ sung, hoàn thiện Danh mục các điểm kiểm soát trọng yếu và đánh giá hiệu quả kiểm soát nhằm duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ vận hành một cách hữu hiệu và hiệu quả. Ngoài ra, các kết quả KTNB được đưa vào nội dung các phiên họp thường kỳ của HĐQT để tăng cường công tác quản trị tại PVFCCo.
- Tư vấn, tham mưu cho HĐQT trong việc hạn chế, ngăn ngừa các rủi ro thông qua việc báo cáo, thẩm tra, thẩm định các báo cáo do Ban điều hành đệ trình thuộc thẩm quyền xử lý và quyết định của HĐQT.

**Tại PVFCCo không chỉ chú trọng đến công tác quản trị rủi ro có mục tiêu mà còn tập trung các nguồn lực khác để không ngừng triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm mục đích nâng cao hiệu quả công tác quản trị doanh nghiệp nói chung:**

Triển khai tích hợp Quản trị rủi ro vào các quy trình quản trị, đặc biệt chú trọng đến công tác dự báo và lập kế hoạch kinh doanh. Hệ thống quản trị nguồn lực tổng thể của doanh nghiệp không ngừng được cải tiến và nâng cao, trên cơ sở đã triển khai thành công hệ thống quản lý tổng thể nguồn lực doanh nghiệp - ERP giai đoạn 1. Năm 2018, PVFCCo đã vận hành hệ thống ERP giai đoạn 2 với Phân hệ lập kế hoạch và dự báo - HPM (Hyperion Planning Management), Phân hệ quản lý sản xuất - OPM đã được cải tiến sau quá trình vận hành (Oracle Processing Manufacturing) và tiếp theo là giai đoạn 3 với Phân hệ báo cáo thông minh BI (Business Intelligence), tiến đến tối đa

hóa kiểm soát tự động và kiểm soát trực tiếp trên hệ thống, góp phần nâng cao năng lực quản trị tại PVFCCo.

Hoàn thành và tiếp tục hoàn thiện, tối ưu hoá trong việc vận hành Dự án cải cách chính sách tiền lương tạo bước đột phá trong phân phối thu nhập để tăng năng suất lao động và hiệu quả công việc mà cụ thể là: Sửa đổi chính sách nhân viên; Sửa đổi, bổ sung Quy chế trả lương, trả thưởng và quỹ phúc lợi của Tổng công ty; Xây dựng khung năng lực các vị trí chức danh và hệ thống đánh giá KPIs giúp Ban Lãnh đạo đánh giá việc hoàn thành các mục tiêu kinh doanh bộ phận và mục tiêu tổng thể của PVFCCo.

*Với quan điểm “Phát triển bền vững, hiệu quả và nhân văn” cùng với việc không ngừng đẩy mạnh công tác quản trị theo các thông lệ tiên tiến, Ban Lãnh đạo PVFCCo quyết tâm hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp - ERM (Enterprise Risk Management), hướng đến tính chiến lược để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục duy trì vị thế, thương hiệu dẫn đầu trong lĩnh vực phân bón và hóa chất của PVFCCo trong cộng đồng các nhà đầu tư.*

*PVFCO triển khai các hoạt động Quan hệ Nhà đầu tư (IR) dựa trên các tiêu chí “Minh bạch - Nhanh chóng - Hiệu quả nhất”, với nguyên tắc thực hiện quản trị tài chính dựa trên lợi ích của cổ đông và nhà đầu tư.*

Trong năm 2019, Bộ phận IR (Tổ IR) của Tổng công ty đã thực hiện các nhóm hoạt động chính như sau:

### TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG VÀ THƯỜNG NIÊN

Dưới sự chỉ đạo của Ban lãnh đạo Tổng công ty, Tổ IR với đầu mối là Văn phòng HĐQT đã phối hợp tổ chức thành công 02 phiên họp Đại hội đồng cổ đông (ĐHCD) trong năm 2019, gồm có: ĐHCD bất thường bàn về việc thay đổi nhân sự cấp cao trong HĐQT PVFCO (tổ chức trong tháng 01/2019); ĐHCD thường niên 2019 (tổ chức trong tháng 04/2019). Tại các phiên họp ĐHCD này, cổ đông & đại diện cổ đông đã biểu quyết thông qua tất cả các nội dung đề trình. Tại phiên họp, các câu hỏi và thắc mắc của đại diện cổ đông, nhà đầu tư cũng đã được Ban quản trị, điều hành Tổng công ty giải đáp kịp thời.

### TỔ CHỨC GẶP MẶT CÁC CỔ ĐÔNG CHỦ CHỐT

Như đã đề cập, năm hoạt động 2019 của PVFCO diễn ra trong bối cảnh phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức và sự cố dừng máy kéo dài trong 72 ngày ở nửa đầu năm, tác động trực tiếp tới bức tranh hoạt động của cả năm, đặc biệt là các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính. Bộ phận IR đã nhận được rất nhiều câu hỏi và yêu cầu phản hồi, cập nhật thông tin từ thị trường trong và sau giai đoạn dừng máy bảo dưỡng, thay thế thiết bị dẫn tới việc phải điều chỉnh giảm một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trọng yếu so với kế hoạch đã công bố trước đó. Ban Lãnh đạo PVFCO đã có chỉ đạo, hỗ trợ Bộ phận IR cung cấp, phản hồi thông tin từ thị trường một cách kịp thời, chính xác và minh bạch đồng thời cũng tiếp nhận, lắng nghe các đánh giá, nhận định của cổ đông, nhà đầu tư về PVFCO cũng như ngành phân bón để nắm bắt được kỳ vọng của thị trường đối với cổ phiếu DPM. Trong năm 2019, định kỳ hàng quý, Bộ phận IR đã tổ chức các buổi gặp mặt Nhà đầu tư và các chuyên viên phân tích ngành để kịp thời giải đáp thắc mắc của thị trường về kết quả hoạt động của Tổng công ty. Đặc biệt, đại diện Ban Lãnh đạo Tổng công ty đã dành thời gian cùng Tổ IR tổ chức gặp mặt trực tiếp nhóm cổ đông chủ chốt và các quỹ đầu tư, các tổ chức môi

giới lớn trên thị trường tài chính quốc tế (Anh, Mỹ) nhằm giải đáp kịp thời các thông tin đang được quan tâm và cập nhật kết quả hoạt động trong năm 2019, đồng thời cũng lắng nghe các ý kiến, đề xuất của các cổ đông chủ chốt để cải thiện hơn nữa công tác quản trị, điều hành Tổng công ty. Các buổi gặp mặt trực tiếp giữa cổ đông, nhà đầu tư với đại diện lãnh đạo Tổng công ty và Bộ phận IR được thực hiện trên tinh thần cởi mở và cầu thị, giúp thị trường nhận được thông tin chính xác, kịp thời về các vấn đề được quan tâm liên quan tới Tổng công ty, tiếp tục củng cố lòng tin và sự ủng hộ của cổ đông, nhà đầu tư vào cổ phiếu DPM, góp phần hỗ trợ, khuyến khích Tổng công ty vượt qua các khó khăn phát sinh, hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu trong sản xuất, kinh doanh.

### GẶP MẶT, TIẾP XÚC NHÀ ĐẦU TƯ RIÊNG LẺ, KẾT NỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, MÔI GIỚI

Ngành nông nghiệp Việt Nam trong năm 2019 gặp nhiều khó khăn do tác động tiêu cực từ các yếu tố: Sự tăng trưởng chậm của nền kinh tế thế giới dẫn tới sự sụt giảm nhu cầu nông sản; cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung cũng ảnh hưởng tới giao dịch thương mại toàn cầu và khả năng xuất khẩu nông sản của Việt Nam; diễn biến thời tiết bất lợi và giá bán nông sản sụt giảm mạnh đã gây thiệt hại nghiêm trọng tới ngành nông nghiệp. Do đó, các doanh nghiệp ngành phân bón nói chung đều gặp nhiều khó khăn dẫn tới kết quả hoạt động sụt giảm, nhiều doanh nghiệp rơi vào tình trạng thua lỗ, thị giá cổ phiếu cũng giảm sâu so với giai đoạn trước đây. Riêng đối với PVFCO, mặc dù gặp nhiều thách thức từ sự biến động thị trường (giá bán, giá nguyên liệu) và nội tại cũng phải vượt qua thách thức phát sinh trong kỳ bảo dưỡng kéo dài, nhưng trong giai đoạn này PVFCO đã chứng tỏ được khả năng ứng phó linh hoạt của một tổ chức đoàn kết và trưởng thành. Tổng công ty đã hoàn thành tốt kỳ bảo dưỡng thiết bị để sớm đưa Nhà máy vào vận hành ổn định, đảm bảo sản lượng tối ưu trong những tháng còn lại, đồng thời tiếp tục nỗ lực nâng cao hiệu quả hoạt động chung, (tăng cường tiết giảm chi phí, rà soát các định mức năng lượng, gia tăng sản lượng kinh doanh, đổi mới phương thức bán hàng, giao nhận,...) nhằm hoàn thành sớm các chỉ tiêu trọng yếu đã đề ra. Tổ IR đã liên tục đẩy mạnh các hoạt động tiếp xúc thông tin kịp thời tới nhà đầu tư (đặc biệt là nhóm cổ đông chủ chốt trong nước và nước ngoài) thông qua kênh trực tiếp và gián tiếp để cập nhật các kết quả hoạt động của Tổng công ty. Cụ thể, trong năm 2019, bộ phận IR đã thực hiện khoảng 30 cuộc họp trực tiếp với hơn 100 đại diện các quỹ đầu tư, tổ chức môi giới trong và ngoài nước. Trong đó, hình thức trao đổi, phản hồi qua email được chú trọng hơn để đảm bảo sự kết nối, thông tin công bố tính chính xác, kịp thời,...

Ngoài ra, Bộ phận IR cũng định kỳ thực hiện tổng hợp các đánh giá, nhận định của các tổ chức môi giới và diễn biến giá và giao dịch cổ phiếu DPM trên thị trường tới Ban lãnh đạo nhằm kịp thời nắm bắt, phản hồi thông tin cũng như có những thông tin phù hợp cho việc hoạch định chính sách, quản trị công ty.

### HOẠT ĐỘNG CÔNG BỐ THÔNG TIN, TRUYỀN THÔNG TÀI CHÍNH

Ngoài việc tuân thủ chặt chẽ các quy định của Nhà nước về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, cập nhật kịp thời các quy định, thông lệ về quản trị và công bố thông tin, PVFCO tiếp tục nỗ lực cải thiện chất lượng công bố thông tin tới nhà đầu tư, duy trì là một trong số ít các công ty niêm yết tiên phong trong việc thực hiện các ấn phẩm truyền thông chuyên biệt dành cho cổ đông và nhà đầu tư, tăng cường hợp tác với các ấn phẩm, trang tin đầu tư tài chính trong và ngoài nước.

Trong năm 2019, Bộ phận IR tiếp tục nỗ lực cải thiện chất lượng ấn phẩm chính là Báo cáo thường niên nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, chuyển tải thông tin súc tích, ngắn gọn và dễ hiểu tới cổ đông, đồng thời tiếp tục cải tiến hình thức thực hiện Bản tin Nhà đầu tư định kỳ hàng quý (Quý 3, Quý 4) theo tiêu chí ngắn gọn, cung cấp kịp thời những nội dung trọng yếu trong sản xuất kinh doanh và diễn biến thị trường phân bón, hóa chất tới nhà đầu tư và các tổ chức môi giới. Bản tin (song ngữ Anh - Việt) được gửi

qua email trực tiếp tới các nhóm cổ đông tổ chức trong và ngoài nước, các tổ chức môi giới và phiên bản online được đăng tải công khai trên website của Tổng công ty, chuyên mục Quan hệ Nhà đầu tư. Đây cũng là ấn phẩm được sử dụng trong các cuộc tiếp xúc thường kỳ với nhà đầu tư. Ngoài ấn phẩm Bản tin nhà đầu tư, nội dung thuyết trình giới thiệu DPM tới nhà đầu tư và môi giới cũng được cập nhật thường xuyên định kỳ hàng tháng/quý.

Về hoạt động hợp tác với nhóm báo kinh tế - tài chính, Tổ IR cùng các Ban chức năng cũng tiếp tục phối hợp, cộng tác với các báo và tạp chí chuyên ngành đầu tư tài chính như Bloomberg, CafeF, Vietstock,... để đăng tải cập nhật các thông tin về kết quả hoạt động nổi bật, góp phần quảng bá thương hiệu của Tổng công ty.

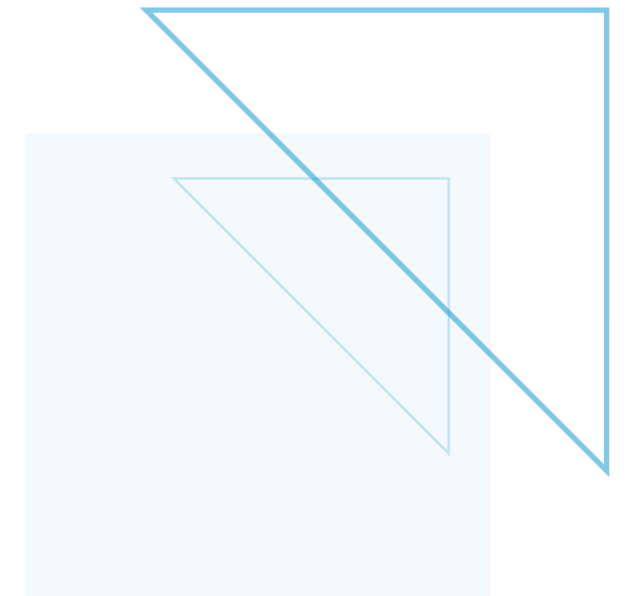
Trong năm 2019, với những nỗ lực trong quản trị, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và công tác IR, cổ phiếu DPM tiếp tục nhận được sự ủng hộ, tin tưởng từ cộng đồng nhà đầu tư, tiếp tục nằm trong rổ CPVN30, đạt thanh khoản tốt, duy trì cơ cấu cổ đông ổn định trong giai đoạn thị trường trải qua nhiều biến động, đặc biệt là trong giai đoạn nhà đầu tư tổ chức nước ngoài rút vốn khỏi thị trường. Trong năm 2019, DPM được bình chọn trong TOP 3 doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa vừa có hoạt động IR được cộng đồng nhà đầu tư yêu thích nhất, đồng thời được vinh danh trong TOP 5 doanh nghiệp niêm yết nhóm vốn hóa lớn đạt giải Quản trị công ty tốt nhất. PVFCO cũng được Tạp chí Forbes Việt Nam bình chọn trong TOP 50 công ty niêm yết tốt nhất.



# CHƯƠNG 5

## **BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG**

|  |     |
|--|-----|
| Báo cáo tổng quan về phát triển bền vững                   | 92  |
| Báo cáo về công tác an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường | 100 |
| Báo cáo về hoạt động trách nhiệm xã hội năm 2019           | 105 |



## BÁO CÁO TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Phát triển bền vững là một hình thái phát triển trong đó nguồn lực được con người khai thác và sử dụng nhằm phục vụ nhu cầu của nhân loại song song với việc bảo vệ môi trường, nhờ đó những nhu cầu này không chỉ được đáp ứng ở hiện tại mà còn trong tương lai.

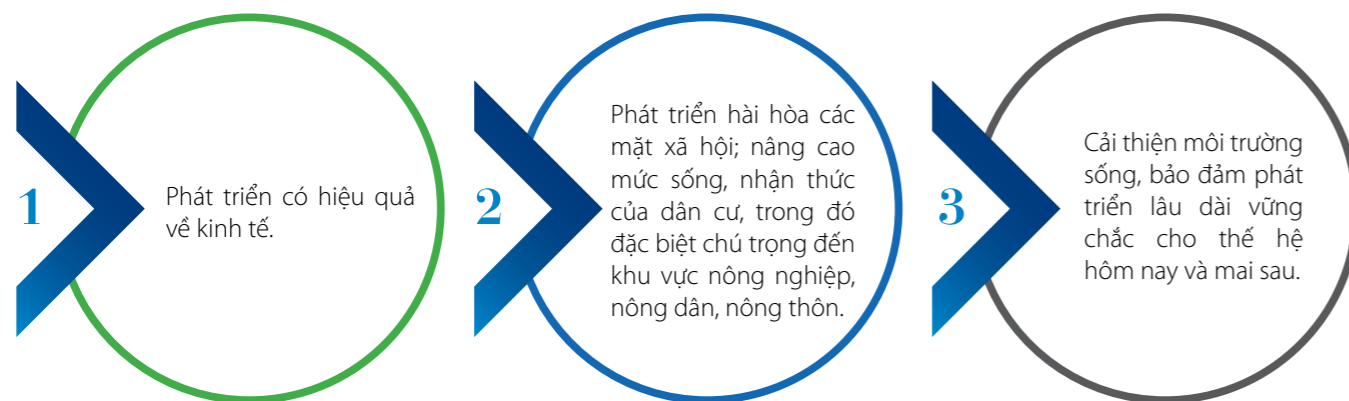
(Theo định nghĩa của Ủy ban Brundtland của Liên Hợp Quốc ngày 20 tháng 3 năm 1987).

### TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CÁC MỤC TIÊU, NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA PVFCCO

Phát triển bền vững hướng đến sự kết hợp chặt chẽ, hợp lý, hài hòa giữa ba mặt của sự phát triển: Phát triển kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Trong hai thập kỷ qua, trên bình diện quốc tế, vấn đề phát triển bền vững ngày càng được đặc biệt quan tâm, trở thành yêu cầu phát triển của toàn cầu. Phát triển bền vững là xu thế chung mà toàn nhân loại đang nỗ lực hướng tới. Đó cũng là mục tiêu chiến lược quan trọng, là chủ trương đường lối, chính sách, quan điểm mà Đảng, Chính phủ và Nhân dân Việt Nam quyết tâm thực hiện.

Tổng công ty là một doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực phân bón và hóa chất, gắn liền với nông nghiệp, nông dân, nông thôn Việt Nam (khu vực chiếm đến gần 70% dân số cả nước). Trong chiến lược phát triển của mình, Tổng công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững là quan điểm, nguyên tắc và giá trị cốt lõi của doanh nghiệp. Trong chặng đường phát triển 14 năm qua, triết lý kinh doanh "phát triển doanh nghiệp đi đôi với bảo vệ môi trường và thực hiện trách nhiệm xã hội" đã được các thể hệ người lao động Tổng công ty gìn giữ và phát triển như một tài sản, một nét đẹp văn hóa của doanh nghiệp.

Tổng công ty luôn đảm bảo cân bằng và tối ưu việc thực hiện đồng thời các mục tiêu:



Tổng giám đốc Tổng công ty là người cao nhất chịu trách nhiệm triển khai các chính sách/vấn đề về môi trường trong Tổng công ty.



Xuất phát từ mục tiêu trên, Tổng công ty đã, đang và sẽ tiếp tục triển khai các hành động để đạt được mục tiêu phát triển bền vững, góp phần chung tay cùng xã hội thực hiện thành công định hướng chiến lược phát triển bền vững của Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung. Những nguyên tắc và hoạt động cụ thể trong thời gian qua Tổng công ty đã triển khai là:



#### Đối với Nhân viên

Xây dựng văn hóa PVFCCo "Chuyên nghiệp - Hiệu quả; Năng động - Sáng tạo; Khát vọng - Vươn xa; và Trách nhiệm - Sẻ chia" thông qua việc tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, xây dựng chính sách nhân viên phù hợp, đồng thời cũng là nơi mà nhân viên được xã hội tôn trọng thông qua đào tạo và đổi mới. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

KINH PHÍ  
ĐÀO TẠO  
**5,36**  
TỶ ĐỒNG

- Đầu tư hệ thống nhà xưởng sản xuất, văn phòng làm việc được thiết kế hợp lý, thông thoáng, đảm bảo đủ ánh sáng và không khí, giúp hạn chế tối đa năng lượng dùng cho chiếu sáng, điều hòa nhiệt độ mà vẫn đảm bảo tốt điều kiện làm việc cho người lao động.
- Tổng công ty đã hoàn thiện và triển khai áp dụng dự án KPI và cải tiến chính sách tiền lương, xây dựng bộ từ điển năng lực, khung năng lực tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp, công bằng. Bên cạnh đó, Tổng công ty luôn cập nhật, cải tiến hệ thống chính sách nhân viên nhằm đáp ứng một cách tốt nhất điều kiện làm việc, chế độ chính sách, và cơ hội thăng tiến cho người lao động.
- Xây dựng kế hoạch thực hiện và chủ động triển khai công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực cho công ty mẹ, đạt được kết quả trong năm 2019 như sau: Thực hiện được 144 khóa đào tạo cho 5.486 lượt cán bộ, công nhân viên, với kinh phí 5,36 tỷ đồng. Công tác đào tạo năm 2019 đã đạt kế hoạch đề ra, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cũng như đáp ứng nhu cầu và chiến lược đào tạo, phát triển nguồn nhân lực của Tổng công ty.
- Xây dựng Văn hóa Doanh nghiệp: Tổng công ty đã ban hành Sổ tay Văn hóa PVFCCo từ năm 2011, với các hệ giá trị PVFCCo cùng các chuẩn mực ứng xử và các quy định cụ thể về chuẩn mực ứng xử áp dụng với toàn thể cán bộ nhân viên trong Tổng công ty. Nội dung của Sổ tay văn hóa PVFCCo được phổ biến tới toàn thể cán bộ nhân viên và được đăng tải trên website của Tổng công ty.



## BÁO CÁO TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



### Đối với khách hàng

Cung cấp sản phẩm đảm bảo chất lượng, giải pháp sử dụng hiệu quả, và dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Cụ thể, những nội dung PVFCCo đã, đang triển khai và kết quả đạt được:



- › Chất lượng sản phẩm tốt là yếu tố luôn được PVFCCo đặt lên hàng đầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Các sản phẩm phân bón Phú Mỹ và các sản phẩm phân bón, hóa chất tự doanh khác mà Tổng công ty cung cấp cho khách hàng luôn đảm bảo chất lượng theo tiêu chuẩn đăng ký.
- › Nhằm giúp nhà nông sử dụng ít phân bón hơn nhưng vẫn tăng năng suất cây trồng, PVFCCo đã cùng với chính quyền địa phương và các nhà khoa học thường xuyên tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo, hướng dẫn kỹ thuật canh tác, tổ chức các vườn thực nghiệm, thử nghiệm mẫu.
- › Tiếp tục duy trì có hiệu quả hệ thống kho cảng, logistic trên cả nước nhằm cung cấp sản phẩm đến tay bà con nông dân đảm bảo chất lượng, kịp thời và giá cả hợp lý.



### Đối với cổ đông

#### CHỈ TIÊU LỢI NHUẬN ĐẠT

# 467

TỶ ĐỒNG

Cao gấp 2,3 lần kế hoạch ĐHCĐ giao

Tổng công ty luôn phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tối đa hóa giá trị doanh nghiệp. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được trong năm 2019 như sau:

- › Tổng công ty đã thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD, đặc biệt chỉ tiêu lợi nhuận đạt 467 tỷ đồng, cao gấp 2,3 lần kế hoạch được ĐHCĐ giao.
- › Nhằm quản lý, phân bổ và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực, Tổng công ty triển khai áp dụng công nghệ thông tin, phần mềm hỗ trợ, chương trình quản lý tiên tiến trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp, như quản lý hệ thống văn bản điện tử, xây dựng và áp dụng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp - ERP, STOP, 5S, APC, System 1, RBI, KPI,...
- › Hoạt động sáng kiến cải tiến và hợp lý hóa sản xuất kinh doanh luôn được Ban Lãnh đạo Tổng công ty quan tâm và chỉ đạo sát sao. Trong năm 2019, có 123 sáng kiến cải tiến được công nhận. Các sáng kiến cải tiến năm 2019 đã làm lợi cho Tổng công ty số tiền có thể lượng hóa là 19,39 tỷ đồng và các giá trị làm lợi khác không lượng hóa được.
- › Hoạt động khoa học công nghệ được Tổng công ty tập trung triển khai với kết quả trong năm 2019 là thực hiện 07 đề tài, xét chọn 01 đề tài và thực hiện 07 hoạt động hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ với kinh phí thực hiện hơn 6,48 tỷ đồng, qua đó góp phần tối ưu hoạt động sản xuất kinh doanh, cải tiến chất lượng sản phẩm, tạo tiền đề cho các dự án đầu tư phát triển và đa dạng hóa sản phẩm của Tổng công ty.
- › Triển khai chương trình hành động thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2019, Tổng công ty đã tiết kiệm được 129,309 tỷ đồng (đạt 332% kế hoạch).



# BÁO CÁO TỔNG QUAN VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



## Đối với Chính phủ

Tổng công ty luôn đảm bảo hoạt động kinh doanh lành mạnh và tuân thủ pháp luật. Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được:

- › Tổng giá trị nộp ngân sách Nhà nước năm 2019 là 170 tỷ đồng, đạt 83 % kế hoạch năm.



## Đối với đối tác kinh doanh

Trong quan hệ với các đối tác kinh doanh, Tổng công ty luôn giữ nguyên tắc:

Cạnh tranh lành mạnh, hợp tác cùng có lợi và đảm bảo hài hòa lợi ích cho khách hàng.

- › Song song với việc đảm bảo hoạt động an toàn, ổn định, hiệu quả và tiết kiệm của Nhà máy đạm Phú Mỹ, Tổng công ty đã cung cấp đội ngũ chuyên gia, công nhân lành nghề hỗ trợ cho công tác sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành các Nhà máy Đạm Cà Mau, Đạm Ninh Bình, Nhà máy Lọc dầu Nghi Sơn, Nhà máy Xơ sợi Đình Vũ - những dự án quan trọng của đất nước.



## Đối với cộng đồng và xã hội

- › Tổng công ty luôn cam kết thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội.
- › Bên cạnh việc phát triển hiệu quả, bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, Tổng công ty luôn quan tâm và thực hiện đầy đủ trách nhiệm của mình đối với người lao động và đối với xã hội thông qua nhiều hoạt động an sinh xã hội.



## Đối với môi trường và các vấn đề toàn cầu

Tổng công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu (giảm phát thải khí nhà kính, biến đổi khí hậu, nước biển dâng,...).

Tổng công ty tin tưởng rằng, phát triển bền vững sẽ đạt hiệu quả tốt nhất khi nó được xem là phương châm hành động của doanh nghiệp, đồng thời phải gắn liền với kế hoạch và quyết định kinh doanh của doanh nghiệp. Với quan điểm và phương châm hành động này, Tổng công ty tin tưởng sẽ vượt qua khó khăn thách thức trong chặng đường xây dựng và phát triển doanh nghiệp trường tồn, gìn giữ môi trường và thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.



Cụ thể, những nội dung Tổng công ty đã, đang triển khai và kết quả đạt được tới nay:

- › Từ khi đưa vào vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ đến nay, Tổng công ty luôn duy trì áp dụng các chương trình quản lý an toàn công nghệ, chương trình bảo trì, bảo dưỡng thiết bị theo các nước tiên tiến trên thế giới nhằm giữ ổn định vận hành thiết bị công nghệ, giảm thiểu tiêu hao năng lượng, giảm phát thải khí CO<sub>2</sub> thải ra bên ngoài.
- › Đối với các dự án mới, Tổng công ty chỉ sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm, nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào, đặc biệt là khí tự nhiên, đồng thời hạn chế tối đa lượng khí CO<sub>2</sub> phát thải.
- › Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động SXKD. Áp dụng và duy trì có hiệu quả Hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường - Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001 : 2015, OHSAS 18001 : 2007, ISO 14001 : 2015 và ISO 50001 : 2011.

## BÁO CÁO VỀ CÔNG TÁC AN TOÀN, SỨC KHỎE VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*Công tác An toàn, sức khỏe, môi trường (ATSKMT) trong sản xuất kinh doanh luôn được Tổng công ty quan tâm hàng đầu. Là đơn vị hoạt động sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực phân bón và các loại hóa chất tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, Tổng công ty xác định việc loại trừ hoặc giảm thiểu các rủi ro gây tác hại đối với sức khỏe và tính mạng con người, gây thiệt hại tài sản hoặc môi trường là trách nhiệm cao nhất.*

Hàng năm, công tác ATSKMT của Tổng công ty liên tục được đổi mới với nhiều cải tiến về nội dung, phương thức thực hiện và hiệu quả hoạt động. Công tác ATSKMT đã phát huy vai trò tích cực trong phòng ngừa tai nạn, sự cố và đóng góp rất lớn cho việc hoàn thành các chỉ tiêu hoạt động, sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Với các thành tích đã đạt được, kể từ khi thành lập đến nay, Tổng công ty luôn tự hào là doanh nghiệp tiên phong trong công tác an toàn - sức khỏe và bảo vệ môi trường của ngành Dầu khí Việt Nam. Điều này đã giúp cho Tổng công ty có được sự phát triển bền vững và góp phần đảm bảo môi trường an toàn cho cộng đồng và xã hội.

Năm 2019, Tổng công ty đã đạt được những kết quả đáng kể trong công tác ATSKMT được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như các Cơ quan ban ngành ghi nhận và đánh giá cao.

### DUY TRÌ VÀ CẢI TIẾN HỆ THỐNG QUẢN LÝ ATSKMT THEO CÁC TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ

- Hệ thống quản lý ATSKMT được duy trì với hiệu lực cao theo các tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015 và OHSAS 18001:2007. Hệ thống quản lý ATSKMT của Tổng công ty được tổ chức đánh giá chứng nhận DNV cấp Chứng chỉ.
- Năm 2019, tất cả các đơn vị trong Tổng công ty đều thiết lập và triển khai thực hiện các Mục tiêu ATSKMT trên cơ sở Chính sách ATSKMT, phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh và tình hình thực tế của đơn vị. Hàng quý, các kết quả thực hiện mục tiêu ATSKMT đều được xem xét và đánh giá mức độ hoàn thành, đưa ra biện pháp khắc phục đối với những mục tiêu chưa hoàn thành đúng tiến độ.
- Bộ máy quản lý công tác ATSKMT tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên vẫn được duy trì tốt và phát huy hiệu quả hoạt động trong năm 2019. Ngoài các bộ phận chuyên trách về ATSKMT tại Tổng công ty như Ban ATSKMT và Phòng An toàn và Bảo vệ Nhà máy đạm Phú Mỹ, tại Tổng công ty và các công ty vùng miền còn thiết lập mạng lưới An toàn - vệ sinh viên, đây là lực lượng hỗ trợ đắc lực trong công tác đảm bảo an toàn và bảo vệ môi trường.
- Công tác đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý ATSKMT, công tác kiểm tra ATSKMT được lập kế hoạch và thực hiện đầy đủ theo quy định. Ngoài ra, năm 2019, Tổng công ty còn tiến hành thêm các đợt kiểm tra chuyên đề như kiểm tra tuân thủ quy trình ATSKMT tại Xưởng NPK, kiểm tra công tác phòng chống bão lũ tại các kho vùng miền,... Kết quả các đợt kiểm tra đều được xem xét và đánh giá để từ đó đưa ra các hành động khắc phục phòng ngừa nhằm đảm bảo tính sẵn sàng trong công tác ATSKMT.



### CÔNG TÁC ĐẢM BẢO AN TOÀN - AN NINH, PCCC, ỨNG CỨU TÌNH HUỐNG KHẨN CẤP (ỨCTHKC)

Năm 2019, Tổng công ty đã đảm bảo an toàn trong hoạt động vận hành, sản xuất, không để xảy ra tai nạn lao động cũng như sự cố cháy nổ tại Nhà máy đạm Phú Mỹ và các kho cảng thuộc Tổng công ty. Các hoạt động đảm bảo An toàn - An ninh, PCCC và ỨCTHKC nổi bật trong năm 2019 bao gồm:

- Năm 2019, Tổng công ty không để xảy ra tai nạn lao động, sự cố cháy nổ nào nghiêm trọng gây thiệt hại về con người và tài sản.
- Tiếp tục triển khai xây dựng Hệ thống quản lý an toàn công nghệ và bộ chỉ số an toàn công nghệ (PSM&PSI) nhằm tăng cường đảm bảo an toàn vận hành của Nhà máy.
- Trong công tác kiểm định kỹ thuật: 100% các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn được thực hiện kiểm định, từ đó góp phần giảm thiểu các nguy cơ rủi ro gây ra hư hỏng thiết bị và tai nạn sự cố.
- Công tác kiểm tra, giám sát việc rò rỉ khí cháy nổ tại Nhà máy đạm Phú Mỹ đã được tăng cường thực hiện, góp phần làm giảm thiểu số sự cố cháy nổ do rò rỉ khí.
- Tiếp tục duy trì áp dụng các Chương trình quản lý An toàn Công nghệ như: Chương trình RBI (Quản lý kiểm soát rủi ro hư hỏng thiết bị), SYSTEM 1 (Theo dõi tình trạng các thiết bị động quan trọng, thu thập dữ liệu phục vụ phân tích tìm nguyên nhân hư hỏng), Hệ thống quản lý tích hợp thiết bị tính AIMS (Asset integrity management system), Chương trình đảm bảo tính toàn vẹn của thiết bị CMMS (Quản lý công tác bảo dưỡng sửa chữa, quản lý vật tư phục vụ bảo dưỡng sửa chữa,...) để đảm bảo an toàn trong vận hành của Nhà máy đạm Phú Mỹ.
- Trong công tác ỨCTHKC: Ngày 17/4/2019 Tổng công ty đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-PBHC về việc Kiện toàn Ban chỉ đạo ỨCTHKC và Tổ giúp việc BCD ỨCTHKC của Tổng công ty. Ngoài ra, Nhà máy đạm Phú Mỹ cũng thành lập Ban Chỉ huy ỨCTHKC của nhà máy.
- Kiện toàn Đội PCCC và cứu nạn cứu hộ cơ sở tại VP Tổng công ty gồm 25 người và đội PCCC và cứu nạn cứu hộ chuyên trách tại Nhà máy đạm Phú Mỹ gồm 27 người. Công tác huấn luyện PCCC được thực hiện đầy đủ cho các thành viên đội PCCC cơ sở của khối VP Tổng công ty và tại Nhà máy đạm Phú Mỹ, tại VP Tổng công ty số lượng được đạo tạo và cấp chứng chỉ huấn luyện là: 25 người, và tại Nhà máy đạm Phú Mỹ là: 31 người.
- Năm 2019, Tổng công ty đã tổ chức được 11 đợt diễn tập PCCC và hoàn thiện công tác phòng cháy chữa cháy tại Nhà máy đạm Phú Mỹ và các đơn vị đảm bảo tuân thủ đầy đủ các yêu cầu pháp luật.



- Đối với diễn tập ứng phó sự cố hóa chất, định kỳ hàng năm Nhà máy đạm Phú Mỹ đều tổ chức diễn tập ít nhất 1 lần theo các Phương án đã được phê duyệt trong Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất đã được Bộ Công thương phê duyệt. Cụ thể, tháng 6/2019 đã tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất tại Xưởng NPK.
- Tháng 11/2019 tổ chức Hội thao PCCC nội bộ tại Nhà máy đạm Phú Mỹ. Tại VP Tổng công ty cũng như các đơn vị thành viên định kỳ hàng năm tổ chức diễn tập PCCC và cứu nạn thoát hiểm với sự tham gia của lực lượng chức năng địa phương nhằm nâng cao tính sẵn sàng ứng cứu của lực lượng ứng cứu tại chỗ và ý thức an toàn của CBCNV.
- Tăng cường công tác an ninh, an toàn và phòng chống cháy nổ trong các dịp lễ tết.
- Tổ chức các hoạt động: Tháng hành động về ATVSLĐ năm 2019 (từ 1-31/5/2019). Hưởng ứng Tuần lễ quốc gia phòng chống thiên tai (trong tháng 5/2019).
- Phối hợp tổ chức lớp tuyên truyền PCCC, CNCH và thực tập ống trượt thoát hiểm tại toàn nhà VP Tổng công ty cho CBCNV khối VP Tổng công ty ngày 31/5/2019.
- Duy trì tốt chương trình 5S và STOP tại Nhà máy đạm Phú Mỹ và các đơn vị.
- Chi phí cho hoạt động An toàn - PCCC năm 2019 (bao gồm: Phí bảo hiểm rủi ro cháy nổ, diễn tập, huấn luyện, tuyên truyền, mua sắm và bảo trì các thiết bị an toàn PCCC,...) năm 2019 là 37 tỷ đồng.

## HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC SỨC KHỎE NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGĂN NGỪA BỆNH NGHỀ NGHIỆP

Năm 2019, Tổng công ty đã hoàn thành tốt các công tác chăm sóc sức khỏe người lao động. Các kết quả đã đạt được bao gồm:

- ▶ Tiếp tục áp dụng chương trình bảo hiểm PVI Care cho người lao động nhằm có được sự đảm bảo về tài chính trong trường hợp phải khám chữa bệnh và nằm viện.
- ▶ 100% các đơn vị tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo đúng yêu cầu của luật định. Người lao động được phân loại sức khỏe và tư vấn khám chuyên sâu khi cần.
- ▶ Năm 2019, Nhà máy đạm Phú Mỹ vẫn tiếp tục tổ chức khám phát hiện bệnh nghề nghiệp, khám sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường lao động nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm. Thực hiện công tác giám định y khoa và bảo hiểm xã hội cho người lao động bị bệnh nghề nghiệp. Đồng thời, Nhà máy đã tăng cường thực hiện nhiều biện pháp nhằm khắc phục và phòng ngừa nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động làm việc trong môi trường có độ ồn cao.



- ▶ Thực hiện giám sát môi trường lao động và công tác bảo hộ lao động hiệu quả, nhằm đảm bảo sức khỏe cho người lao động và ngăn ngừa bệnh nghề nghiệp.
- ▶ Đảm bảo Vệ sinh an toàn thực phẩm tại các bếp ăn tập thể. Tổ chức và cung cấp các bữa ăn đảm bảo dinh dưỡng và vệ sinh an toàn thực phẩm bằng cách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc thực phẩm sử dụng bắt buộc phải có xuất xứ rõ ràng và được cung cấp từ những đơn vị có uy tín.



## CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ KIỂM SOÁT CHẤT THẢI

Cam kết giữ gìn và bảo vệ môi trường là một trong những cam kết được Tổng công ty xây dựng trong hoạt động sản xuất và kinh doanh. Để thực hiện cam kết đó, trong năm 2019 Tổng công ty đã hoàn thành nhiều nhiệm vụ nhằm tuân thủ các yêu cầu của pháp luật và bảo vệ môi trường:

- ▶ Năm 2019 không để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường, không có vi phạm pháp luật về môi trường trong các đợt thanh kiểm tra.
- ▶ Hoàn thành Xác nhận hoàn thành ĐTM cho Dự án NH<sub>3</sub> và phân xương NPK có sự phê duyệt của Bộ TNMT.
- ▶ Duy trì áp dụng hiệu quả hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015.
- ▶ Đang triển khai công tác lắp đặt hệ thống quan trắc tự động liên tục truyền tín hiệu về Sở TNMT của nước làm mát. Hoàn thành trong năm 2020.
- ▶ Cập nhật và đánh giá tuân thủ pháp luật về môi trường đối với các Nghị định, Thông tư mới ban hành trong năm 2019.
- ▶ Thực hiện đầy đủ công tác giám sát môi trường định kỳ tại tất cả các kho công trình của Tổng công ty. Các chỉ tiêu giám sát đều đạt QCVN.
- ▶ Thực hiện đầy đủ theo dõi, chuyển giao và báo cáo chất thải nguy hại theo đúng yêu cầu pháp luật.

- ▶ Khai báo công tác môi trường trên cơ sở dữ liệu môi trường ngành công thương. Cung cấp thông tin về công tác quản lý môi trường cho các cơ quan chức năng.
- ▶ Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Chiến dịch Giờ Trái đất năm 2019, tháng hành động vì môi trường hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới 05/6/2019.
- ▶ Một số kết quả hoạt động môi trường năm 2019 cho hoạt động sản xuất và kinh doanh tại PVFCCo được ghi nhận như sau:



• **Quản lý nguồn nguyên liệu năm 2019:**  
Tổng lượng khí thiên nhiên sử dụng để sản xuất: 387,34 triệu Nm<sup>3</sup>.



• **Tiêu thụ năng lượng năm 2019:**  
Năng lượng điện tiêu thụ cho sản xuất: 134.638.819 KWH  
Tổng lượng dầu FO : 1,22 tấn  
Tổng lượng dầu DO : 122,97 tấn



• **Tiêu thụ nước năm 2019:** 17.215.453 m<sup>3</sup>

Nguồn cung cấp nước: Nước thủy cục cho sinh hoạt và sản xuất, nước ngầm, nước sông dùng để làm mát thiết bị.

### Thống kê đánh giá, tình hình quản lý chất thải

| STT | Loại chất thải            | ĐVT                 | Lượng phát thải | Lượng xử lý | Mức độ xử lý (Tốt/Bình thường/Chưa tốt) |
|-----|---------------------------|---------------------|-----------------|-------------|---|
| 1   | Nước thải sản xuất        | m <sup>3</sup> /năm | 129.198         | 129.198     | Tốt                                     |
| 2   | Nước thải sinh hoạt       | m <sup>3</sup> /năm | 10.158          | 10.158      | Tốt                                     |
| 3   | Nước làm mát              | m <sup>3</sup> /năm | 24.375.744      | 24.375.744  | Tốt                                     |
| 4   | Khí thải                  | m <sup>3</sup> /h   | 1.379.060       | 1.379.060   | Tốt                                     |
| 5   | Chất thải rắn sinh hoạt   | Tấn/năm             | 124,25          | 124,25      | Tốt                                     |
| 6   | Chất thải rắn công nghiệp | Tấn/năm             | 386,96          | 386,96      | Tốt                                     |
| 7   | Chất thải nguy hại        | Tấn/năm             | 64,06           | 64,05       | Tốt                                     |

### XÂY DỰNG VĂN HÓA AN TOÀN, SỨC KHỎE, MÔI TRƯỜNG

Xây dựng văn hóa an toàn, sức khỏe, môi trường là một hoạt động thường xuyên nhằm nâng cao ý thức tuân thủ cho CBCNV. Năm 2019, Tổng công ty đã tổ chức nhiều hoạt động thiết thực như:

- Tuyên truyền trong tuần lễ an toàn vệ sinh lao động, ngày môi trường thế giới, giờ trái đất, ngày toàn dân phòng cháy chữa cháy, giúp nâng cao nhận thức của cán bộ công nhân viên về tuân thủ yêu cầu pháp luật về an toàn - phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường và sức khỏe người lao động.
- Tổ chức cuộc thi an toàn - Vệ sinh viên giỏi cấp Tổng công ty và tham gia cuộc thi an toàn - vệ sinh viên giỏi của Công đoàn ngành dầu khí Việt Nam nhằm nâng cao kiến thức về an toàn - sức khỏe - môi trường.
- Tổ chức Hội thảo về môi trường nhằm củng cố kiến thức về bảo vệ môi trường cho CBCNV.
- Áp dụng quy chế khen thưởng An toàn - Môi trường hàng quý nhằm khích lệ CBCNV tham gia tích cực vào công tác an toàn và bảo vệ môi trường.

### SỬ DỤNG HIỆU QUẢ TÀI NGUYÊN NƯỚC VÀ TIẾT KIỆM NĂNG LƯỢNG

- Năm 2019, Nhà máy đạm Phú Mỹ đã thiết lập mục tiêu tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả. Các kết quả thực hiện mục tiêu được theo dõi, xem xét và đánh giá.
- Nhiều giải pháp tiết kiệm năng lượng đã được Nhà máy đạm Phú Mỹ áp dụng. Kết quả thực hiện tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả năm 2019 đạt được gần 14 tỷ đồng. Các nhiên liệu tiết kiệm được bao gồm nhiên liệu khí CNG, nhiên liệu H<sub>2</sub> và điện năng.
- Thực hiện báo cáo kết quả thực hiện tiết kiệm và sử dụng năng lượng hiệu quả năm 2019 và xây dựng kế hoạch cho năm 2020 gửi về Sở Công thương Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Năm 2020, Nhà máy đạm Phú Mỹ tiếp tục duy trì công tác tiết kiệm năng lượng trong sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí quản lý, tìm kiếm cơ hội tiết kiệm năng lượng trong các dây chuyền sản xuất hiện hữu của các nhà máy.
- Tại khối Văn phòng Tổng công ty, mục tiêu tiết kiệm chi phí được đặt ra cho tất cả các phòng/ban. Kết quả thực hiện đều được theo dõi, xem xét và đánh giá mức độ hoàn thành KPI.
- Toàn thể CBCNV của Tổng công ty đều nâng cao ý thức tự giác trong việc sử dụng năng lượng một cách hiệu quả thông qua các hình thức tuyên truyền.

### NHIỆM VỤ CHÍNH CÔNG TÁC ATSKMT NĂM 2020

- Đảm bảo vận hành an toàn, hiệu quả Nhà máy đạm Phú Mỹ để hoàn thành Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của Tổng công ty.
- Vận hành chính thức dự án NH3-NPK đảm bảo an toàn, chất lượng và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật về CL-ATSKMT.
- Hoàn thành bảo dưỡng tổng thể Nhà máy đạm Phú Mỹ năm 2020 đúng kế hoạch và an toàn, hiệu quả.
- Rà soát, củng cố công tác quản lý chất lượng tại Tổng công ty nhằm kiểm soát chất lượng sản phẩm từ khâu sản xuất tại nhà máy đến vận chuyển tồn trữ tại các kho, đại lý vùng miền.
- Đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ tại tất cả các công trình của Tổng công ty. Không để xảy ra sự cố cháy nổ gây thiệt hại về người và tài sản của Tổng công ty. Không để xảy ra tai nạn lao động nặng trở lên tại tất cả các công trình của Tổng công ty.
- Không để xảy ra sự cố môi trường và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu pháp luật về bảo vệ môi trường.
- Duy trì điều kiện vệ sinh lao động, khám chữa bệnh định kỳ và bệnh nghề nghiệp cho CBCNV trong toàn Tổng công ty.
- Củng cố lực lượng ứng cứu khẩn cấp, nâng cao tính sẵn sàng ứng phó sự cố bão lũ nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản trong các cơn bão.

Những thành tích đã đạt được trong năm 2019 và những mục tiêu đặt ra cho năm 2020 đã khẳng định những nỗ lực không ngừng của Ban Lãnh đạo và tập thể cán bộ công nhân viên Tổng công ty trong công tác đảm bảo ATSKMT, củng cố thương hiệu và hình ảnh của Tổng công ty vì một tương lai an toàn và phát triển bền vững.



Trong tình hình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty không thuận lợi, nhưng trên tinh thần trách nhiệm sẽ chia sẻ và trực tiếp chăm lo cho bà con nông dân - khách hàng của Tổng công ty - ở các vùng khó khăn và huy động sự đóng góp nguồn lực từ CBCNV và hệ thống phân phối, Tổng công ty tiếp tục triển khai các chương trình an sinh xã hội, tập trung vào các hạng mục chính là hỗ trợ giáo dục, y tế và đền ơn đáp nghĩa.

Một chương trình tiêu biểu có sự chung tay của toàn hệ thống và mang nhiều ý nghĩa, đó là chương trình chạy bộ cộng đồng "Phu My Run" nhằm mục đích gây quỹ tặng quà Tết cho người nghèo. Theo đó, CBCNV, thành viên hệ thống phân phối sẽ tham gia chương trình chạy bộ do Công đoàn Tổng công ty tổ chức, vừa để rèn luyện sức khỏe, tăng cường tình đoàn kết, đồng thời với mỗi 1km hoàn thành, sẽ được quy đổi để gây quỹ để tặng quà Tết cho người nghèo. Năm 2019, đã có 1.240 vận động viên tham gia, tổng quãng đường chạy được 189.242 km hợp lệ, và số tiền 533.863.000 đồng được gây quỹ. Từ số tiền này, có 800 phần quà Tết được trao cho các hộ gia đình nông dân nghèo có hoàn cảnh khó khăn, hộ gia đình thuộc diện chính sách, thương bệnh binh, người có công với cách mạng tại các tỉnh Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Bình Định, Đắk Nông, Đồng Tháp, An Giang; và CBCNV tự tay gói 1.000 cái bánh chưng tặng cho người già neo đơn không nơi nương tựa, thương binh nặng và người có công trong dịp Tết cổ truyền.



# CHƯƠNG 6

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

|   |     |
|---|-----|
| Báo cáo của Ban Tổng giám đốc                 | 106 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập                     | 111 |
| Bảng cân đối kế toán hợp nhất                 | 113 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 116 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất           | 117 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất        | 119 |



**TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019**

**MỤC LỤC**

| NỘI DUNG                                      | TRANG |
|---|-------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC                 | 109   |
| BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP                     | 111   |
| BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT                 | 113   |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT | 116   |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT           | 117   |
| THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT        | 119   |

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

|                      |  |
|----------------------|--|
| Ông Nguyễn Tiến Vinh | Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)  |
| Ông Lê Cự Tân        | Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)<br>Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019) |
| Bà Nguyễn Thị Hiền   | Phó Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)  |
| Ông Đoàn Văn Nhuộm   | Thành viên (miễn nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)  |
| Ông Nguyễn Hồng Vinh | Thành viên   |
| Ông Lê Minh Hồng     | Thành viên (bổ nhiệm ngày 10 tháng 01 năm 2019)  |
| Ông Louis T.Nguyen   | Thành viên   |
| Ông Dương Trí Hội    | Thành viên (bổ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2019)   |

#### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

|                         |   |
|-------------------------|---|
| Ông Lê Cự Tân           | Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)      |
| Ông Đoàn Văn Nhuộm      | Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2019)    |
| Bà Trần Thị Phương Thảo | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Từ Cường            | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Cao Trung Kiên      | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2019)   |
| Ông Hoàng Việt Dũng     | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2019) |
| Ông Lê Văn Quốc Việt    | Phó Tổng Giám đốc                                       |
| Ông Dương Trí Hội       | Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2019) |
| Bà Lê Thị Thu Hương     | Phó Tổng Giám đốc                                       |

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- » Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- » Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- » Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lê Cự Tân**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 3 năm 2020  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 0720/VN1A-HN-BC

**KÍNH GỬI: CÁC CỔ ĐÔNG  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CÔNG TY CỔ PHẦN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2020, từ trang 113 đến trang 150, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



# BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Số: 0720/VN1A-HN-BC

## VẤN ĐỀ CẦN NHẤN MẠNH

Như trình bày tại Thuyết minh số 35 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có khoản công nợ tiềm tàng liên quan đến phần cam kết bảo lãnh đối với khoản vay vốn trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu Khí ("PVTEX") - Công ty liên kết của Tổng Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Đặng Chí Dũng**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0030-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 20 tháng 3 năm 2020  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Quỳnh Hoa**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0910-2018-001-1

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B01- DN/HN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN                                      | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                   | <b>100</b> |             | <b>5.943.854.074.804</b> | <b>5.172.046.948.960</b> |
| <b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b> | <b>110</b> | <b>4</b>    | <b>2.976.952.450.033</b> | <b>1.716.919.348.616</b> |
| 1. Tiền                                      | 111        |             | 349.278.804.046          | 293.934.821.687          |
| 2. Các khoản tương đương tiền                | 112        |             | 2.627.673.645.987        | 1.422.984.526.929        |
| <b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>         | <b>120</b> | <b>5</b>    | <b>1.035.000.000.000</b> | <b>955.000.000.000</b>   |
| 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn           | 123        |             | 1.035.000.000.000        | 955.000.000.000          |
| <b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>      | <b>130</b> |             | <b>289.371.734.319</b>   | <b>520.579.213.356</b>   |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng          | 131        | 6           | 239.163.840.466          | 422.514.452.443          |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn          | 132        | 7           | 37.348.595.546           | 78.790.739.261           |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                    | 136        | 8           | 250.709.558.469          | 252.514.839.051          |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi        | 137        | 9           | (238.285.341.239)        | (233.576.422.659)        |
| 5. Tài sản thiếu chờ xử lý                   | 139        |             | 435.081.077              | 335.605.260              |
| <b>IV. Hàng tồn kho</b>                      | <b>140</b> | <b>10</b>   | <b>1.350.638.678.171</b> | <b>1.662.663.084.855</b> |
| 1. Hàng tồn kho                              | 141        |             | 1.370.295.612.901        | 1.665.129.426.404        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho            | 149        |             | (19.656.934.730)         | (2.466.341.549)          |
| <b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>              | <b>150</b> |             | <b>291.891.212.281</b>   | <b>316.885.302.133</b>   |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn                | 151        | 11          | 29.727.375.587           | 53.472.993.772           |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ       | 152        |             | 257.326.042.539          | 258.031.179.931          |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước  | 153        | 19          | 4.837.794.155            | 5.381.128.430            |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B01- DN/HN

Đơn vị: VND

| TÀI SẢN  | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                      | <b>200</b> |             | <b>5.496.454.188.790</b>  | <b>5.962.209.859.178</b>  |
| <b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>           | <b>210</b> |             | <b>658.396.000</b>        | <b>858.374.000</b>        |
| 1. Phải thu dài hạn khác                       | 216        | 8           | 658.396.000               | 858.374.000               |
| <b>II. Tài sản cố định</b>                     | <b>220</b> |             | <b>4.790.657.948.234</b>  | <b>5.313.224.552.963</b>  |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                    | 221        | 12          | 3.932.312.724.389         | 4.453.310.092.927         |
| - Nguyên giá                                   | 222        |             | 11.629.420.833.126        | 11.653.882.170.846        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 223        |             | (7.697.108.108.737)       | (7.200.572.077.919)       |
| 2. Tài sản cố định vô hình                     | 227        | 13          | 858.345.223.845           | 859.914.460.036           |
| - Nguyên giá                                   | 228        |             | 1.152.277.537.593         | 1.139.091.383.947         |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 229        |             | (293.932.313.748)         | (279.176.923.911)         |
| <b>III. Bất động sản đầu tư</b>                | <b>230</b> | <b>14</b>   | <b>239.820.697.731</b>    | <b>250.383.262.298</b>    |
| - Nguyên giá                                   | 231        |             | 334.556.867.544           | 334.556.867.544           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                       | 232        |             | (94.736.169.813)          | (84.173.605.246)          |
| <b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>             | <b>240</b> |             | <b>145.846.801.849</b>    | <b>136.578.490.420</b>    |
| 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang             | 242        | 15          | 145.846.801.849           | 136.578.490.420           |
| <b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>             | <b>250</b> | <b>5</b>    | <b>45.369.527.464</b>     | <b>46.652.969.218</b>     |
| 1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết     | 252        |             | 26.973.857.965            | 28.388.260.482            |
| 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác              | 253        |             | 20.502.000.000            | 20.502.000.000            |
| 3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn           | 254        |             | (2.106.330.501)           | (2.237.291.264)           |
| <b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>                | <b>260</b> |             | <b>274.100.817.512</b>    | <b>214.512.210.279</b>    |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                   | 261        | 11          | 30.935.743.889            | 23.270.193.135            |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại              | 262        | 16          | 81.381.867.070            | 69.142.811.382            |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263        | 10          | 148.991.115.516           | 109.307.114.725           |
| 4. Tài sản dài hạn khác                        | 268        |             | 12.792.091.037            | 12.792.091.037            |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>     | <b>270</b> |             | <b>11.440.308.263.594</b> | <b>11.134.256.808.138</b> |

# BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Mẫu B01- DN/HN

Đơn vị: VND

| NGUỒN VỐN   | Mã số      | Thuyết minh | Số cuối năm               | Số đầu năm                |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>   | <b>300</b> |             | <b>3.278.872.819.011</b>  | <b>2.879.246.949.841</b>  |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>   | <b>310</b> |             | <b>2.060.713.280.767</b>  | <b>1.513.850.189.531</b>  |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                                | 311        | 17          | 478.565.168.169           | 415.701.704.589           |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                          | 312        | 18          | 80.837.106.240            | 68.643.918.032            |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                        | 313        | 19          | 66.288.625.026            | 23.253.103.532            |
| 4. Phải trả người lao động                                    | 314        |             | 137.134.034.081           | 113.798.450.304           |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                                  | 315        | 20          | 678.292.053.057           | 580.230.502.931           |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn                          | 318        |             | 18.181.819                | 118.761.819               |
| 7. Phải trả ngắn hạn khác                                     | 319        | 21          | 80.115.659.533            | 54.325.536.302            |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn                          | 320        | 23          | 177.270.899.255           | 201.978.485.702           |
| 9. Dự phòng phải trả ngắn hạn                                 | 321        | 22          | 312.648.007.246           | -                         |
| 10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                                 | 322        |             | 49.543.546.341            | 55.799.726.320            |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>   | <b>330</b> |             | <b>1.218.159.538.244</b>  | <b>1.365.396.760.310</b>  |
| 1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn                           | 336        |             | -                         | 167.880.274               |
| 2. Phải trả dài hạn khác                                      | 337        | 21          | 960.870.000               | 960.870.000               |
| 3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn                           | 338        | 23          | 1.063.625.393.987         | 1.031.870.914.209         |
| 4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả                            | 341        | 16          | 132.540.000.000           | 132.540.000.000           |
| 5. Dự phòng phải trả dài hạn                                  | 342        | 22          | -                         | 167.190.364.916           |
| 6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ                       | 343        |             | 21.033.274.257            | 32.666.730.911            |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                                      | <b>400</b> |             | <b>8.161.435.444.583</b>  | <b>8.255.009.858.297</b>  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                      | <b>410</b> | <b>24</b>   | <b>8.161.435.444.583</b>  | <b>8.255.009.858.297</b>  |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                                     | 411        |             | 3.914.000.000.000         | 3.914.000.000.000         |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết                      | 411a       |             | 3.914.000.000.000         | 3.914.000.000.000         |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần                                       | 412        |             | 21.179.913.858            | 21.179.913.858            |
| 3. Cổ phiếu quỹ   | 415        |             | (2.296.824.120)           | (2.296.824.120)           |
| 4. Quỹ đầu tư phát triển                                      | 418        |             | 3.497.039.984.859         | 3.497.039.984.859         |
| 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối                          | 421        |             | 566.144.654.027           | 657.268.539.966           |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a       |             | 228.248.570.458           | 50.282.517.164            |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay                   | 421b       |             | 337.896.083.569           | 606.986.022.802           |
| 6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát                            | 429        |             | 165.367.715.959           | 167.818.243.734           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>                      | <b>440</b> |             | <b>11.440.308.263.594</b> | <b>11.134.256.808.138</b> |

The image shows two handwritten signatures in blue ink. To the right is a red circular stamp with the following text: "M.S.D.N: 0303165480-C.T.C.P", "TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ CÔNG TY CỔ PHẦN", and "QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH".

Trần Xuân Thảo  
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương  
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

# BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu B02- DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Thuyết minh | Năm nay                  | Năm trước                |
|---|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ                                     | 01        |             | 7.757.075.543.739        | 9.395.359.665.641        |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu   | 02        |             | 73.534.335.681           | 98.248.115.232           |
| <b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>          | <b>10</b> | <b>27</b>   | <b>7.683.541.208.058</b> | <b>9.297.111.550.409</b> |
| 4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ                                       | 11        | 27          | 6.281.448.254.606        | 7.397.640.258.893        |
| <b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>            | <b>20</b> |             | <b>1.402.092.953.452</b> | <b>1.899.471.291.516</b> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính  | 21        | 29          | 140.013.425.496          | 123.658.446.036          |
| 7. Chi phí tài chính  | 22        | 30          | 107.636.556.757          | 73.797.994.363           |
| - Trong đó: Chi phí lãi vay   | 23        |             | 106.897.449.564          | 62.586.468.519           |
| 8. Phần lãi trong công ty liên kết  | 24        | 5           | 1.680.107.483            | 2.916.621.493            |
| 9. Chi phí bán hàng   | 25        | 31          | 554.758.002.570          | 612.322.153.525          |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp  | 26        | 31          | 415.339.815.960          | 485.710.294.387          |
| <b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))</b> | <b>30</b> |             | <b>466.052.111.144</b>   | <b>854.215.916.770</b>   |
| 12. Thu nhập khác   | 31        |             | 7.480.346.769            | 17.876.027.364           |
| 13. Chi phí khác  | 32        |             | 6.456.808.962            | 1.476.414.908            |
| <b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>  | <b>40</b> |             | <b>1.023.537.807</b>     | <b>16.399.612.456</b>    |
| <b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>                       | <b>50</b> |             | <b>467.075.648.951</b>   | <b>870.615.529.226</b>   |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành                              | 51        | 32          | 90.454.832.980           | 147.299.819.968          |
| 17. (Thu nhập)/Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại                    | 52        | 16          | (12.239.055.688)         | 10.841.508.544           |
| <b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>             | <b>60</b> |             | <b>388.859.871.659</b>   | <b>712.474.200.714</b>   |
| 18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ                           | 61        |             | 377.703.325.589          | 699.593.467.601          |
| 18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát                          | 62        |             | 11.156.546.070           | 12.880.733.113           |
| <b>19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>   | <b>70</b> | <b>33</b>   | <b>863</b>               | <b>1.455</b>             |

Trần Xuân Thảo  
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương  
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Mẫu B03- DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU   | Mã số     | Năm nay                  | Năm trước                |
|--|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>  |           |                          |                          |
| 1. Lợi nhuận trước thuế  | 01        | 467.075.648.951          | 870.615.529.226          |
| <b>2. Điều chỉnh cho các khoản:</b>  |           |                          |                          |
| Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư  | 02        | 561.879.123.157          | 519.256.652.582          |
| Các khoản dự phòng   | 03        | 167.226.193.328          | 36.967.616.014           |
| (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ      | 04        | (764.976.791)            | 8.093.479.053            |
| (Lãi) từ hoạt động đầu tư  | 05        | (137.907.172.131)        | (129.190.927.841)        |
| Chi phí lãi vay  | 06        | 106.897.449.564          | 62.586.468.519           |
| <b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>                        | <b>08</b> | <b>1.164.406.266.078</b> | <b>1.368.328.817.553</b> |
| Tăng, giảm các khoản phải thu  | 09        | 227.366.396.790          | (284.540.032.573)        |
| Tăng, giảm hàng tồn kho  | 10        | 255.149.812.712          | (433.702.859.916)        |
| Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11        | 283.021.492.395          | (6.824.219.476)          |
| Tăng, giảm chi phí trả trước   | 12        | 16.080.067.431           | (28.881.238.829)         |
| Tiền lãi vay đã trả  | 14        | (54.866.114.339)         | (95.538.767)             |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp  | 15        | (45.844.375.272)         | (144.064.079.451)        |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh   | 17        | (86.306.205.352)         | (89.165.406.558)         |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>   | <b>20</b> | <b>1.759.007.340.443</b> | <b>381.055.441.983</b>   |
| <b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>   |           |                          |                          |
| 1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                                 | 21        | (117.832.821.638)        | (890.564.913.641)        |
| 2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác                              | 22        | 2.828.702.473            | 5.320.554.728            |
| 3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác  | 23        | (1.720.000.000.000)      | (1.695.000.000.000)      |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác                                | 24        | 1.640.000.000.000        | 1.635.000.000.000        |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia   | 27        | 140.662.774.725          | 123.554.802.970          |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>   | <b>30</b> | <b>(54.341.344.440)</b>  | <b>(821.689.555.943)</b> |

# BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B03- DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị: VND

| CHỈ TIÊU  | Mã số     | Năm nay                  | Năm trước                |
|---|-----------|--------------------------|--------------------------|
| <b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>      |           |                          |                          |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                   | 33        | 124.208.464.716          | 611.619.415.388          |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay                                  | 34        | (166.966.798.373)        | (33.370.000.000)         |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu              | 36        | (401.886.060.700)        | (782.524.593.100)        |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>     | <b>40</b> | <b>(444.644.394.357)</b> | <b>(204.275.177.712)</b> |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</b>    | <b>50</b> | <b>1.260.021.601.646</b> | <b>(644.909.291.672)</b> |
| <b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>                 | <b>60</b> | <b>1.716.919.348.616</b> | <b>2.361.887.855.663</b> |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61        | 11.499.771               | (59.215.375)             |
| <b>Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)</b>  | <b>70</b> | <b>2.976.952.450.033</b> | <b>1.716.919.348.616</b> |



Trần Xuân Thảo  
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương  
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2020

# THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu B 09- DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

## 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

### Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần thứ 14 ngày 16 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2008 theo Nghị quyết số 01/NĐ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó Công ty mẹ - Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần được hình thành từ bộ máy các phòng chức năng của Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí, các Ban quản lý dự án và Nhà máy Đạm Phú Mỹ. Cổ phiếu của Tổng Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 05 tháng 11 năm 2007 với mã chứng khoán là DPM.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn" hoặc "PVN") nắm giữ 59,58% vốn điều lệ.

### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- » Sản xuất và kinh doanh phân đạm, amoniac lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hóa chất khác;
- » Cung cấp các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất khác có liên quan (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
- » Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- » Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- » Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- » Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- » Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, đường thủy nội địa, chế biến các sản phẩm dầu khí và khoáng sản;
- » Đào tạo nghề;
- » Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy; Bốc xếp hàng hóa cảng biển, sông;
- » Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển và lưu giữ hàng hóa.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh các loại phân bón sử dụng trong nông nghiệp.

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có 04 công ty con, 03 công ty liên kết, 01 chi nhánh, 01 Nhà máy và 01 Ban Quản lý. Cụ thể bao gồm:

- Nhà máy Đạm Phú Mỹ
- Chi nhánh Tổng Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh
- Ban Quản lý Dự án chuyên ngành Phân bón và Hóa chất Dầu khí

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, thông tin khái quát về các công ty con và công ty liên kết của Tổng Công ty như sau:

|  | Nơi thành lập và hoạt động | Tỷ lệ sở hữu (%) | Tỷ lệ quyền biểu quyết (%) | Hoạt động chính   | Mối quan hệ      |
|--|----------------------------|------------------|----------------------------|---|------------------|
| Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung  | Tỉnh Bình Định             | 75               | 75                         | Kinh doanh phân bón và hóa chất                               | Công ty con      |
| Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ  | TP. Cần Thơ                | 75               | 75                         | Kinh doanh phân bón và hóa chất                               | Công ty con      |
| Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ | TP. Hồ Chí Minh            | 75               | 75                         | Kinh doanh phân bón và hóa chất                               | Công ty con      |
| Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Bắc    | TP. Hà Nội                 | 75               | 75                         | Kinh doanh phân bón và hóa chất                               | Công ty con      |
| Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ                        | Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu     | 43,34            | 43,34                      | Sản xuất bao bì   | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí                | TP. Cần Thơ                | 35,63            | 35,63                      | Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp và cung cấp dịch vụ | Công ty liên kết |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí                | TP. Hải Phòng              | 25,99            | 25,99                      | Sản xuất và mua bán xơ sợi polyester                          | Công ty liên kết |

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất**

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở các công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính**

**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng tổn thất đầu tư. Dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp và các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền trừ giá xuất kho nguyên vật liệu được xác định theo phương pháp nhập trước, xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                        | Năm nay | Năm trước |
|------------------------|---------|-----------|
|                        | Số năm  | Số năm    |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 5 - 25  | 5 - 25    |
| Máy móc, thiết bị      | 3 - 15  | 3 - 6     |
| Phương tiện vận tải    | 6 - 10  | 6 - 10    |
| Thiết bị văn phòng     | 3 - 8   | 3 - 8     |
| Khác                   | 3 - 15  | 3         |

Đối với những tài sản cố định tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ mà việc sửa chữa có tính chu kỳ thì Tổng Công ty được trích trước chi phí sửa chữa theo dự toán vào chi phí hàng năm. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định lớn hơn số trích theo dự toán thì Tổng Công ty được tính thêm vào chi phí hợp lý số chênh lệch này. Nếu số thực chi sửa chữa tài sản cố định nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí kinh doanh trong năm. Chi phí sửa chữa trích trước được Tổng Công ty trình bày trên khoản “Dự phòng phải trả dài hạn”.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, bản quyền, bằng sáng chế, phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng, Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất vô thời hạn. Bản quyền, bằng sáng chế và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**Thuê hoạt động**

Các khoản thuê hoạt động của Tổng Công ty bao gồm thuê văn phòng và thuê đất. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

|                        | <b>Số năm</b> |
|------------------------|---------------|
| Quyền sử dụng đất      | 44 - 50       |
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 25            |

Tổng Công ty không trích khấu hao cho bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí bảo hiểm tài sản, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng, chi phí xúc tác chuyển hóa CO và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí bảo hiểm tài sản và chi phí xúc tác chuyển hóa CO được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn trên hợp đồng.

Tiền thuê đất và tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm chi phí dịch vụ hỗ trợ, chi phí sửa chữa nhà kho, văn phòng được coi là mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai. Các khoản chi phí trả trước này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo quy định hiện hành.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tổng Công ty. Quỹ được hình thành trên nhu cầu phát triển và đổi mới công nghệ của Tổng Công ty và được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, có kỳ hạn và lãi chênh lệch tỷ giá. Trong đó lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng; lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Theo hướng dẫn tại Công văn số 4360/DKVN-TCKT ngày 31 tháng 12 năm 2015 và Công văn số 3124/DKVN-TCKT ngày 13 tháng 5 năm 2015 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tổng Công ty áp dụng tỷ giá mua vào do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố để chuyển đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2019. Tỷ giá nêu trên có sự khác biệt so với tỷ giá quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp ("Thông tư 200"), tuy nhiên sự khác biệt này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tổng Công ty.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của thuế phải trả hiện tại và thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

|                                | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|--------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Tiền mặt                       | 1.204.191.307            | 1.546.353.008            |
| Tiền gửi không kỳ hạn          | 343.718.395.389          | 292.388.468.679          |
| Tiền đang chuyển               | 4.356.217.350            | -                        |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 2.627.673.645.987        | 1.422.984.526.929        |
|                                | <b>2.976.952.450.033</b> | <b>1.716.919.348.616</b> |

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: lãi suất từ 4,3%/năm đến 5,5%/năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng của Tổng Công ty tại Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương) có số dư hơn 284 tỷ đồng. Tại Công văn số 5351/2016/CV-OCEANBANK ngày 04 tháng 10 năm 2016 và Công văn số 60/2018/CV-OCEANBANK ngày 28 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương cam kết sẽ thực hiện việc chi trả tiền gửi của khách hàng theo lộ trình chi trả trong đề án tái cơ cấu ngân hàng đang trình Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ phê duyệt. Lãi tiền gửi đã được Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương chi trả từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 đến nay.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

|  | Số cuối năm       |                   | Số đầu năm      |                 |
|--|-------------------|-------------------|-----------------|-----------------|
|  | VND               | VND               | VND             | VND             |
|  | Giá gốc           | Giá trị ghi sổ    | Giá gốc         | Giá trị ghi sổ  |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn |                   |                   |                 |                 |
| Tiền gửi có kỳ hạn                       | 1.035.000.000.000 | 1.035.000.000.000 | 955.000.000.000 | 955.000.000.000 |

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 phản ánh các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và thời hạn thu hồi còn lại dưới 12 tháng kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính với lãi suất từ 5,7%/năm đến 7%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: lãi suất từ 5,1%/năm đến 7,1%/năm).



|   | Số cuối năm     |  | Số đầu năm      |  |
|---|-----------------|--|-----------------|--|
|   | VND             | VND  | VND             | VND  |
|   | <b>Giá gốc</b>  | <b>Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b> | <b>Giá gốc</b>  | <b>Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu</b> |
| Đầu tư vào Công ty liên kết               | 680.903.000.000 | 26.973.857.965                                 | 680.903.000.000 | 28.388.260.482                                 |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí | 100.000.000.000 | -  | 100.000.000.000 | -  |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí | 562.700.000.000 | -  | 562.700.000.000 | -  |
| Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ         | 18.203.000.000  | 26.973.857.965                                 | 18.203.000.000  | 28.388.260.482                                 |
|   |                 | 24.574.050.000                                 |                 | 26.758.116.000                                 |

|  | Số cuối năm    |                 | Số đầu năm     |                 |
|--|----------------|-----------------|----------------|-----------------|
|  | VND            | VND             | VND            | VND             |
|  | <b>Giá gốc</b> | <b>Dự phòng</b> | <b>Giá gốc</b> | <b>Dự phòng</b> |
| Đầu tư vào đơn vị khác (**)  | 20.502.000.000 | (2.106.330.501) | 20.502.000.000 | (2.237.291.264) |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin, Viễn thông và Tự động hóa Dầu khí | 3.600.000.000  | -               | 3.600.000.000  | -               |
| Công ty Cổ phần Chế biến Thủy sản Ut Xi                                | 16.902.000.000 | (2.106.330.501) | 16.902.000.000 | (2.237.291.264) |

Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cần được trình bày. Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ trên cơ sở giá niêm yết của cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng Công ty đang nắm giữ.

(\*) Đối với các khoản đầu tư còn lại, do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, đồng thời Tổng Công ty cũng không thể thu thập được các thông tin đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư, do đó giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa thể xác định được để trình bày trên phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

(\*\*) Giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đang được ước tính theo Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của các đơn vị này.

Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Tổng Công ty được trình bày như sau:

|   | Số cuối năm         |                     | Số đầu năm           |                      |
|---|---------------------|---------------------|----------------------|----------------------|
|   | VND                 | VND                 | VND                  | VND                  |
|   | <b>Tổng tài sản</b> | <b>Tổng công nợ</b> | <b>Tài sản thuần</b> | <b>Tổng tài sản</b>  |
|   | 5.114.155.930.490   | 8.331.957.562.272   | (3.217.801.631.782)  | 5.712.792.445.837    |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí | 85.954.614.293      | 270.212.925.918     | (184.258.311.625)    | 238.385.113.545      |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí | 4.808.281.168.340   | 7.904.061.594.170   | (3.095.780.425.830)  | 5.236.687.876.941    |
| Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ         | 219.920.147.857     | 157.683.042.184     | 62.237.105.673       | 237.719.455.351      |
|   |                     |                     |                      |                      |
|   |                     |                     |                      | <b>Tổng công nợ</b>  |
|   |                     |                     |                      | 8.263.999.711.257    |
|   |                     |                     |                      | <b>Tài sản thuần</b> |
|   |                     |                     |                      | (2.551.207.265.420)  |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí |                     |                     |                      | (128.498.894.120)    |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí |                     |                     |                      | (2.488.244.956.611)  |
| Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ         |                     |                     |                      | 65.536.585.311       |

|   | Năm nay                |                                     | Năm trước              |  |
|---|------------------------|-------------------------------------|------------------------|--|
|   | VND                    | VND                                 | VND                    | VND  |
|   | <b>Doanh thu thuần</b> | <b>Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN</b> | <b>Doanh thu thuần</b> | <b>Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế TNDN</b>        |
|   | 411.004.911.391        | (614.595.427.232)                   | 1.680.107.483          | 458.867.462.087                            |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí | -                      | (12.554.010.232)                    | -                      | 9.651.711.220                              |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí | 54.749.516.416         | (605.954.031.846)                   | -                      | 1.283.566.638                              |
| Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ         | 356.255.394.975        | 3.912.614.846                       | 1.680.107.483          | 447.932.184.229                            |
|   |                        |                                     |                        |  |
|   |                        |                                     |                        | <b>Lợi nhuận thuần từ Công ty liên kết</b> |
|   |                        |                                     |                        | 458.867.462.087                            |
|   |                        |                                     |                        | <b>Lợi nhuận/(Lỗ) từ Công ty liên kết</b>  |
|   |                        |                                     |                        | (606.771.489.493)                          |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí |                        |                                     |                        | (38.488.416.277)                           |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí |                        |                                     |                        | (576.963.703.109)                          |
| Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ         |                        |                                     |                        | 8.680.629.893                              |
|   |                        |                                     |                        |  |
|   |                        |                                     |                        | <b>Lợi nhuận thuần từ Công ty liên kết</b> |
|   |                        |                                     |                        | 2.916.621.493                              |

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

|  | Số cuối năm VND        | Số đầu năm VND         |
|--|------------------------|------------------------|
| Công ty TNHH VTNN Hưng Thạnh   | 42.925.490.000         | 46.198.059.813         |
| Doanh nghiệp Tư nhân Trần Thị Ngoan  | 20.608.721.250         | 14.124.179.800         |
| Công ty TNHH Thủy Minh Khoa  | 15.534.342.000         | 24.639.307.527         |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân                           | 10.577.850.000         | 51.703.740.760         |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất Đà Nẵng                               | -                      | 42.708.929.000         |
| Khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 36) | 32.081.132.932         | 16.683.137.795         |
| Các khách hàng khác  | 117.436.304.284        | 226.457.097.748        |
|  | <b>239.163.840.466</b> | <b>422.514.452.443</b> |

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

|   | Số cuối năm VND       | Số đầu năm VND        |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ngọc Lan                                 | 9.153.800.000         | 9.153.800.000         |
| Mitsubishi Corporation  | 4.695.047.820         | -                     |
| Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Phân bón Minh Tân                          | -                     | 29.220.000.000        |
| Người bán là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 36) | 7.651.003.417         | 22.760.917.417        |
| Ứng trước cho các nhà cung cấp khác                                       | 15.848.744.309        | 17.656.021.844        |
|   | <b>37.348.595.546</b> | <b>78.790.739.261</b> |

8. PHẢI THU KHÁC

|  | Số cuối năm VND        | Số đầu năm VND         |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>                                      |                        |                        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) | 110.143.267.289        | 110.143.267.289        |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (i)                      | 114.509.081.543        | 114.509.081.543        |
| Tạm ứng cho người lao động   | 551.929.757            | 348.238.860            |
| Trích lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn                                | 18.859.561.377         | 20.673.800.115         |
| Ký cược ký quỹ ngắn hạn  | 90.134.000             | 330.134.000            |
| Khác   | 6.555.584.503          | 6.510.317.244          |
|  | <b>250.709.558.469</b> | <b>252.514.839.051</b> |
| <b>Phải thu dài hạn khác</b>                                       |                        |                        |
| Ký cược, ký quỹ dài hạn  | 658.396.000            | 858.374.000            |
|  | <b>658.396.000</b>     | <b>858.374.000</b>     |

- (i) Số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí ("PVTEX") tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 thể hiện khoản thanh toán theo cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn ngắn và trung hạn của PVTEX. Nghĩa vụ thanh toán phát sinh do Tổng Công ty đã ký 02 cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn trung và dài hạn của PVTEX.

Theo các Biên bản thỏa thuận giữa PVN, PVTEX và Tổng Công ty, PVN sẽ chịu trách nhiệm thu hồi nợ gốc và lãi vay đối với các khoản bảo lãnh mà các bên đã trả thay PVTEX. Trong vòng 07 ngày kể từ ngày PVN thu được khoản tiền trả nợ từ PVTEX (bao gồm cả số tiền gốc thanh toán và lãi vay), PVN sẽ hoàn trả cho Tổng Công ty số tiền tính theo tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại PVTEX. Lãi suất nhận nợ được xác định bằng lãi suất không kỳ hạn do Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam công bố, thời gian tính lãi bắt đầu từ ngày Tổng Công ty trả tiền thực hiện bảo lãnh đối ứng cho PVN.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khả năng thu hồi khoản phải thu này là rất thấp do lỗ lũy kế của PVTEX đã vượt quá vốn chủ sở hữu, và PVTEX không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Vì vậy, để đảm bảo thận trọng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định trích lập dự phòng gần như toàn bộ khoản phải thu PVTEX phát sinh từ năm 2017 trở về trước tổng số tiền khoảng hơn 114 tỷ đồng. Các khoản phải thu PVTEX còn lại với tổng số tiền hơn 400 triệu đồng do chưa đến hạn thanh toán tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2019 nên Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

9. NỢ XẤU

|   | Số cuối năm     |                        |                           | Số đầu năm      |                        |                           |
|---|-----------------|------------------------|---------------------------|-----------------|------------------------|---------------------------|
|   | VND             | VND                    | Thời gian quá hạn         | VND             | VND                    | Thời gian quá hạn         |
|   | Giá gốc         | Giá trị có thể thu hồi |                           | Giá gốc         | Giá trị có thể thu hồi |                           |
| Phải thu khó có khả năng thu hồi                                | 243.419.239.097 | 5.133.897.858          |                           | 234.001.401.937 | 424.979.278            |                           |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (i) | 110.143.267.289 | -                      | Trên 3 năm                | 110.143.267.289 | -                      | Trên 3 năm                |
| Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ngọc Lan (ii)                  | 9.153.800.000   | -                      | Trên 3 năm                | 9.153.800.000   | -                      | Trên 3 năm                |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí                       | 114.704.334.648 | 424.979.278            | Từ 6 tháng đến trên 3 năm | 114.704.334.648 | 424.979.278            | Từ 6 tháng đến trên 3 năm |
| - Phải thu liên quan đến bảo lãnh đối ứng (iii)                 | 107.786.937.303 | -                      |                           | 107.786.937.303 | -                      |                           |
| - Phải thu khác   | 6.917.397.345   | 424.979.278            |                           | 6.917.397.345   | 424.979.278            |                           |
| Khác  | 9.417.837.160   | 4.708.918.580          | Trên 6 tháng              | -               | -                      |                           |

- (i) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam từ năm 2012.
- (ii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho khoản phải thu Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ngọc Lan từ năm 2011.
- (iii) Tổng Công ty đã lập dự phòng toàn bộ cho số dư phải thu Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí ("PVTEX") từ năm 2017 trở về trước liên quan đến khoản cam kết bảo lãnh đối ứng cho các khoản vay vốn trung và dài hạn như trình bày tại Thuyết minh số 8.

10. HÀNG TỒN KHO

|   | Số cuối năm              |                         | Số đầu năm               |                        |
|---|--------------------------|-------------------------|--------------------------|------------------------|
|   | VND                      | VND                     | VND                      | VND                    |
|   | Giá gốc                  | Dự phòng                | Giá gốc                  | Dự phòng               |
| Hàng đi đường                               | 275.176.176.470          | -                       | 496.409.760.065          | -                      |
| Nguyên liệu, vật liệu                       | 394.867.677.394          | -                       | 354.525.480.392          | -                      |
| Công cụ, dụng cụ                            | 6.516.834.174            | -                       | 9.557.319.466            | -                      |
| Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang        | 31.776.106.907           | -                       | 52.590.022.079           | -                      |
| Thành phẩm                                  | 393.775.228.075          | (15.100.784.057)        | 283.338.090.388          | -                      |
| Hàng hóa                                    | 268.183.589.881          | (4.556.150.673)         | 468.708.754.014          | (2.466.341.549)        |
| <b>Cộng Hàng tồn kho</b>                    | <b>1.370.295.612.901</b> | <b>(19.656.934.730)</b> | <b>1.665.129.426.404</b> | <b>(2.466.341.549)</b> |
| Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 148.991.115.516          | -                       | 109.307.114.725          | -                      |
| <b>Cộng</b>                                 | <b>1.519.286.728.417</b> | <b>(19.656.934.730)</b> | <b>1.774.436.541.129</b> | <b>(2.466.341.549)</b> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho một số thành phẩm, hàng hóa có giá gốc cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với số tiền là 19.656.934.730 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 2.466.341.549 đồng).

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

|   | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|---|-----------------------|-----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                         |                       |                       |
| Chi phí bảo hiểm tài sản                | 16.777.878.607        | 41.116.019.448        |
| Công cụ, dụng cụ phân bổ                | 10.608.736.879        | 3.702.043.038         |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác         | 2.340.760.101         | 8.654.931.286         |
|   | <b>29.727.375.587</b> | <b>53.472.993.772</b> |
| <b>Dài hạn</b>                          |                       |                       |
| Chi phí xúc tác chuyển hóa CO           | 10.776.145.929        | -                     |
| Trả trước tiền thuê đất, thuê văn phòng | 5.999.981.657         | 10.572.929.492        |
| Công cụ, dụng cụ phân bổ                | 9.859.651.102         | 7.941.007.680         |
| Chi phí trả trước dài hạn khác          | 4.299.965.201         | 4.756.255.963         |
|   | <b>30.935.743.889</b> | <b>23.270.193.135</b> |

12. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

|                               | Nhà cửa, vật kiến trúc |                   | Máy móc, thiết bị |                 | Phương tiện vận tải |                    | Thiết bị văn phòng |     | Khác |     | Tổng cộng |     |
|-------------------------------|------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|---------------------|--------------------|--------------------|-----|------|-----|-----------|-----|
|                               | VND                    | VND               | VND               | VND             | VND                 | VND                | VND                | VND | VND  | VND | VND       | VND |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                        |                   |                   |                 |                     |                    |                    |     |      |     |           |     |
| Số đầu năm                    | 2.402.428.207.103      | 8.235.685.637.851 | 86.156.122.930    | 291.627.713.458 | 637.984.489.504     | 11.653.882.170.846 |                    |     |      |     |           |     |
| Mua sắm mới                   | -                      | 3.685.527.152     | 4.183.361.000     | 13.357.643.205  | -                   | 21.226.531.357     |                    |     |      |     |           |     |
| Thanh lý, nhượng bán          | (41.887.579.808)       | (1.115.309.709)   | (2.372.789.709)   | (312.189.851)   | -                   | (45.687.869.077)   |                    |     |      |     |           |     |
| Phân loại lại                 | (75.086.000)           | 116.442.089       | -                 | (41.356.089)    | -                   | -                  |                    |     |      |     |           |     |
| Số cuối năm                   | 2.360.465.541.295      | 8.238.372.297.383 | 87.966.694.221    | 304.631.810.723 | 637.984.489.504     | 11.629.420.833.126 |                    |     |      |     |           |     |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                        |                   |                   |                 |                     |                    |                    |     |      |     |           |     |
| Số đầu năm                    | 1.188.789.881.974      | 5.647.928.814.694 | 71.376.202.669    | 191.201.248.689 | 101.275.929.893     | 7.200.572.077.919  |                    |     |      |     |           |     |
| Trích khấu hao trong năm      | 136.580.105.740        | 266.326.962.194   | 3.860.745.657     | 34.546.769.113  | 95.246.586.049      | 536.561.168.753    |                    |     |      |     |           |     |
| Thanh lý, nhượng bán          | (36.427.835.768)       | (1.115.309.709)   | (2.169.802.607)   | (312.189.851)   | -                   | (40.025.137.935)   |                    |     |      |     |           |     |
| Phân loại lại                 | (9.668.608)            | (2.845.999)       | -                 | 12.561.182      | (46.575)            | -                  |                    |     |      |     |           |     |
| Số cuối năm                   | 1.288.932.483.338      | 5.913.137.621.180 | 73.067.145.719    | 225.448.389.133 | 196.522.469.367     | 7.697.108.108.737  |                    |     |      |     |           |     |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                        |                   |                   |                 |                     |                    |                    |     |      |     |           |     |
| Tại ngày đầu năm              | 1.213.638.325.129      | 2.587.756.823.157 | 14.779.920.261    | 100.426.464.769 | 536.708.559.611     | 4.453.310.092.927  |                    |     |      |     |           |     |
| Tại ngày cuối năm             | 1.071.533.057.957      | 2.325.234.676.203 | 14.899.548.502    | 79.183.421.590  | 441.462.020.137     | 3.932.312.724.389  |                    |     |      |     |           |     |

Như trình bày tại Thuyết minh số 23, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh thời gian trích khấu hao các tài sản cố định hữu hình của xưởng NPK thuộc Nhà Máy Đạm Phú Mỹ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 theo Nghị quyết số 153/NQ-PBHC ngày 28 tháng 5 năm 2019 của Hội đồng Quản trị về việc chấp thuận nguyên tắc điều chỉnh thời gian trích khấu hao các tài sản cố định thuộc Nhà máy sản xuất NPK với thời gian không quá 15 năm. Việc thay đổi thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình này dẫn tới chi phí khấu hao năm 2019 giảm khoảng 72 tỷ đồng so với việc trích khấu hao theo thời gian cũ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 6.217.712.574.240 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 6.133.246.091.014 đồng).

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

|                               | Quyền sử dụng đất | Bản quyền, bằng sáng chế | Phần mềm máy tính | Tài sản cố định vô hình khác | Tổng cộng         |
|-------------------------------|-------------------|--------------------------|-------------------|------------------------------|-------------------|
|                               | VND               | VND                      | VND               | VND                          | VND               |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                   |                          |                   |                              |                   |
| Số đầu năm                    | 863.853.207.162   | 175.819.275.927          | 83.599.267.704    | 15.819.633.154               | 1.139.091.383.947 |
| Tăng trong năm                | -                 | -                        | 13.186.153.646    | -                            | 13.186.153.646    |
| Số cuối năm                   | 863.853.207.162   | 175.819.275.927          | 96.785.421.350    | 15.819.633.154               | 1.152.277.537.593 |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                   |                          |                   |                              |                   |
| Số đầu năm                    | 36.401.779.513    | 173.163.781.437          | 59.128.014.436    | 10.483.348.525               | 279.176.923.911   |
| Trích khấu hao trong năm      | 5.005.600.203     | 711.684.703              | 8.535.727.400     | 502.377.531                  | 14.755.389.837    |
| Số cuối năm                   | 41.407.379.716    | 173.875.466.140          | 67.663.741.836    | 10.985.726.056               | 293.932.313.748   |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                   |                          |                   |                              |                   |
| Tại ngày đầu năm              | 827.451.427.649   | 2.655.494.490            | 24.471.253.268    | 5.336.284.629                | 859.914.460.036   |
| Tại ngày cuối năm             | 822.445.827.446   | 1.943.809.787            | 29.121.679.514    | 4.833.907.098                | 858.345.223.845   |

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 230.932.740.348 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2018: 229.805.800.348 đồng).

14. TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư cho thuê

|                               | Quyền sử dụng đất | Nhà cửa, vật kiến trúc | Tổng cộng       |
|-------------------------------|-------------------|------------------------|-----------------|
|                               | VND               | VND                    | VND             |
| <b>NGUYÊN GIÁ</b>             |                   |                        |                 |
| Số đầu năm                    | 99.499.152.000    | 235.057.715.544        | 334.556.867.544 |
| Số cuối năm                   | 99.499.152.000    | 235.057.715.544        | 334.556.867.544 |
| <b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b> |                   |                        |                 |
| Số đầu năm                    | 8.652.660.333     | 75.520.944.913         | 84.173.605.246  |
| Trích khấu hao trong năm      | 1.005.683.040     | 9.556.881.527          | 10.562.564.567  |
| Số cuối năm                   | 9.658.343.373     | 85.077.826.440         | 94.736.169.813  |
| <b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>        |                   |                        |                 |
| Tại ngày đầu năm              | 90.846.491.667    | 159.536.770.631        | 250.383.262.298 |
| Tại ngày cuối năm             | 89.840.808.627    | 149.979.889.104        | 239.820.697.731 |

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc của Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh; Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau và Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh do Tổng Công ty và công ty con nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê.

Danh mục Bất động sản đầu tư:

|   | Số cuối năm            |                       |                        | Số đầu năm             |                       |                        |
|---|------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|------------------------|
|   | VND                    | VND                   | VND                    | VND                    | VND                   | VND                    |
|   | Nguyên giá             | Hao mòn lũy kế        | Giá trị còn lại        | Nguyên giá             | Hao mòn lũy kế        | Giá trị còn lại        |
| Tòa nhà Đông Tây tại 27 Đinh Bộ Lĩnh, thành phố Hồ Chí Minh | 90.358.442.144         | 17.304.915.088        | 73.053.527.056         | 90.358.442.144         | 15.504.604.496        | 74.853.837.648         |
| Siêu thị và Cao ốc văn phòng Cửu Long tại tỉnh Cà Mau       | 174.063.459.462        | 57.555.848.535        | 116.507.610.927        | 174.063.459.462        | 51.598.993.197        | 122.464.466.265        |
| Tòa nhà PVFCCo tại 43 Mạc Đĩnh Chi, thành phố Hồ Chí Minh   | 70.134.965.938         | 19.875.406.190        | 50.259.559.748         | 70.134.965.938         | 17.070.007.553        | 53.064.958.385         |
| <b>Cộng</b>   | <b>334.556.867.544</b> | <b>94.736.169.813</b> | <b>239.820.697.731</b> | <b>334.556.867.544</b> | <b>84.173.605.246</b> | <b>250.383.262.298</b> |

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

|   | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND  |
|---|-----------------|-----------------|
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang   | 145.846.801.849 | 136.578.490.420 |
| Trong đó:   |                 |                 |
| Dự án nâng công suất phân xưởng NH <sub>3</sub> nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng nhà máy sản xuất NPK (*) | 48.510.895.106  | 40.264.945.181  |
| Kho Tây Ninh  | 29.120.068.273  | 29.120.068.273  |
| Dự án nhà cán bộ công nhân viên   | 36.342.070.618  | 36.342.070.618  |
| Các dự án khác  | 31.873.767.852  | 30.851.406.348  |

(\*) Toàn bộ giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị của Dự án nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất NPK được thế chấp cho khoản vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Chi tiết tại Thuyết minh số 23). Trong năm 2018, Tổng Công ty đã thực hiện ghi nhận tạm tăng tài sản cố định đối với Dự án nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> Nhà máy Đạm Phú Mỹ theo Quyết định số 94/QĐ-PBHC ngày 07 tháng 3 năm 2018 và Dự án xây dựng nhà máy sản xuất NPK theo Quyết định số 398/QĐ-PBHC ngày 24 tháng 8 năm 2018.

**16. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm hiện tại và năm tài chính trước:

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

|                     | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | Chi phí trích trước chưa có hóa đơn | Lợi nhuận chưa thực hiện | Khác          | Tổng cộng        |
|---------------------|------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------|---------------|------------------|
|                     | VND                                | VND                                 | VND                      | VND           | VND              |
| Tại ngày 01/01/2018 | 12.344.776.946                     | 55.915.670.339                      | 3.923.230.924            | 7.800.641.717 | 79.984.319.926   |
| Ghi nhận trong năm  | (5.630.910.495)                    | (7.916.090.465)                     | 2.971.850.136            | (266.357.720) | (10.841.508.544) |
| Tại ngày 01/01/2019 | 6.713.866.451                      | 47.999.579.874                      | 6.895.081.060            | 7.534.283.997 | 69.142.811.382   |
| Ghi nhận trong năm  | (6.343.891.155)                    | 19.973.284.735                      | (1.701.219.687)          | 310.881.795   | 12.239.055.688   |
| Tại ngày 31/12/2019 | 369.975.296                        | 67.972.864.609                      | 5.193.861.373            | 7.845.165.792 | 81.381.867.070   |

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

|             | Năm nay         |
|-------------|-----------------|
|             | VND             |
| Số đầu năm  | 132.540.000.000 |
| Số cuối năm | 132.540.000.000 |

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

|  | Số cuối năm     |                       | Số đầu năm      |                       |
|--|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
|  | Giá trị         | Số có khả năng trả nợ | Giá trị         | Số có khả năng trả nợ |
| Baker Hughes Asia Pacific Ltd.   | 9.180.250.506   | 9.180.250.506         | 24.111.432.613  | 24.111.432.613        |
| Uralkali Trading SIA   | 83.767.975.000  | 83.767.975.000        | -               | -                     |
| Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 36) | 282.147.171.291 | 282.147.171.291       | 289.651.178.463 | 289.651.178.463       |
| Các nhà cung cấp khác  | 103.469.771.372 | 103.469.771.372       | 101.939.093.513 | 101.939.093.513       |
|  | 478.565.168.169 | 478.565.168.169       | 415.701.704.589 | 415.701.704.589       |

**18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

|   | Số cuối năm VND | Số đầu năm VND |
|---|-----------------|----------------|
| Công ty TNHH VTNN Hưng Thịnh  | 12.935.543.000  | 1.500.000      |
| Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Minh Dũng                             | 10.273.250.000  | 15.204.420.000 |
| Người mua là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 36) | 18.923.588      | 169.381.671    |
| Các khách hàng khác   | 57.609.389.652  | 53.268.616.361 |
|   | 80.837.106.240  | 68.643.918.032 |

**19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

| Chỉ tiêu                          | Phát sinh trong năm |                |                |               |
|-----------------------------------|---------------------|----------------|----------------|---------------|
|                                   | Số đầu năm          | Phát sinh tăng | Phát sinh giảm | Số cuối năm   |
|                                   | VND                 | VND            | VND            | VND           |
| <b>Thuế và các khoản phải thu</b> |                     |                |                |               |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp        | 3.948.417.432       | -              | 795.598.658    | 3.152.818.774 |
| Thuế thu nhập cá nhân             | 1.432.710.998       | 1.684.975.381  | 1.432.710.998  | 1.684.975.381 |
| <b>Cộng</b>                       | 5.381.128.430       | 1.684.975.381  | 2.228.309.656  | 4.837.794.155 |

|                                   | Phát sinh trong năm |                 |                 |                |
|-----------------------------------|---------------------|-----------------|-----------------|----------------|
|                                   | Số đầu năm          | Số phải nộp     | Số đã nộp       | Số cuối năm    |
|                                   | VND                 | VND             | VND             | VND            |
| <b>Thuế và các khoản phải nộp</b> |                     |                 |                 |                |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa        | 4.998.652.880       | 27.280.352.897  | 29.209.295.786  | 3.069.709.991  |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu          | -                   | 7.068.529.971   | 7.068.529.971   | -              |
| Thuế xuất, nhập khẩu              | -                   | 8.827.272.072   | 8.827.272.072   | -              |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp        | 16.827.079.267      | 89.659.234.322  | 45.844.375.272  | 60.641.938.317 |
| Thuế thu nhập cá nhân             | 1.150.780.585       | 31.969.519.804  | 31.262.992.831  | 1.857.307.558  |
| Thuế tài nguyên                   | 262.162.560         | 2.592.925.440   | 2.612.864.640   | 242.223.360    |
| Thuế bảo vệ môi trường            | 14.428.240          | 1.315.343.900   | 852.326.340     | 477.445.800    |
| Thuế môn bài                      | -                   | 18.000.000      | 18.000.000      | -              |
| Thuế nhà thầu nước ngoài          | -                   | 755.139.615     | 755.139.615     | -              |
| Các loại thuế khác                | -                   | 1.439.426.479   | 1.439.426.479   | -              |
| <b>Cộng</b>                       | 23.253.103.532      | 170.925.744.500 | 127.890.223.006 | 66.288.625.026 |

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

|   | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|---|------------------------|------------------------|
| Phải trả về xây dựng cơ bản                                     | 361.100.158.347        | 430.795.403.163        |
| Chi phí vận chuyển khí (*)                                      | 189.037.570.686        | -                      |
| Chi phí lãi vay   | 43.021.018.440         | 41.691.165.925         |
| Chi phí vận chuyển, bốc xếp ure                                 | 15.433.413.873         | 22.809.833.054         |
| Chi phí an sinh xã hội  | 11.243.414.498         | 13.997.804.495         |
| Chi phí bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ | 8.291.623.939          | 11.838.368.461         |
| Chi phí chiết khấu phải trả đại lý                              | -                      | 7.808.091.826          |
| Chi phí phải trả khác   | 50.164.853.274         | 51.289.836.007         |
|   | <b>678.292.053.057</b> | <b>580.230.502.931</b> |

(\*) Chi phí vận chuyển khí phải trả ước tính cho năm 2019 là 1,4315 USD/MMBTU, được căn cứ theo Nghị quyết số 427/NQ-DKVN ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc “Phương án cung cấp khí giữa Tổng Công ty Cổ phần Khí Việt Nam - CTPC (PVGas) và Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo) giai đoạn 2019-2020”, theo đó, tỷ lệ cấp khí bổ sung (khi nguồn khí Bạch Hổ, Rồng - Đồi Mồi không đủ cấp) cho Tổng Công ty giai đoạn 2019 là 50% khí bể Cửu Long và 50% khí bể Nam Côn Sơn, dẫn tới chi phí vận chuyển khí tăng thêm khoảng 189 tỷ đồng trong năm 2019.

21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC

|                               | Số cuối năm<br>VND    | Số đầu năm<br>VND     |
|-------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Phải trả ngắn hạn khác</b> |                       |                       |
| Cổ tức phải trả               | 26.449.417.989        | 25.951.218.689        |
| Tạm ứng bảo hiểm bồi thường   | 19.000.000.000        | -                     |
| Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 8.875.414.575         | 6.972.577.801         |
| Phải trả ngắn hạn khác        | 25.790.826.969        | 21.401.739.812        |
|                               | <b>80.115.659.533</b> | <b>54.325.536.302</b> |
| <b>Phải trả dài hạn khác</b>  |                       |                       |
| Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn  | 960.870.000           | 960.870.000           |
|                               | <b>960.870.000</b>    | <b>960.870.000</b>    |

22. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

|   | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>   |                        |                        |
| Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng tổng thể cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ năm 2020 | 301.977.907.105        | -                      |
| Trích trước chi phí bảo dưỡng Gas Turbine năm 2020                              | 10.670.100.141         | -                      |
|   | <b>312.648.007.246</b> | <b>-</b>               |
| <b>Dài hạn</b>  |                        |                        |
| Trích trước chi phí sửa chữa bảo dưỡng tổng thể cho Nhà máy Đạm Phú Mỹ năm 2020 | -                      | 160.865.000.003        |
| Trích trước chi phí bảo dưỡng Gas Turbine năm 2020                              | -                      | 6.325.364.913          |
|   | -                      | <b>167.190.364.916</b> |

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

| Chi tiêu   | Số đầu năm               |                           | Phát sinh trong năm    |                        | Số cuối năm              |                           |
|--|--------------------------|---------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|---------------------------|
|  | Giá trị VND              | Số có khả năng trả nợ VND | Tăng VND               | Giảm VND               | Giá trị VND              | Số có khả năng trả nợ VND |
| <b>Vay dài hạn</b>   |                          |                           |                        |                        |                          |                           |
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (i)  | 1.203.849.399.911        | 1.203.849.399.911         | 128.235.454.522        | 91.188.561.191         | 1.240.896.293.242        | 1.240.896.293.242         |
| <b>Vay ngắn hạn</b>  |                          |                           |                        |                        |                          |                           |
| Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định | 30.000.000.000           | 30.000.000.000            | 46.580.225.000         | 76.580.225.000         | -                        | -                         |
| <b>Cộng</b>  | <b>1.233.849.399.911</b> | <b>1.233.849.399.911</b>  | <b>174.815.679.522</b> | <b>167.768.786.191</b> | <b>1.240.896.293.242</b> | <b>1.240.896.293.242</b>  |
| <b>Trong đó:</b>   |                          |                           |                        |                        |                          |                           |
| Số phải trả trong vòng 12 tháng                                    | 201.978.485.702          | 201.978.485.702           |                        |                        | 177.270.899.255          | 177.270.899.255           |
| Số phải trả sau 12 tháng   | 1.031.870.914.209        | 1.031.870.914.209         |                        |                        | 1.063.625.393.987        | 1.063.625.393.987         |

(i) Số dư vay và nợ thuế tài chính dài hạn phản ánh khoản vay theo Hợp đồng cho vay dự án số 639/2016/PVFCO-PVB/HĐTD ngày 25 tháng 10 năm 2016 giữa Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh và Tổng Công ty và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh, nhằm mục đích bổ sung vốn đầu tư vào Dự án nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học do Tổng Công ty làm chủ đầu tư. Thời hạn vay tối đa là 108 tháng, thời gian ân hạn tối đa là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (ngày 09 tháng 02 năm 2017) hoặc một thời hạn sớm hơn do bên cho vay xác định khi dự án hoàn thành và bắt đầu có nguồn thu. Lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi suất biên (2,5%/năm). Lãi vay được trả 06 tháng/lần tính trên dư nợ thực tế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số tiền vay đã được giải ngân là 884.907.603.943 đồng và 15.324.524 Đô la Mỹ. Tổng Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị công trình xây dựng và máy móc thiết bị thuộc Dự án nâng công suất phân xưởng NH<sub>3</sub> của Nhà máy Đạm Phú Mỹ và xây dựng Nhà máy sản xuất phân bón NPK công nghệ hóa học để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng nêu trên.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

|  | Số cuối năm<br>VND       | Số đầu năm<br>VND        |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Trong vòng một năm   | 177.270.899.255          | 171.978.485.702          |
| Trong năm thứ hai  | 177.270.899.255          | 171.978.485.702          |
| Từ năm thứ ba đến năm thứ năm  | 531.812.697.104          | 515.935.457.104          |
| Sau năm năm  | 354.541.797.628          | 343.956.971.403          |
|  | <b>1.240.896.293.242</b> | <b>1.203.849.399.911</b> |
| Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn) | 177.270.899.255          | 171.978.485.702          |
| <b>Số phải trả sau 12 tháng</b>  | <b>1.063.625.393.987</b> | <b>1.031.870.914.209</b> |

**24. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

|                                    | Vốn góp của chủ sở hữu   |                       | Thặng dư vốn cổ phần   |                          | Cổ phiếu quỹ           |                        | Quỹ đầu tư phát triển    |     | Lợi nhuận chưa phân phối |     | Lợi ích cổ đông không kiểm soát |     | Cộng |     |
|------------------------------------|--------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|-----|--------------------------|-----|---------------------------------|-----|------|-----|
|                                    | VND                      | VND                   | VND                    | VND                      | VND                    | VND                    | VND                      | VND | VND                      | VND | VND                             | VND | VND  | VND |
| Số dư đầu năm trước                | 3.914.000.000.000        | 21.179.913.858        | (2.296.824.120)        | 3.497.039.984.859        | 442.169.277.324        | 171.132.492.276        | 8.043.224.844.197        |     |                          |     |                                 |     |      |     |
| Lợi nhuận trong năm                | -                        | -                     | -                      | -                        | 699.593.467.601        | 12.880.733.113         | 712.474.200.714          |     |                          |     |                                 |     |      |     |
| Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi     | -                        | -                     | -                      | -                        | (92.710.063.683)       | (2.820.021.228)        | (95.530.084.911)         |     |                          |     |                                 |     |      |     |
| Chia cổ tức                        | -                        | -                     | -                      | -                        | (391.334.260.000)      | (13.225.000.000)       | (404.559.260.000)        |     |                          |     |                                 |     |      |     |
| Điều chỉnh khác                    | -                        | -                     | -                      | -                        | (449.881.276)          | (149.960.427)          | (599.841.703)            |     |                          |     |                                 |     |      |     |
| Số dư cuối năm trước               | 3.914.000.000.000        | 21.179.913.858        | (2.296.824.120)        | 3.497.039.984.859        | 657.268.539.966        | 167.818.243.734        | 8.255.009.858.297        |     |                          |     |                                 |     |      |     |
| Số dư đầu năm nay                  | 3.914.000.000.000        | 21.179.913.858        | (2.296.824.120)        | 3.497.039.984.859        | 657.268.539.966        | 167.818.243.734        | 8.255.009.858.297        |     |                          |     |                                 |     |      |     |
| Lợi nhuận trong năm                | -                        | -                     | -                      | -                        | 377.703.325.589        | 11.156.546.070         | 388.859.871.659          |     |                          |     |                                 |     |      |     |
| Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi (1) | -                        | -                     | -                      | -                        | (77.492.951.528)       | (2.557.073.845)        | (80.050.025.373)         |     |                          |     |                                 |     |      |     |
| Chia cổ tức (2)                    | -                        | -                     | -                      | -                        | (391.334.260.000)      | (11.050.000.000)       | (402.384.260.000)        |     |                          |     |                                 |     |      |     |
| <b>Số dư cuối năm nay</b>          | <b>3.914.000.000.000</b> | <b>21.179.913.858</b> | <b>(2.296.824.120)</b> | <b>3.497.039.984.859</b> | <b>566.144.654.027</b> | <b>165.367.715.959</b> | <b>8.161.435.444.583</b> |     |                          |     |                                 |     |      |     |

(1) Tổng Công ty đã thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

(2) Trong năm 2019, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã công bố chi trả cổ tức còn lại từ lợi nhuận sau thuế năm 2018 với số tiền tương ứng là 391.334.260.000 đồng và 44.200.000.000 đồng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên. Tổng Công ty và các đơn vị thành viên đã thực hiện chi trả cổ tức hầu hết số cổ tức trên trong năm 2019, phần cổ tức còn lại với số tiền 26.449.417.989 đồng sẽ được chi trả trong tương lai.

| Cổ phiếu                               | Số cuối năm | Số đầu năm  |
|--|-------------|-------------|
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng |             |             |
| +) Cổ phiếu phổ thông                  | 391.400.000 | 391.400.000 |
| +) Cổ phiếu ưu đãi                     | -           | -           |
| Số lượng cổ phiếu quỹ                  |             |             |
| +) Cổ phiếu phổ thông                  | 65.740      | 65.740      |
| +) Cổ phiếu ưu đãi                     | -           | -           |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        |             |             |
| +) Cổ phiếu phổ thông                  | 391.334.260 | 391.334.260 |
| +) Cổ phiếu ưu đãi                     | -           | -           |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007696 ngày 31 tháng 8 năm 2007 và sửa đổi lần gần nhất ngày 16 tháng 01 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 3.914.000.000.000 đồng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

| Cổ đông                   | Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi |             | Vốn đã góp               | Vốn đã góp               |
|---------------------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
|                           | VND   | %           | Số cuối năm              | Số đầu năm               |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 2.332.042.530.000                               | 59,58       | 2.332.042.530.000        | 2.332.042.530.000        |
| Các cổ đông khác          | 1.581.957.470.000                               | 40,42       | 1.581.957.470.000        | 1.581.957.470.000        |
|                           | <b>3.914.000.000.000</b>                        | <b>100%</b> | <b>3.914.000.000.000</b> | <b>3.914.000.000.000</b> |

**Cổ tức**

Theo Nghị quyết số 41/NQ-ĐHĐCĐ thông qua ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, các cổ đông đã phê duyệt kế hoạch trích lập các quỹ, phân phối lợi nhuận và cổ tức năm 2019, theo đó tổng số cổ tức chi trả ước tính năm 2019 là 391.334.260.000 đồng, tương ứng 10% mệnh giá cổ phiếu.

Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong năm như sau:

|                                | Vốn góp của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng                   |
|--------------------------------|------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------------|
|                                | VND                    | VND                   | VND                      | VND                    |
| Số dư đầu năm                  | 128.750.000.000        | 17.408.375.673        | 21.659.868.061           | 167.818.243.734        |
| Lợi nhuận trong năm            | -                      | -                     | 11.156.546.070           | 11.156.546.070         |
| Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi | -                      | -                     | (2.557.073.845)          | (2.557.073.845)        |
| Chia cổ tức                    | -                      | -                     | (11.050.000.000)         | (11.050.000.000)       |
| Số dư cuối năm                 | <b>128.750.000.000</b> | <b>17.408.375.673</b> | <b>19.209.340.286</b>    | <b>165.367.715.959</b> |

**25. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

|                   | Đơn vị | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------|--------|-------------|------------|
| Ngoại tệ các loại |        |             |            |
| - Đô La Mỹ        | USD    | 107.256     | 115.741    |
| - Euro            | EUR    | 32.527      | 32.538     |

**26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:**

Tổng Công ty tổ chức bộ phận hoạt động kinh doanh trên cơ sở các đơn vị hoạt động tương đối đồng nhất về lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh. Hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là sản xuất, kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất.

Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đều liên quan đến hoạt động kinh doanh phân đạm và các sản phẩm hóa chất. Doanh thu, giá vốn theo từng mặt hàng và hoạt động sản xuất kinh doanh được trình bày tại Thuyết minh số 27.

**Bộ phận theo khu vực địa lý:**

Tổng Công ty thực hiện phân phối các sản phẩm phân bón, hóa chất, bao bì và cung cấp dịch vụ khắp cả nước thông qua các Công ty con tại từng khu vực bao gồm Miền Bắc, Miền Trung - Tây Nguyên, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Trong năm, Tổng Công ty thực hiện xuất khẩu với doanh thu khoảng hơn 9,7 tỷ đồng - chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Tổng Công ty. Do vậy, gần như toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam.

**27. DOANH THU VÀ GIÁ VỐN**

|                  | Kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước | Kinh doanh hàng hóa nhập khẩu | Tổng cộng                |
|------------------|---|-------------------------------|--------------------------|
|                  | VND                                     | VND                           | VND                      |
| <b>Năm nay</b>   |   |                               |                          |
| Doanh thu thuần  | 6.031.489.758.779                       | 1.652.051.449.279             | 7.683.541.208.058        |
| Giá vốn hàng bán | (4.693.121.813.856)                     | (1.588.326.440.750)           | (6.281.448.254.606)      |
| Lợi nhuận gộp    | <b>1.338.367.944.923</b>                | <b>63.725.008.529</b>         | <b>1.402.092.953.452</b> |
| <b>Năm trước</b> |   |                               |                          |
| Doanh thu thuần  | 6.610.506.937.573                       | 2.686.604.612.836             | 9.297.111.550.409        |
| Giá vốn hàng bán | (4.852.910.819.135)                     | (2.544.729.439.758)           | (7.397.640.258.893)      |
| Lợi nhuận gộp    | <b>1.757.596.118.438</b>                | <b>141.875.173.078</b>        | <b>1.899.471.291.516</b> |



Chi tiết doanh thu kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

|  | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu phân bón sản xuất  | 5.559.476.508.658        | 6.089.913.086.689        |
| Doanh thu hóa chất sản xuất  | 496.042.944.352          | 534.459.992.590          |
| Doanh thu khác   | 54.811.753.201           | 50.677.528.144           |
|  | <b>6.110.331.206.211</b> | <b>6.675.050.607.423</b> |
| Chiết khấu thương mại  | 78.841.447.432           | 64.543.669.850           |
|  | <b>6.031.489.758.779</b> | <b>6.610.506.937.573</b> |
| Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan<br>(chi tiết trình bày ở Thuyết minh số 36) | 144.177.412.348          | 105.204.372.247          |

Chi tiết giá vốn kinh doanh hàng hóa sản xuất trong nước như sau:

|                           | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|---------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn phân bón sản xuất | 4.250.700.169.194        | 4.438.283.341.993        |
| Giá vốn hóa chất sản xuất | 398.655.592.016          | 371.588.587.206          |
| Giá vốn khác              | 43.766.052.646           | 43.038.889.936           |
|                           | <b>4.693.121.813.856</b> | <b>4.852.910.819.135</b> |

**28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

|                                    | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu      | 3.347.003.286.578        | 3.659.146.392.565        |
| Chi phí nhân công                  | 518.289.603.894          | 492.459.098.269          |
| Chi phí khấu hao                   | 561.879.123.157          | 519.256.652.582          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài          | 757.312.810.779          | 887.682.296.362          |
| Chi phí khác bằng tiền và dự phòng | 459.726.088.814          | 546.254.382.715          |
|                                    | <b>5.644.210.913.222</b> | <b>6.104.798.822.493</b> |

**29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

|                             | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|-----------------------------|------------------------|------------------------|
| Lãi tiền gửi                | 136.143.869.942        | 122.849.576.673        |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 2.704.666.045          | 181.891.900            |
| Lãi chênh lệch tỷ giá       | 1.164.889.509          | 626.977.463            |
|                             | <b>140.013.425.496</b> | <b>123.658.446.036</b> |

**30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

|  | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND      |
|--|------------------------|-----------------------|
| Chi phí lãi vay                                  | 106.897.449.564        | 62.586.468.519        |
| Hoàn nhập dự phòng giảm giá khoản đầu tư dài hạn | (130.960.763)          | (146.244.087)         |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá                             | 870.067.956            | 11.355.986.774        |
| Khác   | -                      | 1.783.157             |
|  | <b>107.636.556.757</b> | <b>73.797.994.363</b> |

**31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

|   | Năm nay<br>VND         | Năm trước<br>VND       |
|---|------------------------|------------------------|
| <b>Chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>             |                        |                        |
| Chi phí vận chuyển, bốc xếp lưu kho                     | 220.958.605.457        | 250.787.019.731        |
| Chi phí nhân viên bán hàng                              | 84.633.315.554         | 87.515.125.740         |
| Chi phí an sinh xã hội, quảng cáo, truyền thông         | 125.934.742.184        | 131.248.631.173        |
| Các khoản chi phí bán hàng khác                         | 123.231.339.375        | 142.771.376.881        |
|   | <b>554.758.002.570</b> | <b>612.322.153.525</b> |
| <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b> |                        |                        |
| Chi phí nhân viên quản lý                               | 158.895.319.255        | 147.339.970.519        |
| Phí sử dụng dịch vụ của Tập đoàn                        | -                      | 31.270.942.893         |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định                        | 76.460.401.639         | 85.123.242.211         |
| Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác             | 179.984.095.066        | 221.976.138.764        |
|   | <b>415.339.815.960</b> | <b>485.710.294.387</b> |

**32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

|   | Năm nay<br>VND        | Năm trước<br>VND       |
|---|-----------------------|------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành | 90.454.832.980        | 130.996.067.924        |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước bổ sung                      | -                     | 16.303.752.044         |
| <b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>                      | <b>90.454.832.980</b> | <b>147.299.819.968</b> |

**33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

|  | Năm nay                | Năm trước<br>(trình bày lại) |
|--|------------------------|------------------------------|
|  | VND                    | VND                          |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 377.703.325.589        | 699.593.467.601              |
| - Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi (*)              | (39.807.242.016)       | (130.395.773.196)            |
| <b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>337.896.083.573</b> | <b>569.197.694.405</b>       |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm | 391.334.260            | 391.334.260                  |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                    | <b>863</b>             | <b>1.455</b>                 |

(\*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty ước tính lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019 phê duyệt. Số liệu này có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2020.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2018 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Tổng Công ty và các đơn vị thành viên.

|  | Năm trước              |                         |
|--|------------------------|-------------------------|
|  | Số đã báo cáo<br>VND   | Số trình bày lại<br>VND |
| Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp           | 699.593.467.601        | 699.593.467.601         |
| - Trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi                  | (92.710.063.683)       | (130.395.773.196)       |
| <b>Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>  | <b>606.883.403.918</b> | <b>569.197.694.405</b>  |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm | 391.334.260            | 391.334.260             |
| <b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>                    | <b>1.551</b>           | <b>1.455</b>            |

**34. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau :

|                                | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Trong vòng một năm             | 18.787.639.051         | 17.837.635.440         |
| Từ năm thứ hai đến năm thứ năm | 63.844.300.203         | 61.964.285.761         |
| Sau năm năm                    | 371.545.801.219        | 387.276.786.005        |
|                                | <b>454.177.740.473</b> | <b>467.078.707.206</b> |

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền Tổng Công ty và các đơn vị thành viên phải trả cho việc thuê đất để xây dựng nhà xưởng, kho bãi và thuê văn phòng.

**35. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có các khoản cam kết bảo lãnh đối ứng với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ("Tập đoàn") liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh của Tập đoàn cho các khoản vay vốn trung và dài hạn của Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí ("PVTEX") - Công ty liên kết của Công ty, theo đó Tổng Công ty cam kết hoàn trả cho Tập đoàn toàn bộ gốc vay, lãi vay, chi phí, lệ phí, tổn thất và phí tổn thất phát sinh mà Tập đoàn đã trả cho các ngân hàng tương ứng tỷ lệ vốn góp của Tổng Công ty tại PVTEX, việc hoàn trả được thực hiện trong vòng 45 ngày kể từ ngày Tập đoàn có công văn yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả số tiền đã thanh toán. Ngày 22 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty đã có Công văn số 2668/PBHC-HĐQT báo cáo Tập đoàn những khó khăn trong việc tuân thủ quy định pháp luật khi thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối ứng về khoản vay của PVTEX.

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty đã chuyển trả cho Tập đoàn để thực hiện nghĩa vụ cam kết bảo lãnh với số tiền tổng cộng là hơn 107,8 tỷ đồng, số tiền này đang được theo dõi trên số dư phải thu khác PVTEX.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, số dư gốc vay và lãi vay của PVTEX được đảm bảo bởi toàn bộ tài sản của Dự án "Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Polyester Đình Vũ" cùng với bảo lãnh của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Tổng Công ty (như trình bày ở trên) với tổng giá trị tài sản đảm bảo là khoảng 5.400 tỷ đồng.

Theo Công văn số 9792/CV-KHDN ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam về việc cơ cấu khoản vay dự án xây dựng Nhà máy Sản xuất Xơ sợi Tổng hợp Polyester Đình Vũ, thời hạn trả nợ gốc còn lại bắt đầu từ ngày 21 tháng 6 năm 2017 đến ngày 21 tháng 6 năm 2029. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Tổng Công ty có khoản nợ phải trả tiềm tàng với số tiền khoảng 422 tỷ đồng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty tại PVTEX tại thời điểm cuối năm. Nợ phải trả tiềm tàng trong các năm tiếp theo là chưa chắc chắn và phụ thuộc vào phương án xử lý các vấn đề tồn tại và thu xếp nguồn trả nợ của PVTEX được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**36. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan chủ yếu của Tổng Công ty bao gồm:

- Công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
- Các công ty liên kết
- Các công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

|  | Năm nay<br>VND           | Năm trước<br>VND         |
|--|--------------------------|--------------------------|
| <b>Tập đoàn Dầu khí Việt Nam</b>                                   |                          |                          |
| Cổ tức trả Tập đoàn  | 233.204.253.000          | 233.204.253.000          |
| Phí sử dụng thương hiệu nộp Tập đoàn                               | -                        | 31.270.942.893           |
|  | <b>233.204.253.000</b>   | <b>295.746.138.786</b>   |
| <b>Bán hàng</b>  |                          |                          |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)                    | 95.299.921.626           | 4.812.719.792            |
| Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro                                 | 18.458.003.972           | 6.661.240.817            |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)                           | 13.937.592.000           | 16.460.101.818           |
| Công ty TNHH Nhà nước MTV - Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí | 16.450.713.600           | 52.104.052.400           |
| Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Bắc                   | 31.181.150               | 15.253.204.800           |
| Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC)      | -                        | 9.913.052.620            |
|  | <b>144.177.412.348</b>   | <b>105.204.372.247</b>   |
| <b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>                                       |                          |                          |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)                           | 2.218.029.708.065        | 2.848.063.774.202        |
| Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ                                  | 166.968.446.250          | 220.695.316.310          |
| Công ty Cổ phần PVI  | 34.135.997.346           | 102.549.394.743          |
| Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ               | 22.696.772.612           | 29.060.222.731           |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)                     | 12.198.838.061           | 14.503.775.983           |
| Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam            | 11.457.350.503           | 8.454.255.212            |
| Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOil)                                  | 7.669.212.714            | 32.307.506               |
| Tổng Công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP (PVMR) | 3.201.325.000            | 8.091.328.665            |
| Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật An toàn Dầu khí Việt Nam       | 1.634.326.649            | 5.665.142.625            |
| Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)  | 643.529.170              | 1.247.374.610            |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)      | -                        | 537.002.414.894          |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)         | 42.012.960               | 13.039.616.559           |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)                    | -                        | 1.217.000.318            |
| Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Biển PVD      | -                        | 8.215.312.094            |
|  | <b>2.478.677.519.330</b> | <b>3.797.837.236.452</b> |

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 như sau:

|  | Số cuối năm<br>VND     | Số đầu năm<br>VND      |
|--|------------------------|------------------------|
| <b>Phải thu khách hàng</b>   |                        |                        |
| Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau (PVCFC)                    | 23.158.780.831         | 2.357.563.767          |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)                           | 2.101.105.600          | 2.331.912.000          |
| Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro                                 | 4.565.624.000          | -                      |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)      | 1.150.847.875          | 1.860.734.745          |
| Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ               | 909.521.521            | 463.550.178            |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)                  | 195.253.105            | 195.253.105            |
| Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí                             | -                      | 9.474.124.000          |
|  | <b>32.081.132.932</b>  | <b>16.683.137.795</b>  |
| <b>Trả trước cho người bán</b>                                     |                        |                        |
| Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ                                  | 2.790.396.000          | 17.900.310.000         |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)             | 4.860.607.417          | 4.860.607.417          |
|  | <b>7.651.003.417</b>   | <b>22.760.917.417</b>  |
| <b>Phải thu ngắn hạn khác</b>                                      |                        |                        |
| Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Dầu khí (PVTEX)                  | 114.509.081.543        | 114.509.081.543        |
| Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) | 110.143.267.289        | 110.143.267.289        |
|  | <b>224.652.348.832</b> | <b>224.652.348.832</b> |
| <b>Phải trả người bán</b>  |                        |                        |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)                           | 210.276.167.229        | 234.392.662.645        |
| Công ty Bảo hiểm PVI TP.Hồ Chí Minh                                | 26.194.525.862         | 1.616.943.611          |
| Công ty Cổ phần Bao bì Đạm Phú Mỹ                                  | 17.479.010.350         | 16.651.835.200         |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)      | 16.366.736.381         | 29.566.736.449         |
| Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ               | 7.232.372.204          | -                      |
| Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC Mekong)             | 3.221.660.677          | 3.221.660.677          |
| Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí (PVTrans)                     | 1.350.183.600          | 1.320.968.908          |
| Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (Petrosetco)         | -                      | 634.728.901            |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam  | -                      | 1.506.945.892          |
| Viện Dầu khí Việt Nam (VPI)  | 26.514.988             | 738.696.180            |
|  | <b>282.147.171.291</b> | <b>289.651.178.463</b> |

|   | Số cuối năm VND          | Số đầu năm VND           |
|---|--------------------------|--------------------------|
| <b>Người mua trả tiền trước</b>                               |                          |                          |
| Công ty Bảo hiểm PVI TP. Hồ Chí Minh                          | 18.923.588               | -                        |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)                      | -                        | 139.075.313              |
| Tổng Công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí - CTCP (DMC) | -                        | 30.306.358               |
|   | <b>18.923.588</b>        | <b>169.381.671</b>       |
| <b>Chi phí phải trả</b>                                       |                          |                          |
| Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (PVGas)                      | 189.037.570.686          | -                        |
|   | <b>189.037.570.686</b>   | -                        |
| <b>Vay và nợ thuê tài chính</b>                               |                          |                          |
| Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh | 1.240.896.293.242        | 1.203.849.399.911        |
|   | <b>1.240.896.293.242</b> | <b>1.203.849.399.911</b> |

**37. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 28.265.414.752 đồng (năm 2018: 465.590.840.231 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 8.941.939.292 đồng (năm 2018: 1.625.552.397 đồng), là số tiền lãi của khoản vay dài hạn phát sinh trong năm đã được nhập gốc. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tiền lãi vay đã trả và tiền thu từ đi vay.

Tiền lãi vay đã trả trong năm không bao gồm 43.021.018.440 đồng (năm 2018: 41.665.275.514 đồng), là số tiền lãi của khoản vay dài hạn phát sinh trong năm chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền thu từ đi vay trong năm không bao gồm 41.665.275.514 đồng, là số tiền lãi của khoản vay dài hạn phát sinh trong các kỳ trước đã được nhập gốc. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu tiền thu từ đi vay và chỉ tiêu Tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 26.449.417.989 đồng (năm 2018: 25.951.218.689 đồng), là số cổ tức đã chia chưa thanh toán cho cổ đông. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên chỉ tiêu Tăng, giảm các khoản phải trả.

**Các khoản tiền và tương đương tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, tiền và tương đương tiền bao gồm khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng của Tổng Công ty tại Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương (trước đây là Ngân hàng TMCP Đại Dương) có số dư hơn 284 tỷ đồng. Tại Công văn số 5351/2016/CV-OCEANBANK ngày 04 tháng 10 năm 2016 và Công văn số 60/2018/CV-OCEANBANK ngày 28 tháng 12 năm 2018, Ngân hàng TM TNHH MTV Đại Dương cam kết sẽ thực hiện việc chi trả tiền gửi của khách hàng theo lộ trình chi trả trong đề án tái cơ cấu ngân hàng đang trình Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ phê duyệt.

Trần Xuân Thảo  
Người lập biểu

Võ Ngọc Phương  
Kế toán trưởng

Lê Cự Tân  
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2020



Báo cáo tài chính của Công ty mẹ, phiên bản Báo cáo thường niên trực tuyến xin vui lòng xem tại website của Tổng công ty [www.dpm.vn](http://www.dpm.vn)



## **TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ**

[📍] Địa chỉ: 43 Mạc Đĩnh Chi, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM

[☎] Tel: (84.028) 3825 6258

[📠] Fax: (84.028) 3825 6269

[🌐] Website: [www.dpm.vn](http://www.dpm.vn)